

HỆ THỐNG MẠNG LƯỚI ĐỊA BÀN KINH DOANH:

Trụ sở chính:

306 Bà Triệu, Quận Hai Bà Trưng,
Tp. Hà Nội
Điện thoại: 024.3974 1771
Fax: 024.3974 1760

Chi nhánh Tp. Hồ Chí Minh:

49 Tôn Thất Đạm, Phường Nguyễn Thái Bình,
Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh
Điện thoại: 024.39741771
Fax: 028.3820 0899

Chi nhánh Đà Nẵng:

Tầng 8, số 36 Trần Quốc Toản,
Quận Hải Châu, TP Đà Nẵng
Điện thoại: 024.39741771
Fax: 023.6358 4788

Vui lòng quét mã QR Code để theo dõi
Báo cáo thường niên năm 2020 bản Online



BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2020

VƯƠN CAO NGÀY MỚI

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2020



CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN NGÂN HÀNG CÔNG THƯƠNG VIỆT NAM

Chủ tịch Hội đồng quản trị: Bà **Hồ Thị Thu Hiền**

Quyền Tổng Giám đốc: Ông **Trần Phúc Vĩnh**

Công ty được thành lập ngày 01/09/2000 theo Quyết định số 126/QĐ-HĐQT-NHCTI của Hội đồng quản trị Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam. Chính thức chuyển đổi sang mô hình Công ty Cổ phần theo giấy phép thành lập và hoạt động số 107/UBCK-GP do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 01/07/2009, giấy phép điều chỉnh số 82/GPĐC-UBCK ngày 15/10/2018 và Giấy phép điều chỉnh số 36/GPĐC-UBCK ngày 13/06/2021 và Giấy phép điều chỉnh số 25/GPĐC-UBCK ngày 25/05/2020.

Trụ sở chính: **Số 306 Bà Triệu, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội**

Số điện thoại: **(024).3974 1771**

Fax: **(024).3974 1760**

Website:

www.cts.vn

Số lao động:

168 người

Vốn điều lệ:

1.064.365.760.000 đồng

Vốn đầu tư của chủ sở hữu:

1.070.285.524.053 đồng

Số lượng cổ phiếu đang lưu hành:

106.399.614 (tại ngày 31/12/2020)

Số lượng cổ phiếu quỹ:

36.962 (tại ngày 31/12/2020)

Sàn niêm yết:

Sở Giao dịch Chứng khoán TP Hồ Chí Minh (HOSE)

Mã cổ phiếu:

CTS

MỤC LỤC

PHẦN 1: GIỚI THIỆU VIETINBANK SECURITIES

- 1. Tổng quan về VietinBank Securities 11
- 2. Quá trình Hình thành và Phát triển 13

PHẦN 2: ỔN ĐỊNH VÀ PHÁT TRIỂN

- 1. Thách thức năm 2020 19
- 2. Thành tựu năm 2020 20
- 3. Chỉ số tài chính nổi bật 21
- 4. Kết quả hoạt động năm 2020 24
- 5. Kết quả hoạt động kinh doanh theo mảng nghiệp vụ 25
- 6. Môi trường kinh doanh và triển vọng 33

PHẦN 3: TRẢI NGHIỆM DỊCH VỤ

- A. Tư vấn tài chính doanh nghiệp 43
- B. Bảo lãnh phát hành 46
- C. Dịch vụ chứng khoán 46
- D. Dịch vụ hỗ trợ tài chính 48

PHẦN 4: BÁO CÁO QUẢN TRỊ

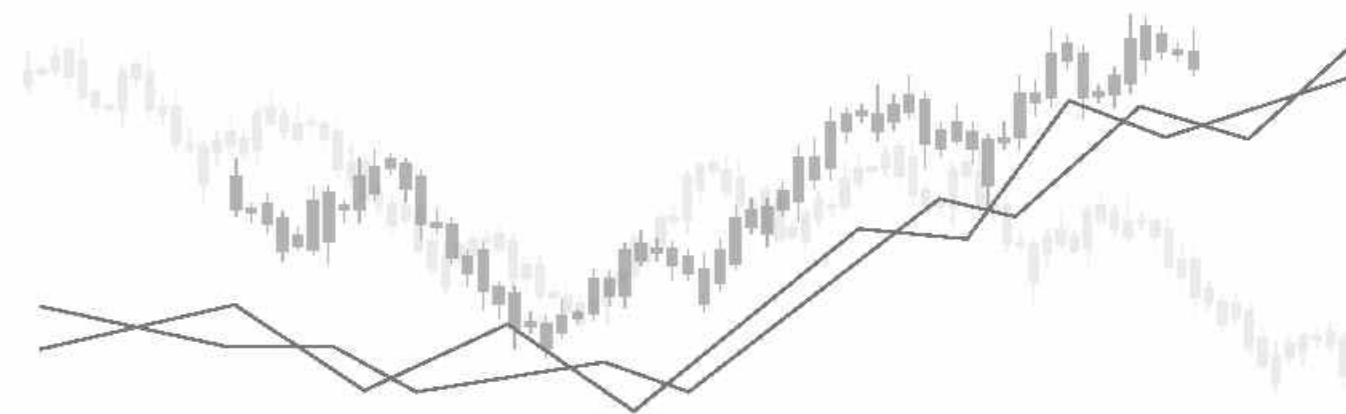
- 1. Thông tin cổ đông 51
- 2. Cơ cấu tổ chức quản trị 52
- 3. Hội đồng quản trị 53
- 4. Ban kiểm soát 58
- 5. Ban Tổng Giám đốc 61
- 6. Kế toán trưởng kiêm Trưởng phòng Kế toán tài chính 67
- 7. Báo cáo của Hội đồng quản trị 68
- 8. Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc 75
- 9. Báo cáo Ban Kiểm soát (BKS) 78
- 10. Báo cáo Kiểm tra kiểm soát nội bộ 79
- 11. Báo cáo Quản trị rủi ro 80

PHẦN 5: BÁO CÁO PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

- A. Mục tiêu thực hiện báo cáo 83
- B. Định hướng phát triển bền vững của VietinBank Securities 85
- C. Cơ cấu quản trị về phát triển bền vững 88
- D. Cách thức xác định nội dung báo cáo 89
- E. Nội dung báo cáo 89

PHẦN 6: BÁO CÁO TÀI CHÍNH

- Thông tin chung 99
- Báo cáo của Công ty 101
- Báo cáo kiểm toán độc lập 103
- Báo cáo tình hình tài chính 105
- Báo cáo kết quả hoạt động 109
- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ 111
- Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu 114
- Thuyết minh báo cáo tài chính 115



THÔNGIỆP CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Kính gửi Quý vị cổ đông, Quý khách hàng và Đối tác,

Năm 2020 là một năm chứng kiến nhiều biến động khi đại dịch Covid-19 bùng phát tại hơn 200 quốc gia và vùng lãnh thổ đã gây ra cuộc khủng hoảng sâu rộng về y tế, xã hội trên toàn cầu và ảnh hưởng nặng nề đến hầu hết các nền kinh tế lớn. Trong bối cảnh nhiều quốc gia phát triển chống đỡ chiến đấu trước dịch bệnh với một mức tăng trưởng âm thì tại Việt Nam tình hình Covid-19 được kiểm soát chặt chẽ đã làm tiền đề quan trọng đưa nền kinh tế nước ta từng bước hoạt động trở lại trong điều kiện bình thường mới. GDP cả năm 2020 mặc dù chỉ tăng 2,91% nhưng trong bối cảnh dịch bệnh Covid-19 diễn biến phức tạp, ảnh hưởng tiêu cực tới mọi lĩnh vực kinh tế – xã hội thì kết quả trên đã là một thành công lớn của Việt Nam với mức GDP thuộc nhóm 04 nền kinh tế có mức tăng trưởng cao nhất thế giới. Điều này cho thấy tính đúng đắn trong chỉ đạo, điều hành khôi phục kinh tế, quyết liệt trong công tác phòng chống dịch bệnh của Chính phủ và sự quyết tâm, đồng lòng, nỗ lực cố gắng của mọi người dân cũng như toàn thể cộng đồng doanh nghiệp để nước ta thực hiện có hiệu quả mục tiêu kép "vừa phòng chống dịch bệnh, vừa phát triển kinh tế – xã hội".

Trên thị trường chứng khoán, sau đợt sụt giảm mạnh trong những tháng đầu năm 2020 bởi lo ngại về ảnh hưởng của dịch bệnh Covid-19 lên khả năng hoạt động cũng sự như hồi phục của các doanh nghiệp và nền kinh tế, chỉ số VN-Index đã tạo đáy tại ngưỡng 649 điểm vào ngày 31/03/2020. Tuy nhiên với nền tảng kiểm soát dịch bệnh hiệu quả, các hoạt động kinh tế xã hội trong nước dần mở cửa và hoạt động trở lại, thị trường chứng khoán đã bắt đầu hồi phục sau quý I và bứt phá



ngoạn mục trong thời gian còn lại của năm. Chỉ số VN-Index đã ghi nhận mức tăng liên tục từ ngưỡng quanh 649 điểm lên 1.105 điểm ngày 31/12/2020, tương đương với mức tăng 14,5% so với cuối năm 2019 và tăng 70% tính từ ngưỡng điểm tạo đáy 650 điểm, vốn hóa thị trường cổ phiếu đã đạt hơn 4 triệu tỷ đồng, tăng mạnh 23,8% so với đầu năm và tương đương khoảng 67% quy mô nền kinh tế.

Với VietinBank Securities, năm 2020 thật đặc biệt khi là mốc son đánh dấu quá trình 20 năm xây dựng và phát triển Công ty. Từ một Công ty chứng khoán với số vốn điều lệ ban đầu là 55 tỷ đồng, đến nay vốn điều lệ của Công ty đã đạt hơn 1.064 tỷ đồng, trong đó quy mô Vốn chủ sở hữu và Tổng tài

sản đều có sự tăng trưởng mạnh, lợi nhuận trước thuế giai đoạn 05 năm 2016-2020 và lợi nhuận sau thuế 04 năm gần nhất của Công ty đều đạt trên 100 tỷ đồng. Trong chặng đường 20 năm này, Công ty đã gặt hái được nhiều thành tựu, bằng khen và giải thưởng cao quý do các cơ quan ban ngành và Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam trao tặng về những đóng góp tích cực cho VietinBank nói riêng và thị trường chứng khoán Việt Nam nói chung.

Năm 2020, với sự hồi phục của thị trường chung cùng với những định hướng chiến lược mới trong hoạt động của Công ty đã giúp Công ty vượt qua những khó khăn trong quý I, đạt được 150,5 tỷ đồng lợi nhuận trước thuế, bằng 107,8% so với năm 2019 và hoàn thành 104,43% kế hoạch lợi nhuận Đại hội đồng cổ đông giao, trong đó, hầu hết các mảng hoạt động kinh doanh đều có doanh thu tăng trưởng mạnh. Công ty vẫn duy trì hoạt động ổn định, liên tục tại các mảng nghiệp vụ, đảm bảo an toàn, hiệu quả trong hoạt động đầu tư, kinh doanh, công tác quản trị rủi ro được đẩy mạnh, hiệu quả quản lý điều hành được nâng cao.

Trong năm 2021 cũng như hành trình sắp tới, chúng tôi đã xác định mục tiêu chiến lược là: Đưa VietinBank Securities phát triển bền vững với tôn chỉ kinh doanh luôn lấy khách hàng làm trọng tâm; Chú trọng nâng cao chất lượng và gia tăng quy mô cung cấp dịch vụ bởi đội ngũ nhân sự chuyên nghiệp; Gắn liền tăng trưởng hiệu quả kinh doanh bền vững theo chiều sâu với nền tảng quản lý rủi ro vững chắc; Nâng cao năng lực tài chính; Phát huy nền tảng công nghệ số để đạt vị trí số 1 trên thị trường và trở

thành một điểm đến an toàn, tin cậy của các nhà đầu tư, khách hàng, đối tác; Tối ưu hóa lợi ích của các cổ đông; Nâng cao thu nhập của cán bộ nhân viên và người lao động.

Thay mặt Hội đồng quản trị Công ty, tôi xin trân trọng cảm ơn Ban Lãnh đạo và toàn thể cán bộ nhân viên, người lao động tại Trụ sở chính, Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh và Chi nhánh Đà Nẵng VietinBank Securities đã và đang nỗ lực, tâm huyết cống hiến hết mình để cùng chung tay xây dựng Công ty ngày càng lớn mạnh. Tôi cũng xin gửi lời tri ân sâu sắc tới các Quý vị cổ đông, khách hàng và các cơ quan, đối tác đã đặt trọn niềm tin, đồng hành cùng VietinBank Securities trong năm 2020 cũng như suốt chặng đường 20 năm hoạt động của Công ty và rất mong sẽ còn nhận được nhiều sự hợp tác của tất cả các Quý vị trong thời gian tới để chúng ta có thể tiếp tục cùng nhau thực hiện khát vọng Vươn cao ngày - Đổi mới phát triển - Hướng tới thành công.

“

Vươn cao ngày mới - Đổi mới phát triển - Hướng tới thành công

Trân trọng!
Hà Nội, ngày 26 tháng 03 năm 2021

Chủ tịch Hội đồng quản trị
Hồ Thị Thu Hiền

THÔNGIỆP CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC

Kính thưa quý cổ đống, khách hàng và đối tác,

Chúng ta vừa kết thúc năm 2020, bức tranh kinh tế vĩ mô đã đạt nhiều thành quả tích cực. Tuy rằng những tháng đầu năm 2020, do ảnh hưởng của đại dịch Covid-19 khiến thị trường chứng khoán Việt Nam giảm điểm mạnh, tính đến cuối quý I/2020, VN-Index giảm 33% so với cuối năm 2019. Nhưng từ quý II đến nay, thị trường đã phục hồi và tăng trưởng bền vững, kéo dài tới giai đoạn cuối năm 2020. Kết thúc năm 2020, chỉ số VN-Index đạt 1.103,87 điểm, tăng 67% so với thời điểm thấp nhất của năm 2020 (ngày 24/03/2020, đóng cửa ở mức 659,21 điểm), tăng 14,9% so với thời điểm cuối năm 2019. Giá trị giao dịch bình quân năm 2020 đạt trên 7.420 tỷ đống/phiên, tăng 59,3% so với bình quân năm 2019. Giá trị vốn hóa thị trường cổ phiếu đạt trên 84% GDP, số lượng nhà đầu tư mở mới cao kỷ lục, hoạt động của thị trường chứng khoán ổn định và nhận được sự tin tưởng của doanh nghiệp cũng như các nhà đầu tư trong và ngoài nước. Riêng cổ phiếu CTS của công ty trong năm 2020 tăng 113,5% (từ 7.400 đ/CP lên 15.800 đ/CP).

2020 – VietinBank Securities: Vươn cao ngày mới

Thị trường chứng khoán Việt Nam đã trải qua giai đoạn khó khăn đầu năm khi thị trường giảm tới 33% và sau đó hồi phục và tăng trưởng ngoạn mục. Trước những diễn biến khó lường của thị trường chứng khoán, chúng tôi tiếp tục từng bước thực hiện định hướng phát triển Công ty trở thành một định chế tài chính cung cấp đầy đủ các dịch vụ của một ngân hàng đầu tư. Điều này đã giúp VietinBank Securities chủ động đương đầu với những khó khăn, thách thức và tận dụng thế mạnh sẵn có để đạt được những kết quả quan trọng. Kết thúc năm 2020, Công ty đạt 150,5 tỷ đống lợi nhuận trước thuế, hoàn thành đạt 104,43% kế hoạch năm được ĐHCĐ giao.

2021 - VietinBank Securities: Đối mới phát triển hướng tới thành công.

Xác định năm 2021, tiếp tục là một năm khó khăn đối với nền kinh tế thế giới nói chung và kinh tế Việt Nam nói riêng, do ảnh hưởng của đại dịch Covid-19 vẫn đang có những diễn biến phức tạp và chưa có biện pháp kiểm soát thực sự hiệu quả. Do đó VietinBank Securities định hướng chủ động đổi mới và tập trung phát triển các mảng hoạt động cốt lõi dựa trên thế mạnh của Công ty Chứng khoán là công ty con của Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam, cụ thể:

Thứ nhất, tập trung đẩy mạnh các dịch vụ, bao gồm:

- ✓ Về mảng Tư vấn Tài chính doanh nghiệp: Tư vấn cổ phần hóa; Tư vấn mua bán sáp nhập; Tư vấn phát hành trái phiếu doanh nghiệp, Tư vấn IPO, Tư vấn cổ phần hóa; Tái cơ cấu doanh nghiệp, thoái vốn nhà nước...
- ✓ Về mảng Môi giới và Tư vấn đầu tư chứng khoán: Nâng cấp và hoàn thiện hệ thống công nghệ thông tin, áp dụng nền tảng công nghệ số vào quản lý vận hành, sản phẩm dịch vụ cung cấp ra thị trường để có thể đáp ứng mọi nhu cầu của khách hàng; Đẩy mạnh thị phần môi giới cổ phiếu trên sàn.

Thứ hai, phát triển các mảng hoạt động Kinh doanh vốn nhằm chủ động trong việc thu xếp nguồn vốn cho các hoạt động kinh doanh, đồng thời tìm kiếm tận dụng các nguồn vốn nước ngoài giá rẻ để giảm chi phí vốn cho Công ty, tiếp tục phát triển mảng kinh doanh giấy tờ có giá.

Thứ ba, thay đổi và làm mới hình ảnh nhận diện của Công ty, phát huy những giá trị cốt lõi của văn hóa doanh nghiệp để VietinBank Securities không chỉ là một Công ty chứng khoán với tuổi đời 20 năm mà còn là một công ty chứng khoán năng động, nhiệt huyết, sáng tạo và chuyên nghiệp.

Với những định hướng nêu trên, chúng tôi mong muốn VietinBank Securities sẽ luôn là thành viên tích cực, có trách nhiệm đối với Thị trường chứng khoán, Xã hội, là đối tác tin cậy của Cổ đống và các Khách hàng đồng thời cũng là nơi để Anh/Chị/Em cán bộ nhân viên yên tâm gắn bó và cống hiến.

Bước sang năm thứ 21 của hành trình kết nối, VietinBank Securities sẽ tiếp tục thực hiện sứ mệnh đã lựa chọn và cam kết mang đến những bước phát triển bền vững cho Doanh nghiệp và Cộng đống. Thay mặt ban điều hành, xin cảm ơn sự đống hành và tin tưởng của quý Cổ đống, Khách hàng, Đối tác và Nhân viên, Người lao đống công ty trong suốt thời gian qua.



“

Năm 2021, VietinBank Securities tiếp tục thực hiện định hướng phát triển thành một định chế tài chính trên cơ sở đổi mới và đẩy mạnh các mảng hoạt động cốt lõi dựa trên lợi thế sẵn có.

Quyền Tổng Giám đống
Trần Phúc Vinh



PHẦN 1: GIỚI THIỆU VIETINBANK SECURITIES

- 1. Tổng quan về VietinBank Securities**
- 2. Quá trình hình thành và Phát triển**

01. TỔNG QUAN VỀ VIETINBANK SECURITIES



Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Công Thương Việt Nam (Công ty Chứng khoán Công Thương – VietinBank Securities; Mã CTS, niêm yết sàn HOSE) là một trong những Công ty chứng khoán uy tín và lâu đời nhất tại Việt Nam. VietinBank Securities đã khẳng định được vị thế của mình thông qua việc cung cấp cho khách hàng tổ chức,

doanh nghiệp và cá nhân các dịch vụ chứng khoán, dịch vụ tư vấn đầu tư, dịch vụ tư vấn tài chính doanh nghiệp chuyên nghiệp và toàn diện. Bên cạnh đó, Công ty cũng được biết đến là một đơn vị kết nối cơ hội hợp tác, tham gia vào các hoạt động xúc tiến đầu tư nhằm cung cấp giải pháp tài chính toàn diện cho doanh nghiệp.

GIÁ TRỊ CỐT LÕI

SUY NGHĨ TÍCH CỰC
THÁI ĐỘ TÍCH CỰC
HÀNH ĐỘNG TÍCH CỰC



TẦM NHÌN
Tiên phong trong lĩnh vực
Ngân hàng đầu tư

SỨ MỆNH
Tạo lập cơ hội thành công
cho khách hàng, cổ đông và
cán bộ nhân viên, đóng góp
tích cực cho sự phát triển
kinh tế - xã hội Việt Nam

“VietinBank Securities cam kết mọi hoạt động của Công ty đều hướng đến lựa chọn những nhân tố tốt nhất nhằm mang lại sự thành công cho khách hàng, cổ đông và cán bộ nhân viên, đồng thời đóng góp tích cực cho sự phát triển kinh tế - xã hội Việt Nam.”

02. QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN

2000

- Công ty TNHH Chứng khoán Ngân hàng Công Thương Việt Nam được thành lập với vốn điều lệ **55 tỷ đồng**.
- Thành lập chi nhánh TP HCM.

2004 – 2008

- Tăng vốn điều lệ từ 55 tỷ đồng lên **100 tỷ đồng, 300 tỷ đồng và 500 tỷ đồng**.

2009

- Cổ phần hóa, chính thức chuyển đổi thành Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Công Thương Việt Nam kể từ ngày 01/07/2009.
- Tăng vốn điều lệ lên **789.934.000.000 đồng**.
- Niêm yết cổ phiếu trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (HNX) với mã chứng khoán: CTS.
- Đưa hạ tầng công nghệ thông tin bao gồm phần mềm lõi chứng khoán của Free Will, hệ thống máy chủ của IBM và hệ thống hạ tầng mạng viễn thông vào hoạt động nhằm nâng cao chất lượng dịch vụ.

2010

- Hoạt động tư vấn Tài chính doanh nghiệp của Công ty lần đầu lọt vào **Top 6** công ty hoạt động hiệu quả nhất thị trường.

2011

- **Top 10** về thị phần Môi giới trên HNX Chính thức triển khai dịch vụ giao dịch chứng khoán trực tuyến.
- **Top 5** các công ty chứng khoán có lợi nhuận tốt nhất năm 2011.

2013

- Đứng **thứ 8** về thị phần Môi giới trên sàn HOSE Quý III/2013.

2014

- Đột phá về hoạt động tư vấn Tài chính doanh nghiệp với mức tăng **227,7%** so với năm 2013.

2015

- Tăng vốn điều lệ lên **904,24 tỷ đồng**.
- Vượt lên vị trí **số 1** thị phần Môi giới sàn giao dịch UPCOM.
- Giải thưởng **"Nhà tư vấn phát hành trái phiếu riêng lẻ tiêu biểu"** do diễn đàn M&A Việt Nam 2015 bình chọn.
- Công ty Chứng khoán thành viên tiêu biểu giai đoạn 2005 – 2016 do HNX bình chọn.
- Danh hiệu Công ty đóng góp liên tục 15 năm cho sự phát triển của TTCK Việt Nam do UBCKNN trao tặng.
- **Top 5** Công ty chứng khoán tiêu biểu trong việc thực hiện nghiệp vụ tư vấn niêm yết và đấu giá năm 2015 do Sở Giao dịch Chứng khoán Hồ Chí Minh trao tặng.
- **Top 10** Công ty chứng khoán có hoạt động IB cao nhất năm 2015.

2016

- Công ty Chứng khoán thành viên tiêu biểu giai đoạn 2015 - 2016 do HNX bình chọn.
- Doanh nghiệp tiến bộ nhất về minh bạch trên HNX năm 2016.
- Giấy khen của Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam: Đã đạt thành tích xuất sắc trong hoạt động kinh doanh 2016.
- Cờ thi đua của Ngân hàng Nhà Nước về việc đã có thành tích xuất sắc, dẫn đầu phong trào thi đua ngành ngân hàng năm 2015.
- **Top 10** Công ty chứng khoán có doanh thu hoạt động IB cao nhất năm 2016.

2017

- Chuyển sàn niêm yết sang Sở giao dịch chứng khoán TP. Hồ Chí Minh (HOSE).
- Tăng vốn điều lệ của Công ty lên **976,5 tỷ đồng**.
- Khai trương chi nhánh tại TP. Đà Nẵng.

2018

- Tăng vốn điều lệ của Công ty lên **1.064,4 tỷ đồng**.
- Chính thức đưa vào vận hành Hệ thống Quản lý và Giao dịch chứng khoán (UNICORE) và Ứng dụng giao dịch chứng khoán qua thiết bị di động (UniMobi).
- Thành viên tiến bộ về tăng trưởng môi giới 2017-2018 do HNX bình chọn.
- Trở thành thành viên bù trừ trực tiếp của Trung tâm Lưu ký chứng khoán.

2019

- Thành viên tiêu biểu năm 2018-2019 do HNX bình chọn.

03. ĐIỂM NHẤN TRONG NĂM 2020

Tổng doanh thu



31/12/2019	504.978	Triệu đồng
31/12/2020	608.987	Triệu đồng
Tăng trưởng	20,6%	

Lợi nhuận trước thuế



31/12/2019	139.642	Triệu đồng
31/12/2020	150.513	Triệu đồng
Tăng trưởng	7,78%	

Tổng tài sản



31/12/2019	2.799.853	Triệu đồng
31/12/2020	4.273.706	Triệu đồng
Tăng trưởng	52,6%	

Số tài khoản chứng khoán CTS quản lý



31/12/2019	74.922	Tài khoản
31/12/2020	77.561	Tài khoản
Tăng trưởng	3,52%	

Nhân sự



31/12/2019	151	Người
31/12/2020	168	Người
Tăng trưởng	11,26%	





PHẦN 2: ỔN ĐỊNH VÀ PHÁT TRIỂN

1. Thách thức năm 2020
 2. Thành tựu năm 2020
 3. Chỉ số tài chính nổi bật
 4. Kết quả hoạt động năm 2020
 5. Kết quả hoạt động kinh doanh theo mảng nghiệp vụ
 6. Môi trường kinh doanh và triển vọng
-

01. THÁCH THỨC NĂM 2020

Thách thức từ thị trường chung:

Bất chấp tình hình dịch Covid-19 diễn biến phức tạp gây ảnh hưởng lên nền kinh tế thế giới, kinh tế Việt Nam năm 2020 vẫn được những kết quả lạc quan: GDP tăng trưởng 2,91% tuy là mức thấp nhất trong thập kỷ gần đây nhưng trong bối cảnh dịch Covid-19 đây là thành công lớn và thuộc nhóm tăng trưởng kinh tế cao nhất thế giới; lạm phát ở mức 2,31%; kim ngạch xuất nhập khẩu đạt mức 545,36 tỷ USD. Trong năm 2020, Việt Nam trở thành sáng lập viên khu vực thương mại tự do lớn nhất thế giới. Tuy nhiên, đi cùng cơ hội để mở rộng và phát triển là những thách thức đối với những nhà lãnh đạo và các doanh nghiệp trong nước nhằm tận dụng tối đa lợi ích từ những sự kiện này.

Năm 2020 được đánh giá là một năm đầy biến động của thị trường chứng khoán do đại dịch Covid-19. Cuộc chiến tranh thương mại Mỹ - Trung tiếp diễn cùng những diễn biến bất ổn khác của tình hình chính trị thế giới như bầu cử tổng thống Mỹ đi kèm với sự chia rẽ giữa bộ phận lớn dân số ở một trong những trung tâm tài chính thế giới; Kinh tế thế giới suy thoái do ảnh hưởng của Covid-19 khiến đa số các quốc gia phải thực hiện biện pháp cách ly xã hội; Từ những sự kiện trên phần nào tạo nên tâm lý e ngại cho nhà đầu tư, khiến dòng tiền trở nên thận trọng, ảnh hưởng tiêu cực đến quý đầu tiên của thị trường chứng khoán.

Thách thức từ môi trường cạnh tranh:

Bên cạnh việc đồng loạt bị ảnh hưởng bởi Covid-19 trong những tháng đầu năm vừa qua, các công ty chứng khoán đã có cuộc cạnh tranh giành thị phần vô cùng khốc liệt. Việc có quá nhiều công ty chứng khoán nước ngoài "đổ bộ" vào thị trường chứng khoán Việt Nam đã tạo nên áp lực nặng nề với các công ty chứng khoán nội trong "cuộc chiến" thị phần. Trong vòng 3 năm gần đây, doanh thu môi giới của các công ty chứng khoán có vốn



ngoại tăng mạnh từ 4,6% lên 12% và trong danh sách doanh nghiệp có thị phần lớn nhất sàn chứng khoán đã xác nhận những cái tên như Mirae Asset hay KIS Việt Nam. Để bắt kịp với nhóm các công ty chứng khoán ngoại, nhiều công ty chứng khoán nội cũng đã triển khai các gói ưu đãi lãi suất để cạnh tranh như Chứng khoán đầu khí (PSI) với mức 10,5%/năm, Chứng khoán Bản Việt (VCSC) 9%/năm, Tân Việt (TVSI) là 8,8%/năm. Một cuộc cạnh tranh về phí giao dịch cũng đang diễn ra song song. Theo thống kê, tỷ lệ phí giao dịch trung vị sau khi giữ ở mức 0,19% một thời gian dài đã liên tục giảm trong các năm gần đây. Đặc biệt, sau quy định không yêu cầu mức tối thiểu phí giao dịch, nhiều công ty chứng khoán trong nước đã áp dụng cả chính sách không phí giao dịch để cạnh tranh. Tuy nhiên, về lâu dài chiến lược ưu đãi sẽ không phải là bước đi bền vững vì sự chênh lệch tài chính giữa khối công ty chứng khoán nội và ngoại, lợi thế cạnh tranh lớn nhất vẫn phải là chất lượng và uy tín dịch vụ.

Thách thức từ vấn đề quản trị công ty:

Ngày 27 tháng 04 năm 2020, Đại hội đồng cổ đông của Công ty Chứng khoán Công thương đã thông qua nghị quyết của Đại hội cổ đông thường niên với kế hoạch chỉ tiêu lợi nhuận trước thuế năm 2020 là 144,127 tỷ đồng. Theo đó, chỉ tiêu lợi nhuận trước thuế tăng 3,21% so với thực hiện của 2019 (139,642 tỷ đồng). Đây được coi là thách thức không nhỏ đối với Ban lãnh đạo trong bối cảnh diễn biến khó lường của thị trường chứng khoán năm 2020.

02. THÀNH TỰU NĂM 2020

Khẳng định vị thế Tư vấn tài chính doanh nghiệp trên thị trường:

Trong năm 2020, Công ty đang tiếp tục duy trì và phát triển quan hệ với các Tập đoàn và các Tổng Công ty lớn như: Tổng công ty Đầu tư và kinh doanh vốn Nhà nước (SCIC), Tổng Công ty Lương thực Miền Bắc, Tổng công ty Than - Khoáng sản Việt Nam, Tổng Công ty 36, Công ty TNHH MTV Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam, Tổng Công ty Công nghiệp Xi măng Việt Nam (VICEM), Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam (VNPT), Tập đoàn Điện lực Việt Nam (EVN), Đài Truyền hình Việt Nam (VTV)... trong việc thực hiện các hợp đồng tư vấn truyền thống (bao gồm tư vấn cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước, thoái vốn, đấu giá, tổ chức Đại hội đồng cổ đông, niêm yết, đăng ký giao dịch UPCOM, phát hành cổ phiếu...). Kết thúc năm 2020, Công ty đã ký mới 80 hợp đồng tư vấn, hoàn thành 69 hợp đồng tư vấn bao gồm 52 hợp đồng tư vấn phát hành và đại lý phát hành trái phiếu cùng 17 hợp đồng tư vấn truyền thống.

Định hướng đầu tư chứng khoán theo phân tích cơ bản:



Tiếp tục định hướng đầu tư theo phân tích cơ bản cho cộng đồng các nhà đầu tư Việt Nam. Trong năm 2020, ngoài các bản tin phân tích, khuyến nghị định kỳ theo từng doanh nghiệp, từng ngành, VietinBank Securities còn có các chuyên đề phân tích chuyên sâu, đánh giá các vấn đề mang tầm vĩ mô, "nóng" của nền kinh tế ảnh hưởng đến thị trường chứng khoán thế giới và trong nước giúp các nhà đầu tư có cái nhìn sâu sắc, toàn diện, từ đó đưa ra các quyết định đầu tư an toàn, hiệu quả hơn.

Nâng cao chất lượng, đa dạng các sản phẩm dịch vụ cung cấp cho khách hàng:

Năm 2020, tiếp tục tận dụng lợi thế Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam (Ngân hàng mẹ), VietinBank Securities tiếp tục nghiên cứu, phối hợp chặt chẽ, hiệu quả với Phòng Thị trường vốn VietinBank, Công ty Quản lý quỹ và các Chi nhánh VietinBank trên toàn quốc tìm kiếm, khai thác và cung cấp chuỗi sản phẩm Ngân hàng đầu tư toàn diện cho khách hàng, giúp khách hàng của VietinBank Securities nói riêng và VietinBank nói chung có được giải pháp tài chính toàn diện, tối ưu với chi phí cạnh tranh.

03. CHỈ SỐ TÀI CHÍNH NỔI BẬT

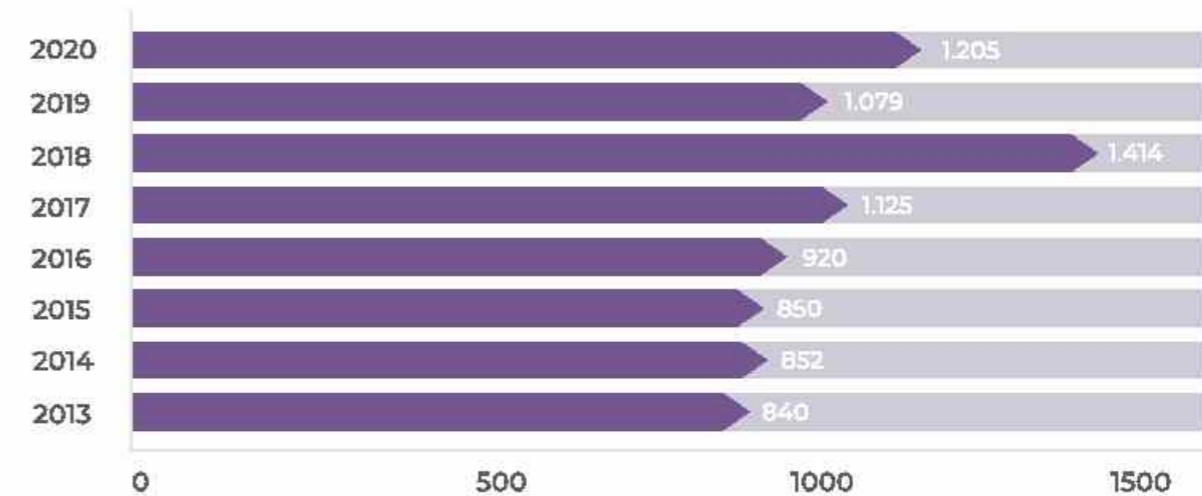
Chỉ tiêu	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020	% tăng giảm 2020 so với 2019
Tổng tài sản	1.838.253	2.576.740	2.799.853	4.273.706	52,64%
Doanh thu thuần	286.830	652.786	504.978	608.987	20,59%
Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán	40.573	56.969	39.120	49.183	25,72%
Doanh thu hoạt động đầu tư chứng khoán, góp vốn	126.873	477.656	377.826	427.474	26,53%
Doanh thu bảo lãnh phát hành chứng khoán	0	0	0	0	0%
Doanh thu đại lý phát hành chứng khoán	2.214	2.595	9.380	22.470	139,55%
Doanh thu hoạt động tư vấn	33.343	17.483	8.558	3.624	-57,65%
Doanh thu lưu ký chứng khoán	24.156	15.835	34.512	27.922	-19,09%
Doanh thu khác	59.671	82.247	75.582	78.314	3,61%
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	132.938	181.456	139.212	148.950	6,99%
Lợi nhuận khác	679	642	430	1.563	263,49%
Lợi nhuận trước thuế	133.617	182.099	139.642	150.513	7,78%
Lợi nhuận sau thuế	109.854	158.777	114.805	128.187	11,65%
Thị phần môi giới	1,02%	1,09%	1,74%	1,60%	
Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu bình quân (ROE)	9,8%	12,8%	8,7%	9,3%	
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	80,00%	70,72%			
Tỷ lệ cổ tức	9%	10%			

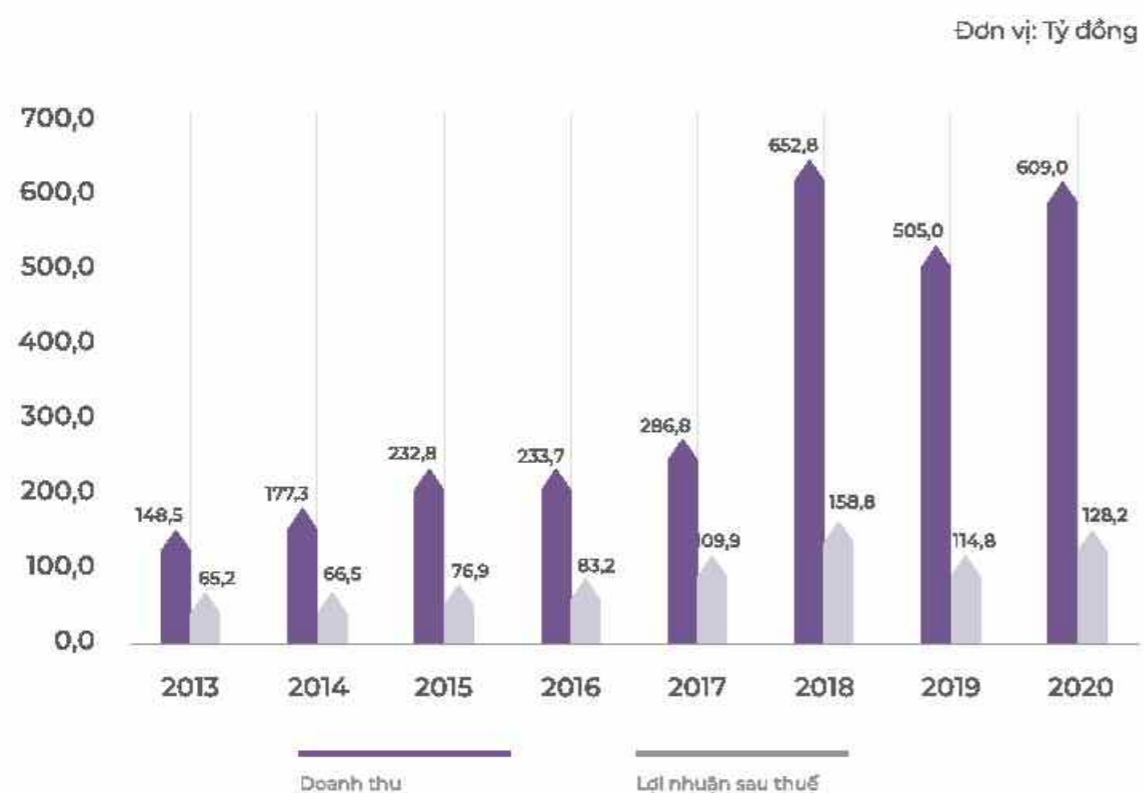
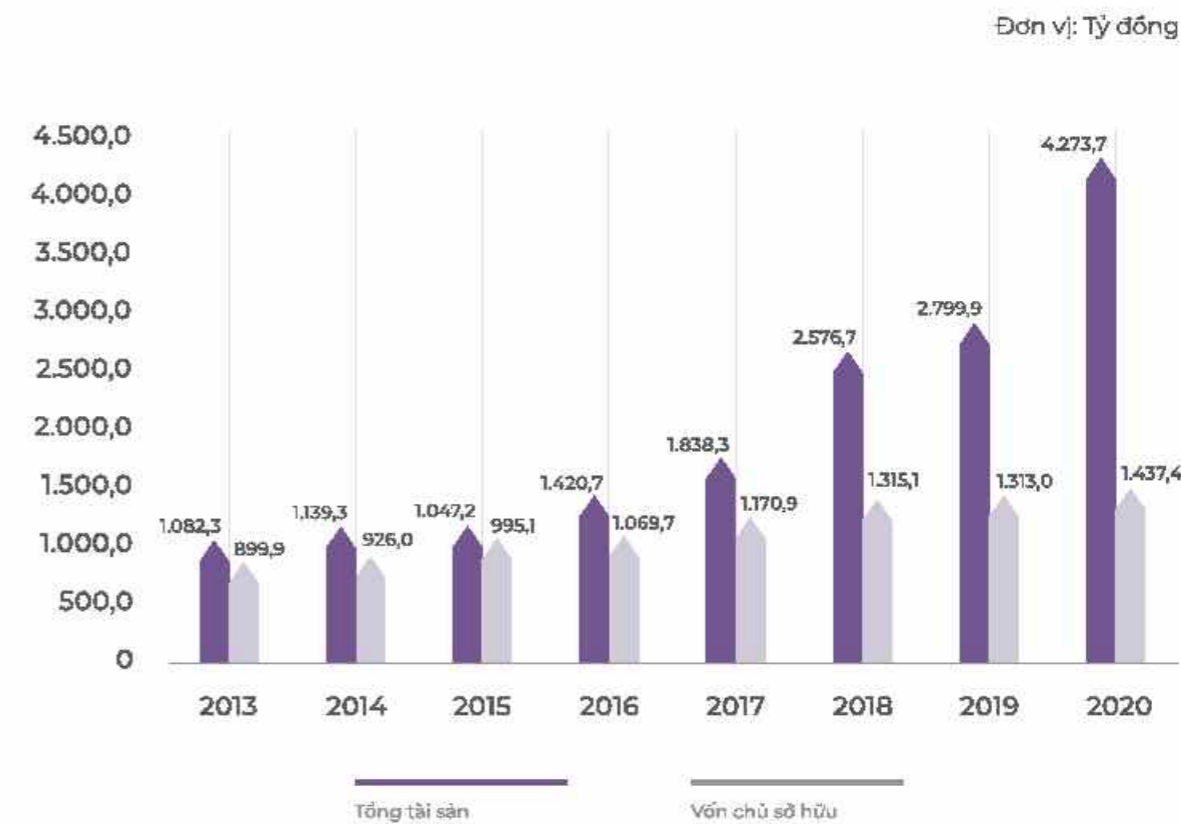
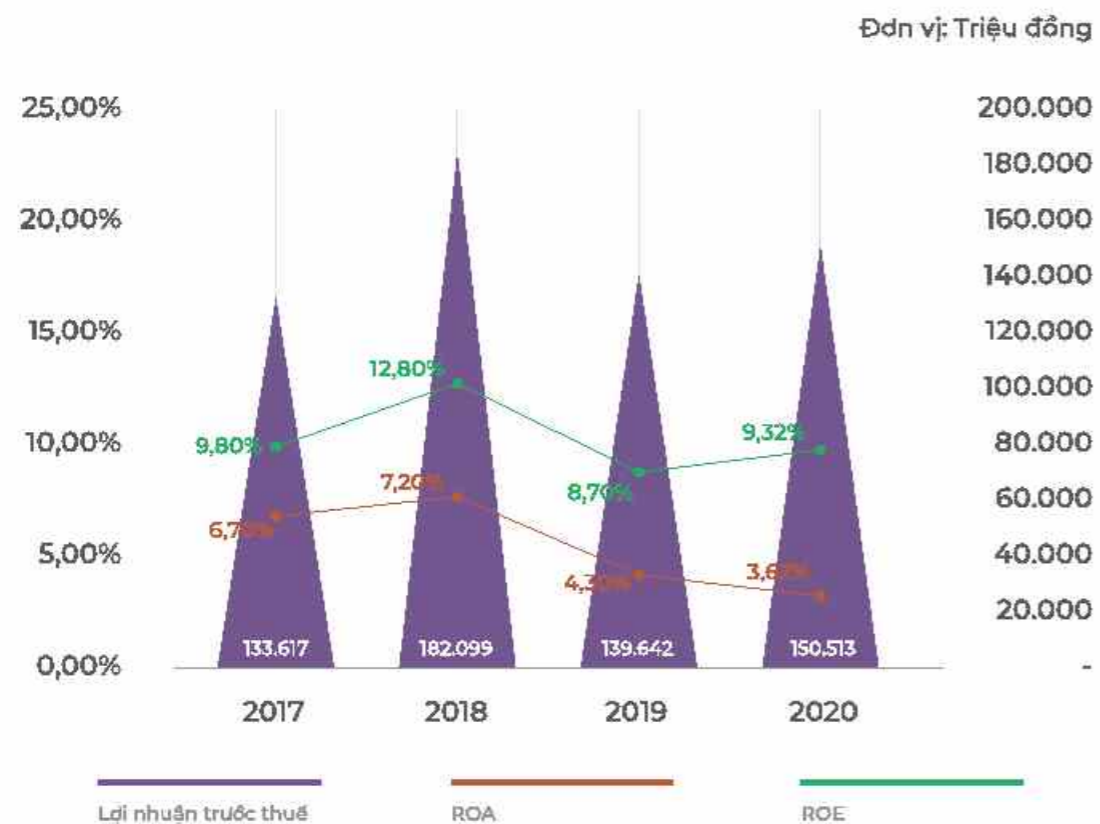
Đơn vị: Triệu đồng

CÁC CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH CHỦ YẾU

		Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán (cuối kỳ)					
Hệ số thanh toán ngắn hạn	Lần	2,64	2,45	2,07	1,5
Hệ số thanh toán nhanh	Lần	0,72	1,08	1,22	0,59
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn (cuối kỳ)					
Hệ số Nợ/Tổng Tài sản	Lần	0,36	0,49	0,53	0,66
Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	Lần	0,57	0,96	1,13	1,97
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động					
Vòng quay/Tổng tài sản bình quân	Vòng	0,18	0,30	0,19	0,17
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời					
Doanh thu thuần/Tổng tài sản bình quân	Lần	0,18	0,30	0,19	0,17
Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%	38,30	24,32	22,73	21,05
Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản bình quân (ROA)	%	6,70	7,20	4,30	3,62
Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu bình quân (ROE)	%	9,80	12,80	8,70	9,32

EPS (đồng/cổ phiếu)





04. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG NĂM 2020

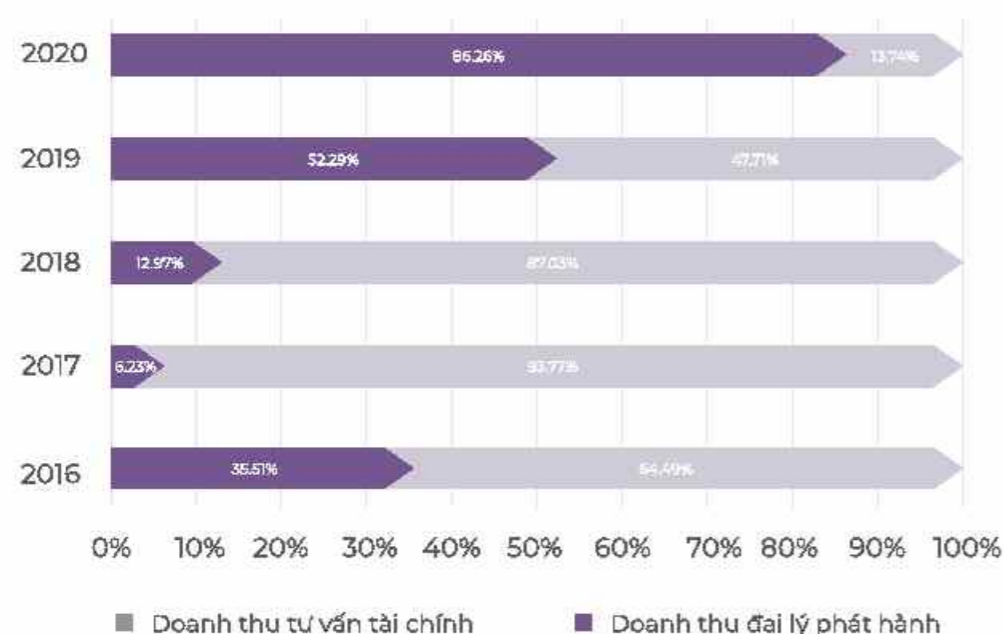
Trong năm 2020, tổng tài sản của VietinBank Securities tăng trưởng mạnh. Tổng tài sản đầu năm đạt 2.799,9 tỷ đồng (trong đó tài sản ngắn hạn đạt 2.613,6 tỷ đồng, tài sản dài hạn đạt 186,2 tỷ đồng), tổng tài sản cuối năm tăng 52,6% so với đầu năm, đạt 4.273,7 tỷ đồng, trong đó tài sản ngắn hạn đạt 4.190,3 tỷ đồng, tăng 60,32% so với thời điểm đầu năm và tập trung chủ yếu ở các khoản các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ, đồng thời công ty cũng có thêm các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn và tài sản tài chính sẵn sàng để bán; tài sản dài hạn đạt 83,3 tỷ đồng, giảm 55,3% so với thời điểm đầu năm, chủ yếu là do giảm hoàn toàn tài sản thuế thu nhập hoãn lại trong khi không có khoản đầu tư tài sản cố định mới.

Cũng trong năm 2020, nguồn vốn của VietinBank Securities có sự biến động lớn, tập trung chủ yếu ở hai khoản mục giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ và vay ngắn hạn, tăng lần lượt 38,1% và 174,2% so với thời điểm đầu năm. Trong khi đó, khoản mục trái phiếu phát hành dài hạn cuối kỳ cũng đã được chi trả hoàn toàn. Kết thúc năm 2020, tổng nợ phải trả của Công ty là 2.836,2 tỷ đồng tăng 90,8% so với thời điểm đầu năm. Về kết quả hoạt động kinh doanh, kết thúc năm 2020, doanh thu thuần của VietinBank Securities đạt 608,99 tỷ đồng, tăng 20,6% so với năm 2019, lợi nhuận trước thuế ở mức 150,5 tỷ đồng vượt 4,4% so với kế hoạch và tăng 7,8% so với lợi nhuận trước thuế năm 2019, lợi nhuận sau thuế năm 2020 đạt 128,2 tỷ đồng, tăng 11,7% so với năm 2019.

05. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH MẢNG NGHIỆP VỤ

5.1. Hoạt động Tư vấn Tài chính Doanh nghiệp

Năm 2020, VietinBank Securities tiếp tục giữ vững vị thế của mình trong mảng dịch vụ tư vấn truyền thống, tư vấn phát hành trái phiếu/thu xếp vốn, trên nền tảng cơ bản đã đạt được từ việc phát triển thương hiệu trong năm 2019, đẩy mạnh hoạt động tư vấn M&A, tư vấn tái cấu trúc tài chính doanh nghiệp và các dịch vụ tư vấn tài chính khác mang lại giá trị gia tăng cao như kết nối cơ hội hợp tác đầu tư, nhằm cung cấp giải pháp tài chính toàn diện cho khách hàng. Năm 2020 đối với hoạt động Tư vấn Tài chính Doanh nghiệp của VietinBank Securities còn gặp nhiều khó khăn do ảnh hưởng của dịch Covid-19; đồng thời, các cơ quan, doanh nghiệp Nhà nước chậm triển khai kế hoạch chuyển nhượng vốn theo lộ trình đã được phê duyệt. Tuy nhiên, VietinBank Securities đã rất nỗ lực trong việc triển khai các hoạt động tư vấn, tiếp tục đẩy mạnh công tác phát triển và tìm kiếm hướng đến khách hàng cũ và mới thông qua các kênh tiếp xúc, đấu thầu với các khách hàng tiêu biểu như: Tổng công ty Đầu tư và kinh doanh vốn Nhà nước (SCIC), Tổng Công ty Lương thực Miền Bắc, Tổng công ty Than - Khoáng sản Việt Nam, Tổng Công ty 36, Công ty TNHH MTV Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam, Tổng Công ty Công nghiệp Xi măng Việt Nam (VICEM), Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam (VNPT), Tập đoàn Điện lực Việt Nam (EVN), Đài Truyền hình Việt Nam (VTV)... Đây là những tiền đề cho việc mở rộng hoạt động sang các mảng tư vấn mang lại giá trị gia tăng cho Công ty trong thời gian tới.



Doanh thu hoạt động Tư vấn Tài chính doanh nghiệp năm 2020 ghi nhận 3,62 tỷ đồng, doanh thu đại lý phát hành đạt 22,47 tỷ đồng, chiếm 86,26% tổng doanh thu hoạt động của toàn Khối Tư vấn Tài chính doanh nghiệp; tổng lợi nhuận đạt 14,86 tỷ đồng. Đạt được kết quả kinh doanh khả quan như trên là do Khối Tư vấn tài chính doanh nghiệp của VietinBank Securities đã nỗ lực trong việc duy trì và phát triển quan hệ với các Tập đoàn, Tổng Công ty lớn đồng thời nỗ lực tìm kiếm, triển khai các giao dịch quy mô lớn gắn liền khách hàng có tên tuổi tạo nền tảng vững chắc cho sự phát triển thương hiệu của VietinBank Securities. Năm 2020, một số thành tựu tiêu biểu của Khối tư vấn tài chính doanh nghiệp có thể kể đến như:

- Trong năm 2020, Khối Tư vấn tài chính doanh nghiệp đã thực hiện ký mới 80 hợp đồng tư vấn, hoàn thành 69 hợp đồng tư vấn bao gồm 52 hợp đồng tư vấn phát hành và đại lý phát hành trái phiếu cùng 17 hợp đồng tư vấn truyền thống.
- Tư vấn chuyển nhượng các khoản đầu tư tài chính, thoái vốn, cổ phần hóa cho các tập đoàn, tổng công ty nhà nước đang có kế hoạch tái cơ cấu như Tập đoàn Điện lực Việt Nam (EVN), Tổng Công ty Than - Khoáng sản Việt Nam, Nhà xuất bản giáo dục Việt Nam, Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam (VNPT), Tổng Công ty Xây dựng Hà Nội - CTCP...
- Tư vấn phát hành trái phiếu thành công cho các đối tác lớn như: Tổng Công ty Than - Khoáng sản Việt Nam, Công ty Cổ phần Tập đoàn Bất động sản Lan Hưng, Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương Tín, Ngân hàng TMCP Bắc Á, CTCP Đất Xanh Miền Trung... Công ty đã tư vấn thu xếp vốn thành công cho nhiều doanh nghiệp lớn với tổng giá trị thu xếp được là gần 9000 tỷ đồng trái phiếu trong nước.
- Tư vấn đăng ký công ty đại chúng thành công cho nhiều đối tác như CTCP Thủy điện Xuân Minh, CTCP Đầu tư Xây dựng và Chuyển giao công nghệ Thành Đoàn...

Kế hoạch năm 2021

Tình hình thị trường tư vấn tài chính trong năm 2021 được đánh giá sẽ tiếp tục khó khăn do các nhu cầu sử dụng dịch vụ tư vấn tài chính đã bước vào giai đoạn bão hòa. Do đó, bên cạnh việc bám sát định hướng xuyên suốt đã đặt ra, VietinBank Securities đang từng bước nghiên cứu chiến lược phát triển sản phẩm mới, bắt nhịp với xu thế chung của thị trường. Cụ thể:

- Tiếp tục thực hiện định hướng khai thác khách hàng lớn là các Tập đoàn, Tổng Công ty đầu ngành và cung cấp dịch vụ tư vấn trọn gói, ban đầu là tư vấn tái cấu trúc, sau đó là tư vấn thu xếp vốn và các dịch vụ gia tăng khác.
- Tiếp tục đẩy mạnh việc khai thác lợi thế là công ty con của VietinBank, chủ động kết hợp với các chi nhánh của VietinBank và các phòng ban khác trong Công ty. Tận dụng khai thác triệt để cơ sở khách hàng doanh nghiệp lớn, phổ rộng trên nhiều lĩnh vực của nền kinh tế quốc dân và khách hàng thường có bề dày quan hệ tín dụng với VietinBank. Đồng thời khai thác nhu cầu sử dụng dịch vụ của đối tượng khách hàng tư nhân vừa và nhỏ nhằm cung cấp các sản phẩm tài chính đặc thù đồng thời bước đầu tạo ra các sản phẩm dịch vụ gia tăng mới. Hướng tới phát triển cung ứng chuỗi dịch vụ giá trị gia tăng.
- Năm 2021, bên cạnh việc tiếp tục giữ vững vị thế của mình trong mảng dịch vụ tư vấn truyền thống, tư vấn phát hành trái phiếu/thu xếp vốn, trên nền tảng cơ bản đã đạt được từ việc phát triển thương hiệu trong năm 2020, VietinBank Securities sẽ đẩy mạnh hoạt động tư vấn M&A, tư vấn tái cấu trúc tài chính doanh nghiệp và các dịch vụ tư vấn tài chính khác mang lại giá trị gia tăng cao như kết nối cơ hội hợp tác đầu tư, nhằm cung cấp giải pháp tài chính toàn diện cho khách hàng.

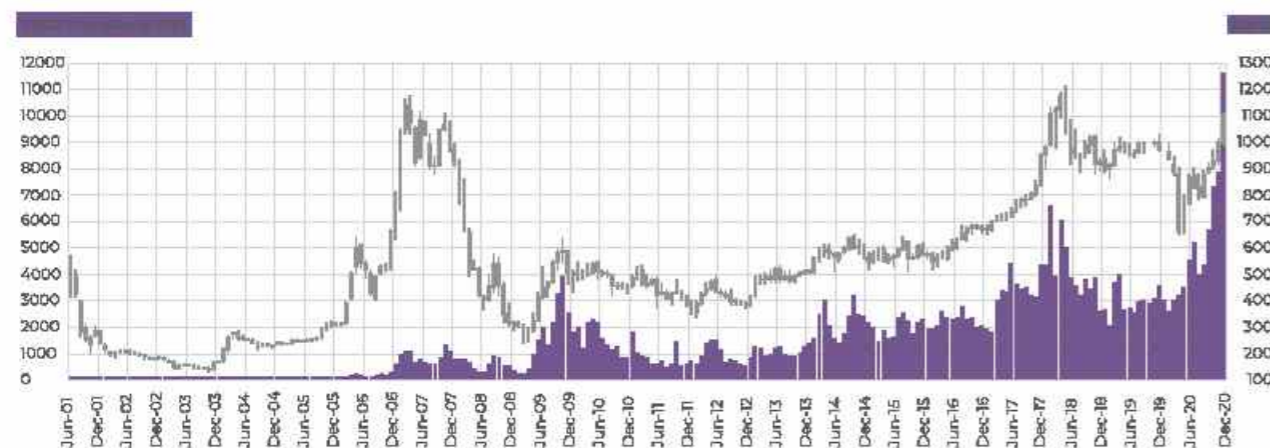
5.2. Hoạt động Tự doanh và Bảo lãnh phát hành

Toàn cảnh thị trường năm 2020

Năm 2020, trước những ảnh hưởng tiêu cực bởi Covid-19 đến toàn bộ nền kinh tế thế giới thì Việt Nam nổi lên là một điểm sáng duy trì được mức tăng trưởng trong nhóm cao nhất thế giới (GDP cả năm 2020 tăng 2,91%).

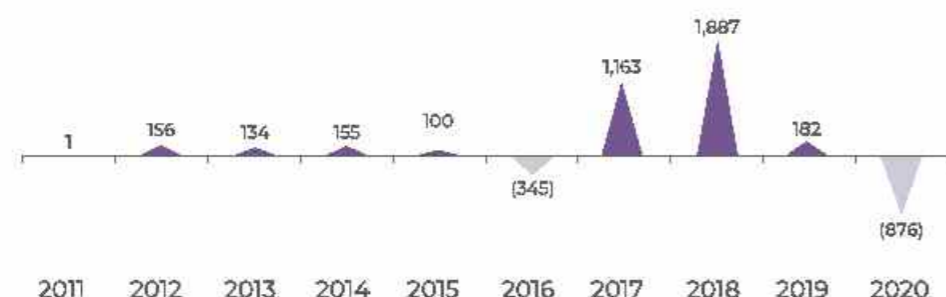
Về thị trường chứng khoán Việt Nam, sau khi lao dốc trong tháng 03/2020 trước làn sóng bán tháo dưới ảnh hưởng của Covid-19, Vn-Index đã chạm mốc thấp nhất trong 3 năm là 662,5 điểm. Tuy nhiên, Vn-Index sau đó đã xác lập sự phục hồi mạnh mẽ và đã vượt mốc 1.100 điểm nhờ những nỗ lực của Chính phủ trong việc kiểm soát dịch bệnh thành công, các hoạt động kinh tế dần trở lại trạng thái bình thường mới và kỳ vọng Việt Nam được hưởng lợi từ câu chuyện tái cơ cấu chuỗi cung ứng toàn cầu và dòng vốn FDI tiếp tục duy trì ở mức cao bất chấp Covid. Kết thúc năm 2020, chỉ số Vn-Index đóng cửa tại mức 1.103,87 điểm ~ +66,62% so với mức thấp tại tháng 03/2020.

Diễn biến chỉ số Vn-Index trong giai đoạn 2001-2020



Với một năm nhiều biến động của thị trường chứng khoán Việt Nam, khối ngoại bán ròng mạnh mẽ xuyên suốt trong năm 2020 và đạt mức tổng giá trị bán ròng kỷ lục là 876 triệu USD. Nếu ngoại trừ giao dịch mua thỏa thuận đối với VHM ~ 798 triệu USD, giá trị bán ròng đạt 1,67 tỷ USD.

Mua/bán ròng của khối ngoại trên HOSE (triệu USD)

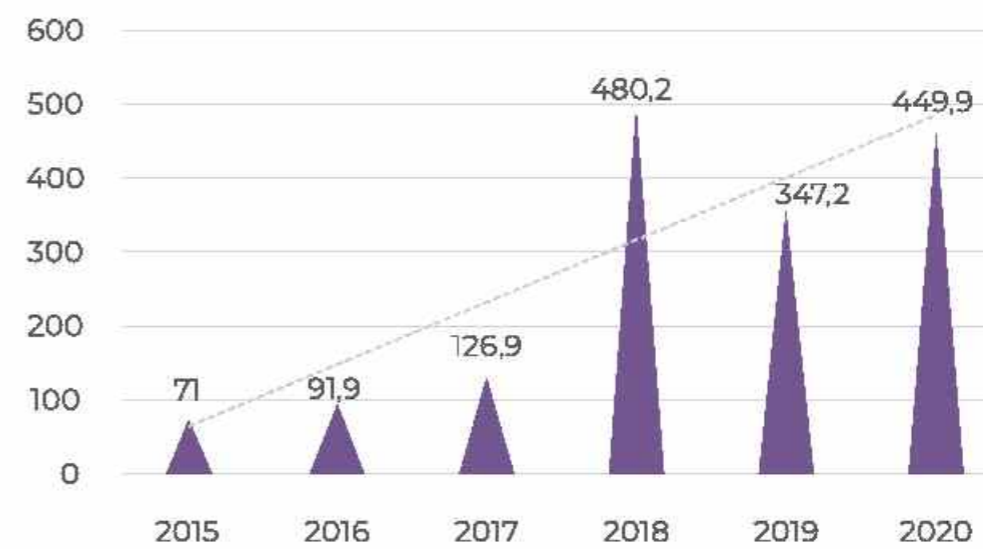


Tính đến hết tháng 12/2020, thanh khoản bình quân cả năm trên Hose và Hnx đạt 7.267 tỷ đồng/phiên, tăng mạnh +63,5% so với mức bình quân 4.444 tỷ đồng/phiên trong năm 2019. Thanh khoản tiếp tục tăng mạnh và đạt mức cao nhất trong tháng 12/2020 với mức thanh khoản trung bình đạt 14.576 tỷ đồng/phiên. Quy mô vốn hóa thị trường của cả 3 sàn tính đến hết ngày 31/12/2020 đạt 5.278 nghìn tỷ đồng tương đương 228 tỷ USD ~ tăng 20% so với năm 2019. Thị trường trái phiếu doanh nghiệp tiếp tục tăng trưởng tốt trong năm 2020, tổng giá trị trái phiếu doanh nghiệp phát hành đạt 437.689 tỷ đồng, tăng 38,8% so với năm trước. Trong đó có 92% là giá trị trái phiếu phát hành riêng lẻ đạt 403.468 tỷ đồng, tăng 36% so với cùng kỳ năm trước.

Hiệu quả hoạt động phòng TỰ doanh và BLPH năm 2020

Năm 2020, mảng TỰ doanh và BLPH của VietinBank Securities ghi nhận một năm có kết quả kinh doanh ấn tượng với doanh thu hoạt động cao thứ 2 trong 5 năm gần đây. Doanh thu hoạt động mảng TỰ doanh và BLPH năm 2020 đạt 449,9 tỷ đồng, tăng 29,6% so với cùng kỳ; lợi nhuận đạt 194 tỷ đồng, tăng 27% so với cùng kỳ.

Doanh thu hoạt động (tỷ đồng)



Với chiến lược phân bổ hợp lý tỷ trọng trái phiếu và cổ phiếu, trong năm 2020, VietinBank Securities tập trung đánh giá và thực hiện chốt lời đối với các khoản đầu tư trong danh mục cổ phiếu có sự tăng trưởng vượt tiềm năng đánh giá của doanh nghiệp và nghiên cứu tìm kiếm các cơ hội đầu tư mới.

Bên cạnh đó, Công ty tiếp tục đẩy mạnh hiệu quả của mảng đầu tư và phân phối Trái phiếu; thúc đẩy, đa dạng hóa nghiệp vụ bảo lãnh phát hành chứng khoán và tăng cường các công cụ tài chính cho nhà đầu tư trên thị trường. Do vậy, hoạt động TỰ doanh và Bảo lãnh vẫn tiếp tục là mảng kinh doanh quan trọng, đóng góp lớn khoảng 73,9% tổng doanh thu hoạt động của VietinBank Securities trong năm 2020, tăng 5,1% so với năm 2019.

Đối với dịch vụ Bảo lãnh phát hành, VietinBank Securities tiếp tục là một trong những đơn vị uy tín nhất trên thị trường chứng khoán, cung cấp đầy đủ, đa dạng các dịch vụ chất lượng đến các nhà đầu tư.

Với quy mô lớn nhất về vốn điều lệ và tổng tài sản trong top 20 công ty chứng khoán tính đến ngày 31/12/2020 vốn chủ sở hữu đạt 1.437 tỷ đồng. Bên cạnh đó, với những lợi thế trong các mối quan hệ truyền thống lâu dài với các ngân hàng nên khả năng huy động nguồn của VietinBank Securities cao, tăng năng lực bảo lãnh.

Kế hoạch năm 2021

Năm 2021 Vn-Index được kỳ vọng tiếp tục có sự tăng trưởng với các động lực từ Covid-19 được kiểm soát hiệu quả trong nước và quốc tế và đi kèm việc phát triển vaccine hiệu quả sẽ thúc đẩy các nền kinh tế nói chung và doanh nghiệp trở lại hoạt động bình thường và từ đó lợi nhuận doanh nghiệp phục hồi rõ nét; bên cạnh đó các chính sách nới lỏng tiền tệ và dòng tiền mới từ nhà đầu tư FO trong thị trường sẽ tiếp tục tạo đà tăng giá cổ phiếu.

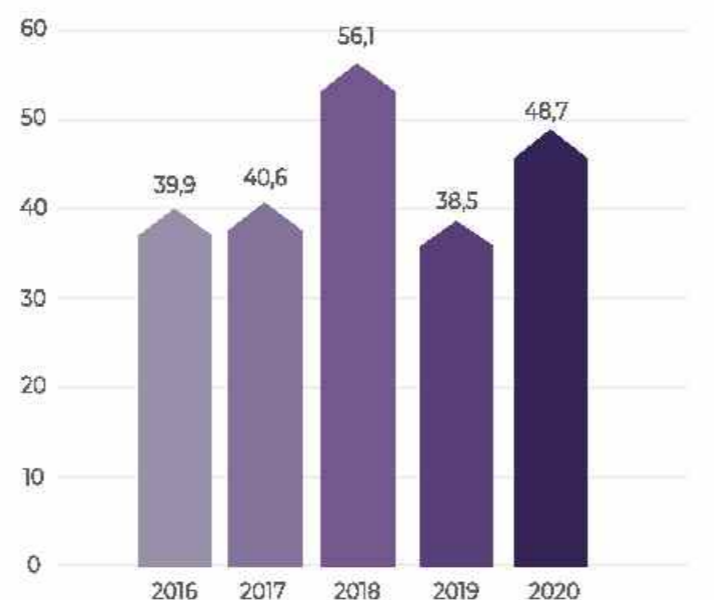
Ở khía cạnh khác, nếu tình hình dịch bệnh tái phát ở Việt Nam và chỉ số VnIndex đang ở vùng đỉnh lịch sử 1.200 điểm sẽ tạo áp lực lớn cho việc giảm giá cổ phiếu. Với những dự báo diễn biến thị trường như trên trong năm 2021, VietinBank Securities đặt kế hoạch tiếp tục phân bổ hợp lý tỷ trọng đầu tư vào trái phiếu và cổ phiếu. Đối với cổ phiếu tiếp tục tái cơ cấu đối với các cổ phiếu kém triển vọng trong danh mục; tìm kiếm các cơ hội là các cổ phiếu có nền tảng cơ bản tốt và có triển vọng tăng trưởng trong dài hạn hoặc những doanh nghiệp có mức chênh lệch hấp dẫn giữa giá trị và thị giá do thị trường đem lại; chú trọng hơn nữa việc đầu tư vào mảng PE (Private Equity) cũng như cơ hội tiềm năng thực hiện IPO trong năm 2021. Đối với trái phiếu hướng đến các doanh nghiệp các doanh nghiệp gặp khó khăn trong việc tiếp cận vốn tín dụng để hưởng lãi suất cao hơn và triển vọng việc đầu tư vào trái phiếu doanh nghiệp vẫn sẽ là một trong những kênh đầu tư hấp dẫn năm 2021.

Ngoài ra, Công ty cũng thúc đẩy, đa dạng hóa nghiệp vụ bảo lãnh phát hành chứng khoán và tăng cường các công cụ tài chính cho nhà đầu tư trên thị trường.

5.3. Hoạt động Môi giới chứng khoán

Trong năm 2020, hoạt động Môi giới chứng khoán đã tập trung phát triển mạnh mẽ khách hàng cá nhân và các khách hàng ưu tiên tại các đơn vị hỗ trợ kinh doanh ở 54 tỉnh thành khắp cả nước. Doanh thu cả năm 2020 từ hoạt động Môi giới chứng khoán đạt xấp xỉ 49 tỷ đồng, tăng 25,7% so với con số 39,1 tỷ đồng của năm 2019. Mặc dù dịch Covid-19 tại Việt Nam trong năm 2020 ảnh hưởng đến tình hình kinh tế, chính trị thế giới năm 2020 phức tạp, kinh tế thế giới tăng trưởng chậm lại và luôn tiềm ẩn yếu tố khó lường, nhưng nhờ những nỗ lực đẩy mạnh phát triển mở rộng mạng lưới khách hàng mà thị phần giao dịch của VietinBank Securities đạt 1,60%, tăng mạnh gần 26% so với năm 2019. Cũng nhờ đó, giá trị giao dịch toàn công ty tăng mạnh so với năm 2019, đạt 30,7 nghìn tỷ đồng, tăng 4,2%.

Doanh thu môi giới qua các năm



(Đơn vị: Tỷ đồng)

(Đơn vị: Tỷ đồng)

STT	Chỉ Tiêu	2018	2019	2020
1	Giá trị giao dịch	35.819,6	29.415	30.652
2	Phí giao dịch	56,1	38,5	48,6
3	Thị phần giao dịch	1,09%	1,27%	1,60%

Tổng mức dư nợ cho vay giao dịch ký quỹ của VietinBank Securities tại thời điểm cuối năm 2020 đạt gần 923 tỷ đồng, tăng 40,3% so với năm 2019. Doanh thu lãi margin toàn Công ty đạt gần 77,4 tỷ đồng, tăng 2,68% so với năm 2019.

(Đơn vị: Tỷ đồng)

STT	Chỉ Tiêu	2018	2019	2020
1	Dư nợ margin	714,9	657,7	923
2	Lãi margin	81,8	75,4	77,4

Kế hoạch năm 2021

Năm 2021, hoạt động môi giới chứng khoán của VietinBank Securities sẽ tiếp tục tập trung đẩy mạnh giao dịch của khách hàng cá nhân và khách hàng VIP thông qua các gói sản phẩm dịch vụ chất lượng cao, phù hợp hơn cho khách hàng. Bên cạnh đó, công ty cũng sẽ đẩy mạnh mảng bán lẻ trái phiếu nhằm tăng doanh thu cũng như tính cạnh tranh của mảng môi giới trên thị trường.

Kể từ năm 2018, hệ thống phần mềm Unicore của Công ty đã được nâng cấp và dần hoàn thiện với nhiều tính năng mới cũng như tốc độ được cải thiện đáng kể, giúp tăng năng suất lao động cũng như chất lượng dịch vụ. Từ thành công đó, trong năm 2021, Khối môi giới sẽ tiếp tục đưa ra các sản phẩm con thuộc hệ thống Unicore nhằm phục vụ tốt hơn nữa nhu cầu của khách hàng cũng như cải thiện chất lượng công việc của nhân viên môi giới.

5.4. Hoạt động Kinh doanh vốn

Diễn biến chung về Thị trường trong năm 2020

► Kinh tế vĩ mô

Với ảnh hưởng từ những diễn biến phức tạp của đại dịch Covid-19, năm 2020 được ghi nhận là một năm đầy biến động đối với tình hình kinh tế tài chính thế giới nói chung và Việt Nam nói riêng. Bằng việc kiểm soát dịch một cách chặt chẽ từ Chính phủ, Việt Nam đã cố gắng xây dựng và hoàn thiện một năm tài chính đầy tích cực trước những thách thức vô cùng lớn từ thị trường tài chính thế giới. Chỉ số GDP ghi nhận tăng trưởng 2,91% trong năm 2020, con số này phần nào đưa Việt Nam trở thành một trong những nền kinh tế tăng trưởng nhanh nhất thế giới. Bên cạnh đó, vào tháng 12/2020, lạm phát ở mức 0,19% YoY, khiến mức CPI trung bình của cả năm 2020 đạt 3,23%.

► Thị trường tiền tệ

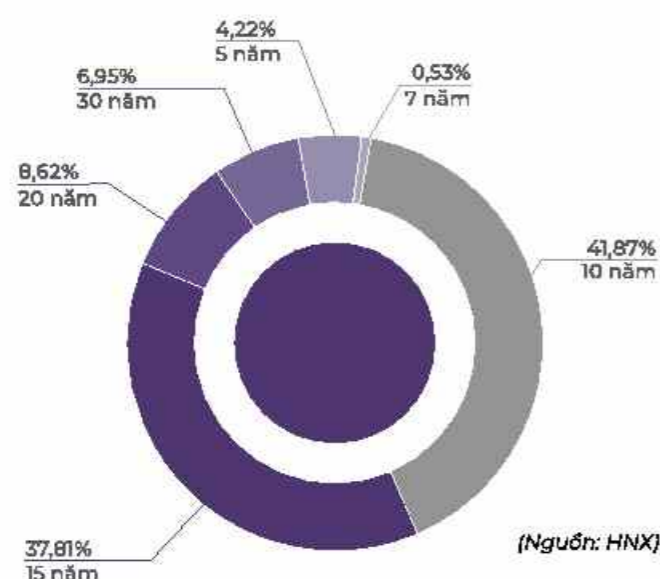
Hoạt động tín dụng trong năm 2020 tăng trưởng 12,13%. Xét về mặt lãi suất, trong năm vừa qua, để hỗ trợ thị trường nhằm thúc đẩy nền kinh tế, Ngân hàng Nhà nước đã thực hiện các chính sách nới lỏng tiền tệ thông qua các công cụ điển hình như việc thực hiện cắt giảm lãi suất điều hành liên tục 3 lần trong suốt khoảng thời gian năm 2020, đặc biệt đầu năm 2020, lãi suất OMO được điều chỉnh từ 4%/năm về chỉ còn 2,5%/năm tại thời điểm cuối năm. Chính vì vậy, theo thống kê, lãi suất VND trên thị trường liên ngân hàng trong năm vừa qua ở mức thấp nhất từ trước đến nay, đặc biệt lãi suất kỳ hạn qua đêm trung bình ở mức 0,1%/năm trong suốt khoảng thời gian 06 tháng cuối năm 2020. Do nhận được sự hỗ trợ tích cực từ phía Ngân hàng Nhà nước (NHNN), thanh khoản thị trường vô cùng dồi dào, thậm chí có những thời điểm NHNN đã thực hiện phát hành tín phiếu để cân bằng lại nguồn cung tiền trên thị trường liên ngân hàng. Bên cạnh đó phải nói đến chính sách mua ngoại hối liên tục từ thị trường của NHNN với khối lượng 13 tỷ USD tương đương với bdm ròng 300.000 tỷ VND ra ngoài thị trường.

► Thị trường trái phiếu

So với kế hoạch đề ra đầu năm, tổng khối lượng phát hành Trái phiếu Chính phủ trong năm 2020 đạt 323.953 tỷ VND tức vượt 24,06% kế hoạch đã đề ra. Kỳ hạn phát hành trải dài từ 5 năm đến 30 năm, trong đó phần lớn Trái phiếu trúng thầu ở kỳ hạn 10 năm và 15 năm. Lãi suất phát hành bình quân trong năm đạt 2,83%/năm và lợi suất giao dịch có xu hướng giảm so với năm 2019 do tình hình lãi suất giảm trong suốt năm 2020.

Do yếu tố dịch bệnh bùng phát, thị trường giao dịch thứ cấp Trái phiếu trải qua việc biến động tăng giảm với biên độ mạnh trong suốt khoảng thời gian năm 2020. Tổng giá trị giao dịch outright trên thị trường thứ cấp đạt khoảng 1.680 tỷ VND, tăng trưởng 47,9% so với năm 2019 với giá trị tương ứng là 1.136 tỷ VND. Theo thống kê, giá trị bình quân của một phiên giao dịch ở mức khoảng 6.666 tỷ VND. Việc lãi suất biến động giảm trong năm 2020 là một trong những nguyên nhân chính khiến cho Trái phiếu kỳ hạn ngắn trở nên kém hấp dẫn hơn, bên cạnh đó với việc biến động khó lường của lãi suất, Trái phiếu kỳ hạn dài 20 – 30 năm cũng không đủ hấp dẫn để các Tổ chức ra quyết định đầu tư. Chính vì vậy kỳ hạn giao dịch chủ yếu trên thị trường vẫn là Trái phiếu có kỳ hạn từ 10 năm – 15 năm.

Biểu Đồ Thống Kê Theo Giá Trị Trúng Thầu



Hoạt động Kinh doanh vốn trong năm 2020

Năm 2020 đánh dấu một năm hoạt động đầy mới mẻ và tích cực với mảng Kinh doanh vốn của VietinBank Securities. Bộ phận Kinh doanh vốn hoạt động với 2 mục tiêu chính: (i) cân đối thanh khoản cho toàn Công ty; và (ii) đầu tư kinh doanh các loại hình Giấy tờ có giá (GTCG).

Trong suốt năm 2020, với những nỗ lực không ngừng trong việc đàm phán và đẩy mạnh mở rộng hạn mức tín dụng của Công ty nhằm bổ sung nguồn vốn lưu động phục vụ hoạt động kinh doanh đồng thời tối ưu hóa chi phí vốn đầu vào. So với năm 2019, Tổng hạn mức tín dụng của Công ty trong năm 2020 đã tăng lên đến gần 2,5 lần, từ việc chỉ có 5 Ngân hàng Thương mại cấp hạn mức tín dụng, hiện nay Công ty đã được cấp hạn mức tín dụng tại 10 Ngân hàng Thương mại cổ phần lớn trên thị trường, đặc biệt hơn con số này vẫn chưa dừng lại, và thậm chí sẽ có nhiều bút phá hơn trong năm 2021. Bên cạnh đó, với việc mở rộng và phát triển trong hoạt động kinh doanh, VietinBank Securities đã và đang nâng cao dần uy tín và vị thế trên thị trường, và bắt đầu tiếp cận được nhiều nguồn vay vốn với mức giá hợp lý đến từ các Ngân hàng trong và ngoài nước. Bên cạnh việc sử dụng các hạn mức vay tín dụng thông thường, việc sử dụng linh hoạt các công cụ tài chính khác cũng là cách để tối ưu hóa chi phí vốn cho Công ty.

Trên thị trường hiện nay, hoạt động kinh doanh vốn của các Công ty chứng khoán đã và đang thực hiện hết sức tích cực và đa dạng. Nhận thấy sự cần thiết trong việc đẩy mạnh phát triển cũng như tạo uy tín và vị thế trên thị trường, VietinBank Securities đã không ngừng cố gắng phát triển đẩy mạnh các

hoạt động kinh doanh vốn. Hoạt động đầu tư kinh doanh vốn của Công ty được thực hiện chính thông qua các hình thức sau:

- **Hoạt động đầu tư, giao dịch kỳ hạn Trái phiếu Chính phủ:** Tính đến hết năm 2020, Công ty đã thực hiện đầu tư, giao dịch kỳ hạn với tổng giá trị lên tới hàng chục ngàn tỷ đồng Trái phiếu Chính phủ (TPCP). Việc tăng trưởng doanh số trong năm 2020 đã phần nào thể hiện việc hoạt động tích cực và được ghi nhận nhiều hơn của VietinBank Securities trên thị trường, đồng thời phát triển, mở rộng thêm nhiều mối quan hệ với các định chế tài chính khác trên thị trường.
- **Hoạt động đầu tư, giao dịch kỳ hạn Chứng chỉ tiền gửi:** Trong năm 2020, VietinBank Securities đã thực hiện đa dạng hóa danh mục đầu tư hơn bằng hình thức đầu tư Chứng chỉ tiền gửi được phát hành bởi các Tổ chức tài chính trên thị trường. Việc đầu tư được thực hiện với nhiều mục đích như nắm giữ hoặc hưởng chênh lệch hoặc tạo nguồn. Hoạt động Kinh doanh vốn được thực hiện linh hoạt thông qua các quyết định đầu tư hoặc kinh doanh đúng thời điểm. Chính vì vậy, hoạt động đầu tư Chứng chỉ tiền gửi trong năm 2020 cũng đã đóng góp một phần không nhỏ vào doanh thu/lợi nhuận cho Công ty bên cạnh những hoạt động kinh doanh trọng yếu khác. Sự nhạy bén trong việc ra các quyết định đầu tư, lựa chọn phương thức đầu tư luôn là một trong những yếu tố cần thiết mà Công ty chú trọng trong hoạt động Kinh doanh vốn.
- **Phân phối Trái phiếu doanh nghiệp:** Năm 2020 được đánh dấu là một năm quan trọng trong việc phát triển mảng Phân phối Trái phiếu doanh nghiệp của VietinBank Securities. Công ty đã đồng hành cùng Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam trong việc thực hiện các giao dịch mua/bán Trái phiếu tăng vốn Cấp 2. Bên cạnh đó, không thể không kể đến hoạt động Phân phối bán lẻ Trái phiếu Doanh nghiệp dựa trên danh mục đầu tư của Công ty. Hoạt động kinh doanh này không những mang lại thuận lợi về mặt thanh khoản cho Trái phiếu mà còn đa dạng hóa danh các sản phẩm dịch vụ hướng tới khách hàng mà còn là cơ sở để Công ty ra quyết định tái đầu tư Trái phiếu khi cần thiết với mục đích sinh lời khi lãi suất Trái phiếu vẫn còn đủ hấp dẫn.

Năm 2020 có thể coi là một năm khởi đầu ấn tượng trong hoạt động Kinh doanh vốn của VietinBank Securities. Để tiếp tục khẳng định vị thế và cung cấp các sản phẩm dịch vụ tốt đến khách hàng, Công ty sẽ tiếp tục không ngừng phát triển các hoạt động kinh doanh vốn trong những năm tiếp theo.

Kế hoạch năm 2021

Với sự biến động của nền kinh tế thế giới đến từ những bất ổn như dịch bệnh, chiến tranh thương mại Mỹ - Trung thậm chí là quan điểm về việc thao túng tiền tệ mà Hoa Kỳ đưa ra với Việt Nam, năm 2021 dự kiến sẽ tiếp tục biến động khó lường về mặt lãi suất. VietinBank Securities cho rằng đây là một trong những thách thức vô cùng lớn về mặt ra quyết định đầu tư kinh doanh.

Với những nhận định trên, VietinBank Securities sẽ luôn tích cực tìm kiếm các cơ hội đầu tư, phân phối GTCG hấp dẫn trên thị trường, luôn chủ động đa dạng hóa các hình thức và công cụ đầu tư, duy trì và mở rộng mạng lưới quan hệ với các định chế tài chính trong và ngoài nước cũng như hạn mức tín dụng tương ứng với chi phí đầu vào hợp lý để mở rộng và đáp ứng các nhu cầu kinh doanh đầu tư khi cần thiết. Hơn hết, VietinBank Securities sẽ không ngừng củng cố, đào tạo đội ngũ nhân lực chuyên nghiệp với kiến thức chuyên môn nghiệp vụ tốt và sâu rộng trong hoạt động Kinh doanh vốn của Công ty.

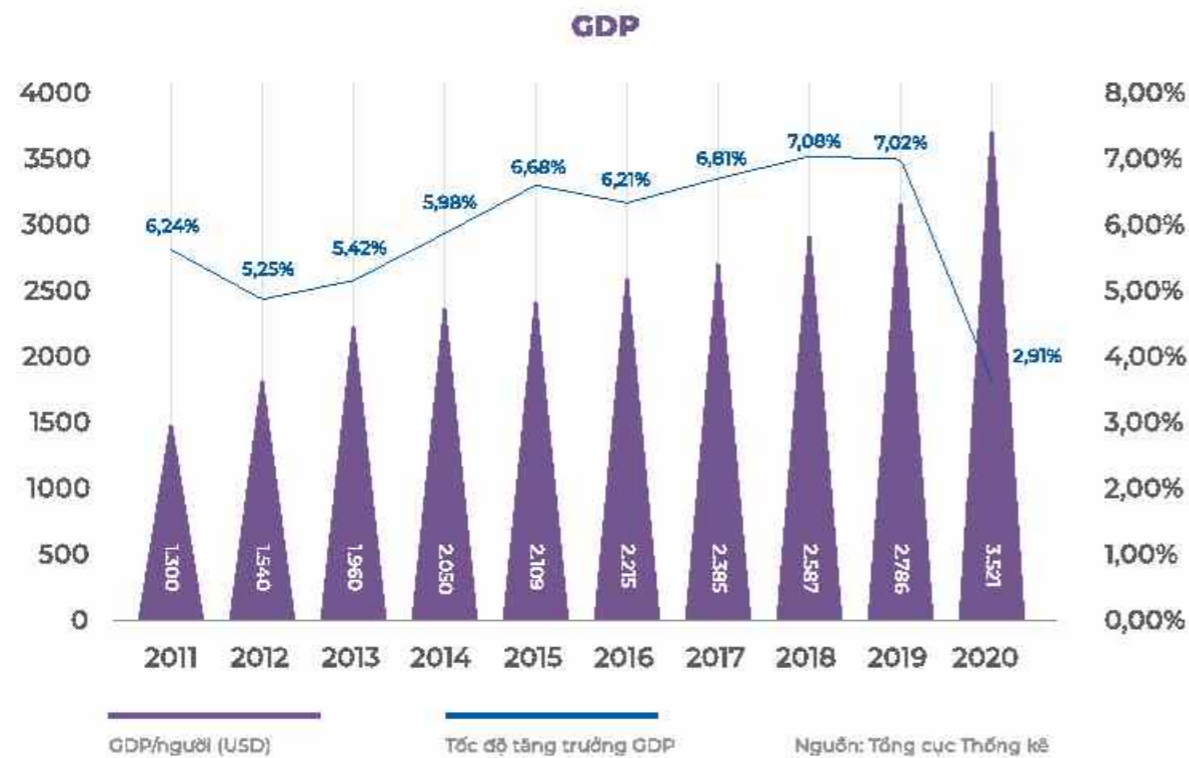
Với một đội ngũ chuyên nghiệp, có trình độ cao, kết hợp giữa sức trẻ và kinh nghiệm. Song song với đó là một quy trình làm việc nhanh chóng, cùng với hệ thống công nghệ tiên tiến được thiết kế để giảm thiểu tối đa thời gian chờ đợi, cũng như tối đa hóa sự tiện lợi cho khách hàng khi trải nghiệm và sử dụng các sản phẩm mà VietinBank Securities cung cấp.

06. MÔI TRƯỜNG KINH DOANH VÀ TRIỂN VỌNG

Dù vẫn ảnh hưởng từ dịch Covid-19, nhưng do kiểm soát tốt, thiệt hại của Việt Nam là thấp hơn so với các quốc gia khác trong khu vực. Trong kịch bản cơ sở, các chuyên gia cho rằng các đợt bùng phát Covid-19 vẫn có thể xảy ra, do vậy các chuyến bay thương mại quốc tế sẽ dẫn nối lại chỉ có thể từ quý II/2021, và lượng khách du lịch quốc tế sẽ tăng dần. Không giống các nền kinh tế khác, kinh tế Việt Nam không hề bị suy thoái trong năm 2020. Điều này đã được chứng minh với mức tăng trưởng GDP là 2,91% so với cùng kỳ, giúp Việt Nam giữ vững vị trí hàng đầu trong số các nền kinh tế phát triển nhanh nhất trong năm 2020, chỉ đứng sau các nền kinh tế cận biên và đặc biệt như Bangladesh, Guyana và Turkmenistan.

Nền kinh tế Việt Nam chính thức bắt đầu phục hồi từ quý III/2020, và có thể sẽ đạt mức tăng trưởng cao trong thời gian tới khi mức tăng trưởng cải thiện dần theo từng quý.

Tuy nhiên, các thách thức là tỉ lệ thất nghiệp gia tăng, tỉ lệ tiết kiệm cao hơn, niềm tin của người tiêu dùng bị ảnh hưởng trong năm 2020. Tuy nhiên, tất cả các chỉ số chuyên gia kỳ vọng sẽ tích cực trở lại trong năm 2021.

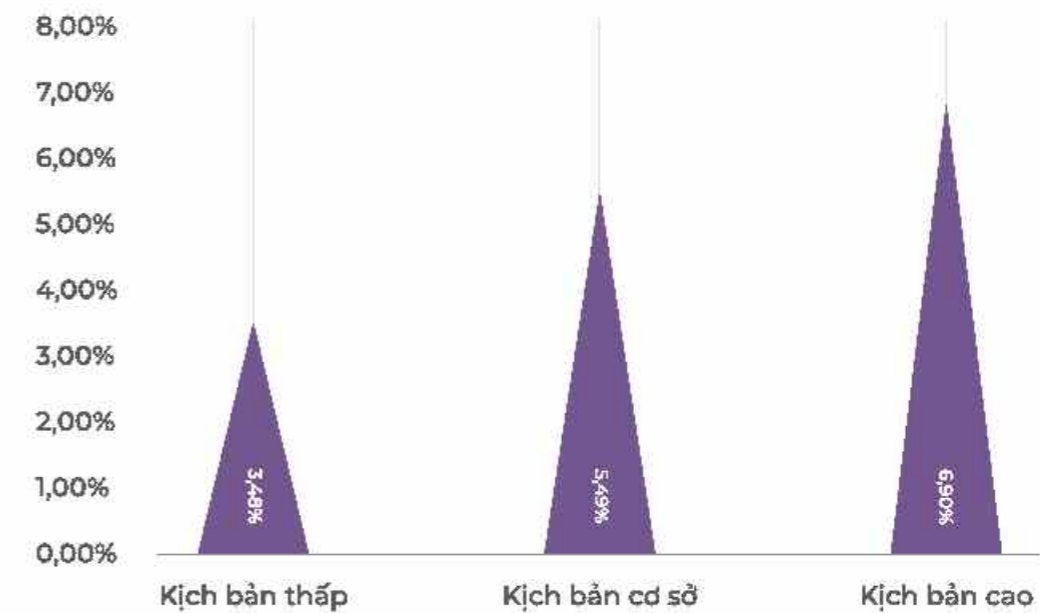


Tổng cục Thống kê (Bộ Kế hoạch và Đầu tư) vừa công bố báo cáo kinh tế - xã hội năm 2020. Theo đó, tổng sản phẩm trong nước (GDP) năm 2020 đạt mức tăng 2,91% so với năm 2019, trong đó quý 1 tăng 3,68%; quý 2 tăng 0,39%; quý 3 tăng 2,69%; quý 4 tăng 4,48%. Mức tăng trưởng năm nay đạt giá trị thấp nhất trong giai đoạn 10 năm trở lại đây của nền kinh tế Việt Nam,

nhưng lại thuộc nhóm tăng trưởng kinh tế cao nhất thế giới do tác động toàn cầu của dịch Covid-19. Tuy nhiên, nhờ vào động lực chính là ngành công nghiệp chế biến, chế tạo và các ngành dịch vụ thị trường như vận tải, kho bãi; bán buôn và bán lẻ; hoạt động tài chính, ngân hàng, bảo hiểm; cũng như thu hút được nguồn vốn FDI và hiệp định FTA để đẩy mạnh sản xuất tại Việt Nam, các chỉ số vĩ mô được củng cố và duy trì ổn định, xuất khẩu và tiêu dùng tăng cao hơn so với cùng kỳ.

Quy mô nền kinh tế theo giá hiện hành đạt 343 tỷ USD; GDP bình quân đầu người ước tính đạt tương đương 3.521 USD, tăng 735 USD so với năm 2019. Bên cạnh đó, chất lượng tăng trưởng kinh tế được cải thiện.

CÁC KỊCH BẢN TĂNG TRƯỞNG GDP

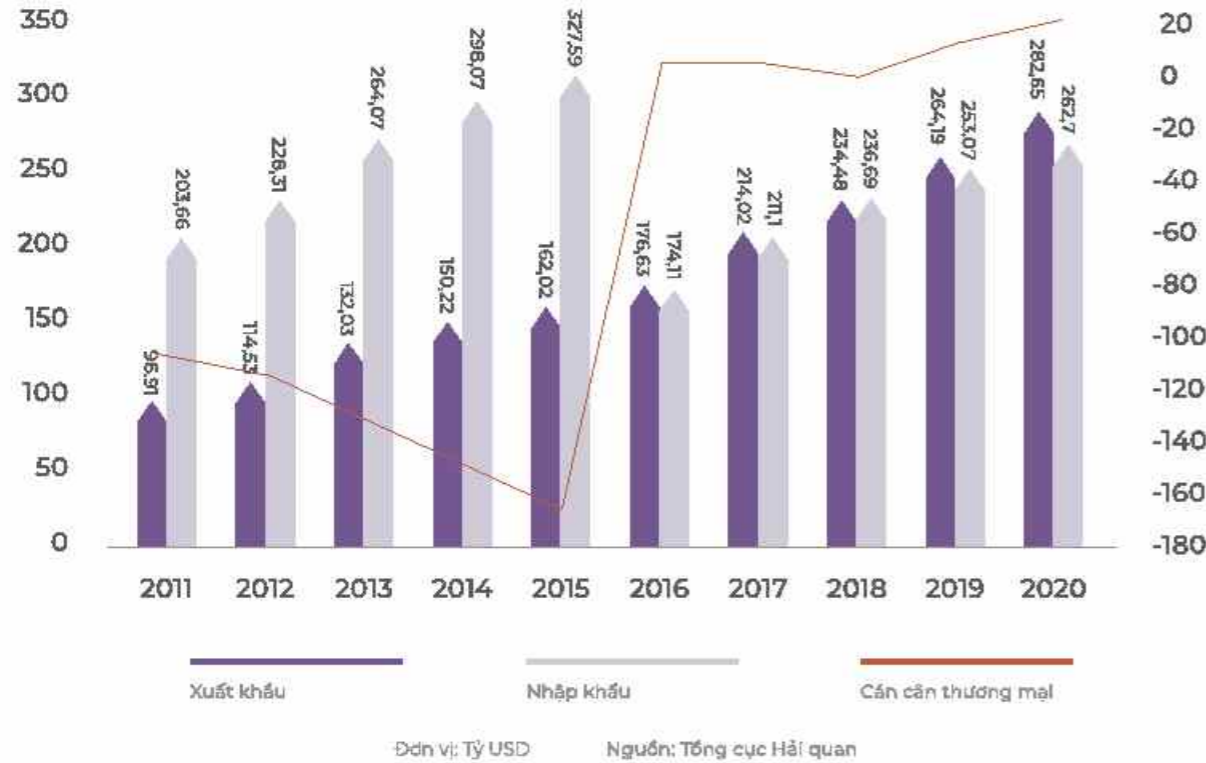


Nguồn: Viện Kinh tế Việt Nam

Trước tình hình diễn biến phức tạp của dịch Covid-19, Việt Nam phải hứng chịu cú sốc to lớn. Tăng trưởng kinh tế chỉ đạt 2,91%, thấp nhất kể từ sau Đổi Mới năm 1986. Nhưng nhờ có sự chỉ đạo sáng suốt của Đảng, Chính phủ, sự đồng lòng chung tay góp sức của doanh nghiệp và người dân, Việt Nam đang đứng trước nhiều cơ hội thúc đẩy tăng trưởng kinh tế số. Viện Kinh tế Việt Nam đã đưa ra ba kịch bản về tốc độ tăng trưởng GDP trong năm 2021. Ba kịch bản này đưa ra số liệu cho tăng trưởng kinh tế lần lượt là 3,48%, 5,49% và 6,9%. Khả năng hiện thực của mỗi kịch bản này trong thực tế phụ thuộc vào tình hình kinh tế thế giới và sự tăng cường năng lực hấp thụ FDI. Để góp phần hỗ trợ nền kinh tế trước thách thức này, Viện Kinh tế Việt Nam đã lên kế hoạch nhận diện rõ các yếu tố đã giúp Việt Nam thành công trong việc đạt được mục tiêu kép năm 2020, và duy trì các yếu tố đó trong năm 2021. Đồng thời, Viện cũng lưu ý trong việc biến công nghệ thông tin và chuyển đổi số nhằm nâng cao quá trình phục hồi, tăng cường năng lực chống chịu và cải thiện chất lượng tăng trưởng bền vững.

TÌNH HÌNH XUẤT NHẬP KHẨU

Kim ngạch xuất nhập khẩu



Theo số liệu thống kê sơ bộ của Tổng cục Hải quan tính đến cuối năm 2020, tổng trị giá xuất nhập khẩu hàng hóa của Việt Nam vào khoảng 545,36 tỷ USD, tăng 5,4% (tương ứng tăng 28,1 tỷ USD) so với năm trước. Trong đó trị giá hàng hóa xuất khẩu đạt 282,65 tỷ USD, tăng 7,0% và nhập khẩu đạt 262,70 tỷ USD, tăng 3,7%. Đây là năm thứ 5 liên tiếp cán cân thương mại hàng hóa của Việt Nam năm 2020 thặng dư 19,95 tỷ USD, cao hơn nhiều so với hai năm trước là 9,9 tỷ USD (2019) và 1,78 tỷ USD (2018).

Thị trường xuất nhập khẩu hàng hóa

Năm 2020 đã tiếp tục để lại dấu ấn đậm nét khi các sản phẩm hàng hóa xuất khẩu của các doanh nghiệp Việt Nam đã có mặt ở 5 châu lục, khẳng định được vị trí trên thị trường thế giới, có khả năng cạnh tranh cao, quy mô xuất khẩu lớn. Cụ thể trong năm 2020 vừa qua, châu Á vẫn là đối tác thương mại lớn nhất của các doanh nghiệp Việt Nam (xuất khẩu chiếm 49,6% và nhập khẩu chiếm 81%); tiếp theo là châu Mỹ (xuất khẩu chiếm 31,9% và nhập khẩu chiếm 8,3%); châu Âu (xuất khẩu chiếm 15,8% và nhập khẩu chiếm 7,3%); châu Đại Dương (xuất khẩu chiếm 1,6% và nhập khẩu chiếm 2,02%); và châu Phi (xuất khẩu chiếm 1,1% và nhập khẩu chiếm 1,4%).

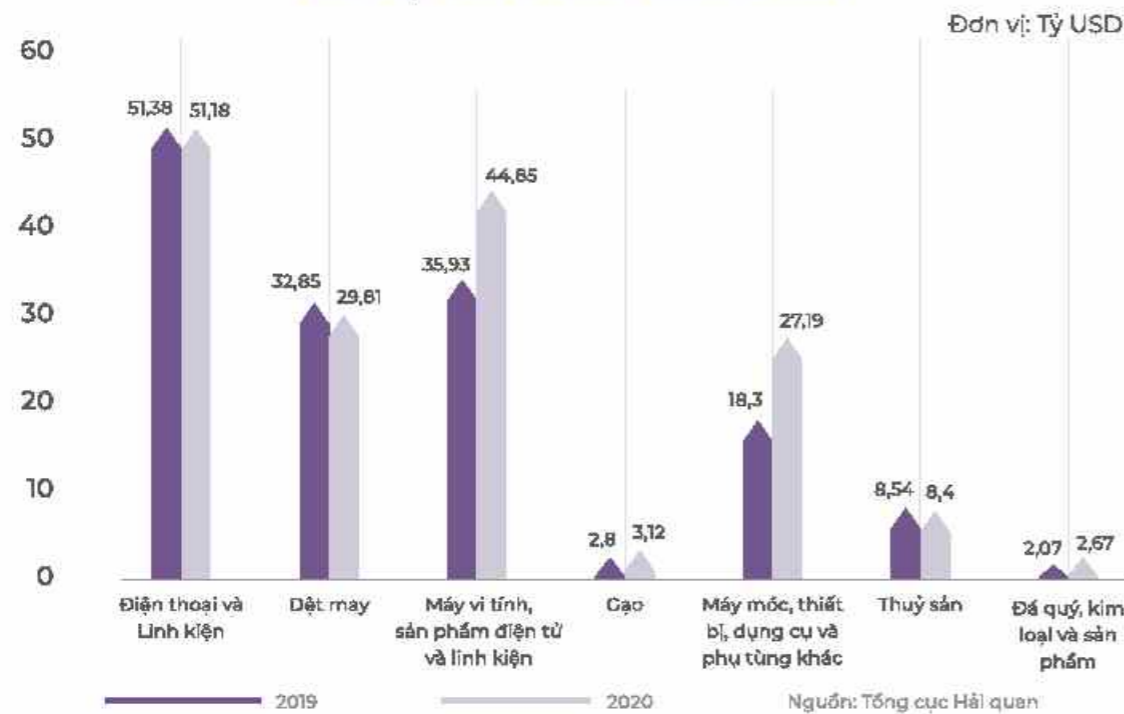
Kim ngạch, tỷ trọng và tốc độ tăng giảm xuất khẩu, nhập khẩu theo châu lục và nước/ khu vực thị trường chính năm 2020

Thị trường	Xuất khẩu			Nhập khẩu		
	Trị giá (tỷ USD)	So với năm 2019 (%)	Tỷ trọng (%)	Trị giá (tỷ USD)	So với năm 2019 (%)	Tỷ trọng (%)
Châu Á	140,25	3,4	49,6	212,72	4,7	81,0
ASEAN	23,9	-7,7	8,2	30,47	-5,5	11,6
Trung Quốc	48,87	17,9	17,3	84,19	11,5	32,0
Hàn Quốc	19,11	-3,2	6,8	46,90	-0,3	17,9
Nhật Bản	19,28	-5,2	6,8	20,34	4,1	7,7
Châu Mỹ	90,17	22,1	31,9	21,85	-3,0	8,3
Hoa Kỳ	77,8	25,7	27,3	13,71	-5,0	5,2
Châu Âu	44,71	-5,4	15,8	19,14	2,7	7,3
EU (28)	40,05	-3,4	14,2	15,34	2,9	5,8
Châu Đại Dương	4,47	1,0	1,6	5,33	3,7	2,0
Châu Phi	3,06	-1,9	1,1	3,64	-7,5	1,4
Tổng	282,65	7,0	100,0	262,70	3,7	100,0

Cơ cấu hàng hóa xuất khẩu

Năm 2020 vừa qua các mặt hàng xuất khẩu chủ lực của Việt Nam đều có bước tăng trưởng ổn định, tổng giá trị xuất khẩu đạt 282,6 tỷ USD, tăng 7,0% (18,5 tỷ USD) so với năm trước. Trong đó, những nhóm hàng tăng trưởng mạnh là: máy móc thiết bị dụng cụ & phụ tùng; máy vi tính sản phẩm điện tử và linh kiện; gỗ và sản phẩm gỗ; đồ chơi dụng cụ thể thao và bộ phận; sắt thép các loại; đá quý kim loại quý và sản phẩm.

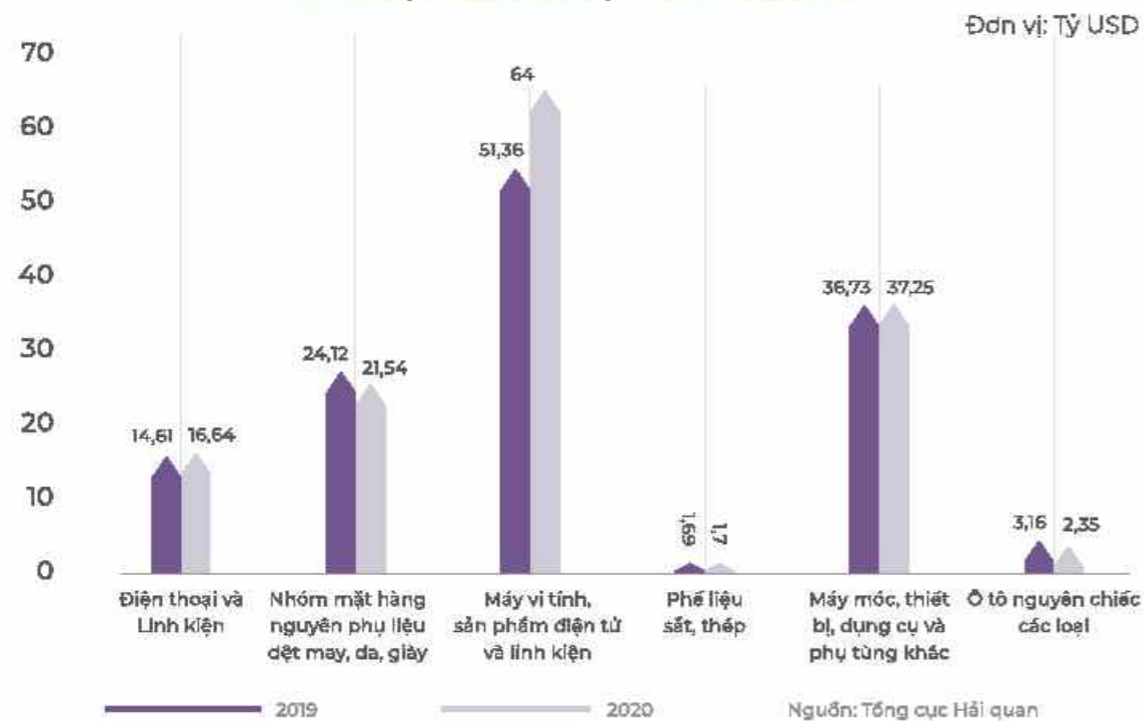
CÁC MẶT HÀNG XUẤT KHẨU CHÍNH



Cơ cấu hàng hóa nhập khẩu

Tính đến hết tháng 12/2020, có 35 mặt hàng ước tính kim ngạch nhập khẩu đạt trên 1 tỷ USD, chiếm 89,6% tổng kim ngạch nhập khẩu, trong đó có 4 mặt hàng trên 10 tỷ USD, chiếm 49,4%, nhập khẩu hàng hóa cả nước đạt xấp xỉ 262,4 tỷ USD, tăng 3,6% so với năm trước. Các mặt hàng tăng chủ yếu là: máy móc thiết bị dụng cụ & phụ tùng; máy vi tính sản phẩm điện tử và linh kiện,... Trong đó, giá trị nhập khẩu hàng hóa của các doanh nghiệp FDI cả năm 2020 lên tới 169,01 tỷ USD, tăng 13,1% (tương ứng tăng 24,37 tỷ USD) so với năm 2019, chiếm 59,7% tổng giá trị nhập khẩu của cả nước.

CÁC MẶT HÀNG NHẬP KHẨU CHÍNH



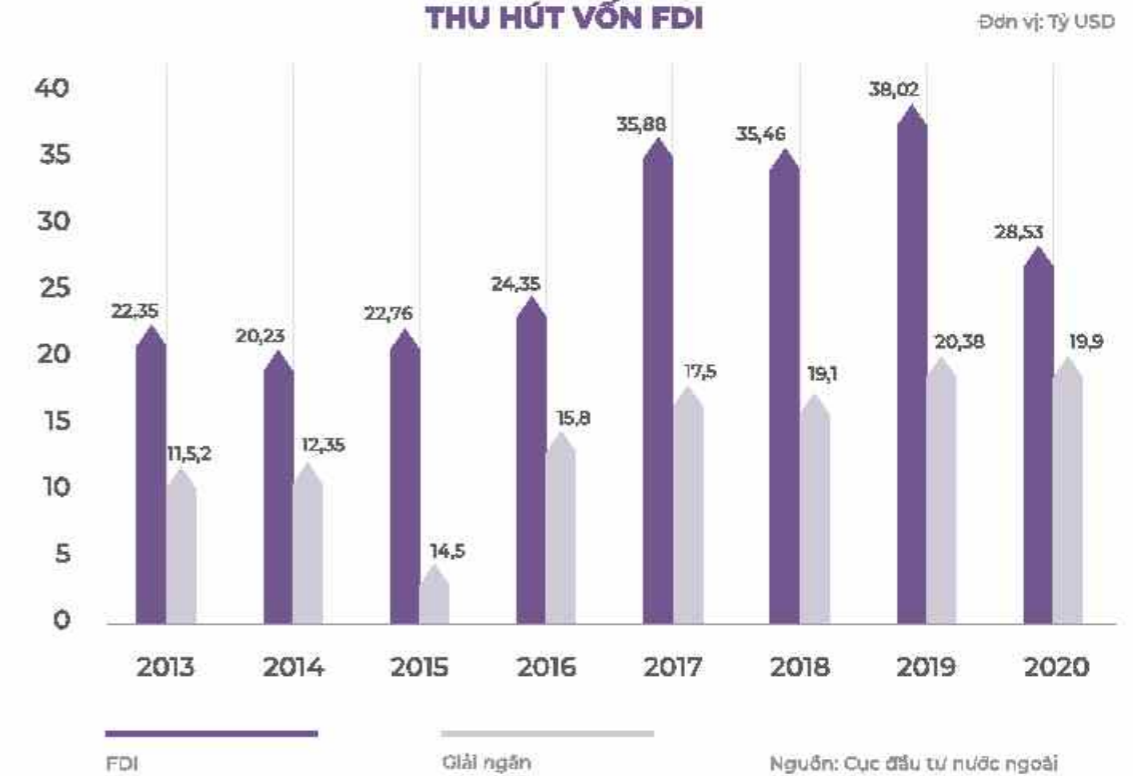
THU HÚT VỐN FDI

Theo số liệu ước tính từ Bộ Kế hoạch và Đầu tư, tính chung trong năm 2020, tổng vốn đăng ký cấp mới, tăng thêm và góp vốn mua cổ phần của nhà đầu tư nước ngoài (FDI) đạt 28,53 tỷ USD, bằng 75% so với cùng kỳ năm 2019. Ước tính các dự án đầu tư trực tiếp nước ngoài đã giải ngân 19,9 tỷ USD, giảm 2% so với cùng kỳ năm 2019. Có thể thấy, FDI vẫn là một bộ phận quan trọng đóng góp vào cách vận hành nền kinh tế Việt Nam trong thời gian qua. Tuy nhiên, để thúc đẩy và thu hút dòng vốn FDI sạch, thế hệ mới, Chính phủ cần phải thực hiện những điều chỉnh hiệu quả và mang tính chọn lọc cao.

Theo đối tác đầu tư, có 125 quốc gia và vùng lãnh thổ có dự án đầu tư tại Việt Nam. Trong năm 2020, Singapore đã vượt lên đứng vị trí thứ nhất với tổng vốn đầu tư 8,99 tỷ USD, chiếm 31,5% tổng vốn đầu tư. Hàn Quốc đứng thứ hai với tổng vốn đầu tư đăng ký 3,95 tỷ USD, chiếm 13,84% tổng vốn đầu tư. Trung Quốc đứng thứ ba với tổng vốn đầu tư đăng ký 2,46 tỷ USD, chiếm 8,6% tổng vốn đầu tư.

Năm 2020, FDI đã đầu tư vào 60 tỉnh thành phố, trong đó TP Hồ Chí Minh thu hút nhiều vốn đầu tư nước ngoài nhất với tổng số vốn đăng ký 4,36 tỷ USD, chiếm 15,3% tổng vốn đầu tư. Bạc Liêu đứng thứ hai với tổng vốn đăng ký gần 4 tỷ USD, chiếm 14% tổng vốn đầu tư. Tiếp theo lần lượt là Hà Nội, Bà Rịa – Vũng Tàu, Bình Dương,...

THU HÚT VỐN FDI



CPI

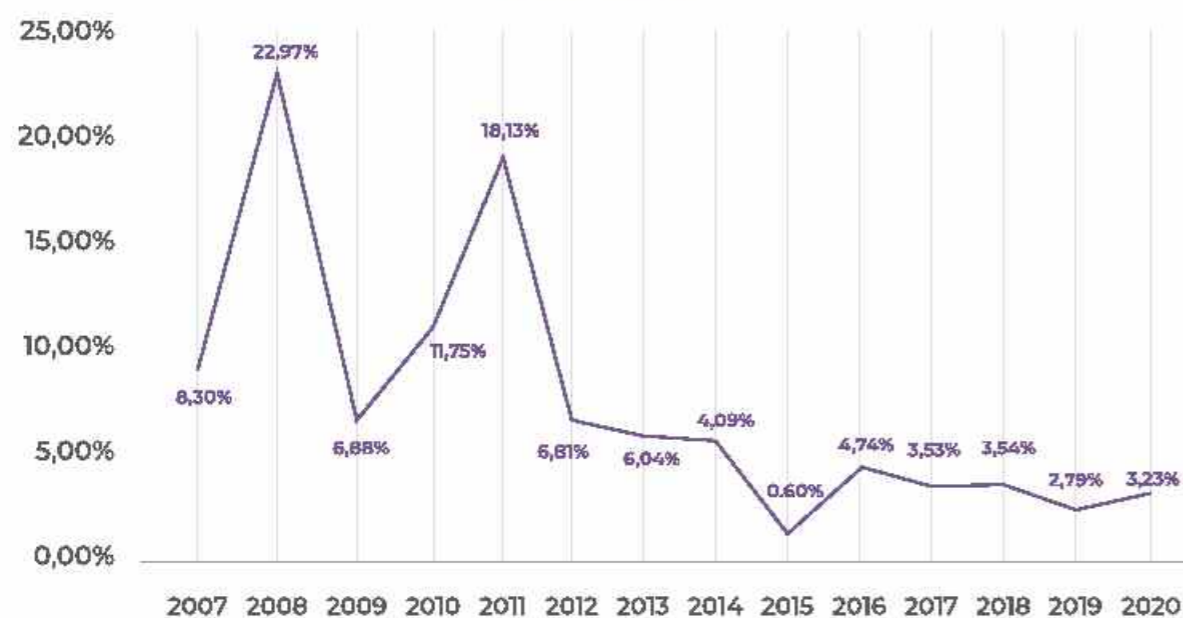
CPI bình quân năm 2020 tăng lên mức 3,23%, cao hơn so với giá trị năm 2019 là 2,79%. Tuy vậy, mục tiêu kiểm soát lạm phát vẫn đạt được mục tiêu do Quốc hội đề ra là dưới 4%.

Yếu tố đầu tiên ảnh hưởng đến tốc độ tăng CPI trong năm vừa qua đến từ việc giá các mặt hàng lương thực tăng 4,51% và nhu cầu tiêu dùng trong nước cũng tăng. Ngoài ra, Giá các mặt hàng thực phẩm tăng 12,28%, tác động 2,61% vào đà tăng của CPI chung, trong đó riêng giá thịt lợn tăng 57,23% do nguồn cung chưa được đảm bảo và ảnh hưởng của mưa bão, lũ lụt tại các tỉnh miền Trung khiến cho diện tích rau màu ngập nặng, nhiều ao, hồ, chuồng, trại bị hư hỏng, cuốn trôi... Mặt khác, lộ trình tăng học phí tiếp tục được thực hiện trong năm 2020 làm giá dịch vụ này tăng 4,32% so với năm 2019.

Bên cạnh đó, vẫn tồn tại các yếu tố góp phần làm giảm tốc độ tăng của chỉ số CPI. Đầu tiên là việc giá xăng, dầu trong nước chịu ảnh hưởng bởi biến động của giá nhiên liệu thế giới, làm giá mặt hàng này trong nước giảm 23,03%. Điều này giúp chỉ số CPI chung giảm 0,83%. Một yếu tố nữa góp phần làm giảm tốc độ tăng của chỉ số đến từ việc các cấp, các ngành tích cực triển khai các giải pháp đảm bảo ngăn chặn diễn biến phức tạp của dịch bệnh Covid-19, đảm bảo cân đối cung cầu và ổn định thị trường. Nhu cầu đi lại, du lịch của người dân cũng góp phần giảm chỉ số CPI do ảnh hưởng của dịch Covid-19, làm giá của nhóm du lịch giảm 6,24% so với năm trước.

Nghị quyết về Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2021 đã được Quốc hội thông qua; trong đó, để ra mục tiêu ổn định vĩ mô và kiểm soát lạm phát khoảng 4% được ưu tiên hàng đầu.

CHỈ SỐ CPI



Nguồn: Tổng cục Thống kê

TỶ GIÁ

Năm 2020 vừa qua đã chứng kiến những bất ổn của những nền kinh tế lớn trên thế giới do tác động tiêu cực của dịch bệnh Covid-19. Bên cạnh đó, với việc Cục Dự trữ Liên Bang Hoa Kỳ (FED) thực hiện giảm lãi suất về 0% trong năm 2020, đồng thời đưa ra các gói cứu trợ cũng đã tạo nên sự điều chỉnh nguồn cung của NHNN để ổn định tỷ giá VND. Theo số liệu của NHNN, tỷ giá trung tâm vào ngày giao dịch cuối cùng năm 2020 chạm mức 23.131 VND/USD, giảm khoảng 0,1% so với thời điểm cuối năm 2019. Đối với các NHTM, tỷ giá giao dịch cuối năm dao động quanh mốc đạt 23.160 VND/USD đối với chiều bán. Nhìn chung đây là nỗ lực kịp thời của Chính phủ trong việc duy trì biến số vĩ mô quan trọng này nhằm ổn định chính sách tiền tệ, duy trì cân cán thương mại cũng như hoàn thành chỉ tiêu đã đề ra từ đầu năm 2020.

Trong Hội nghị Triển khai nhiệm vụ ngành ngân

hàng năm 2021 tổ chức đầu năm 2021, Thống đốc Nguyễn Thị Hồng cho biết thêm Ngân hàng Nhà nước sẽ tiếp tục duy trì chính sách cải thiện dự trữ ngoại hối, ước tính dự trữ ngoại hối cuối năm 2020 đã chạm mốc 100 tỷ USD.

Về dự báo diễn biến tỷ giá 2021, áp lực lên tỉ giá sẽ tăng lên do ảnh hưởng phức tạp từ cuộc nổi loạn chính sách tiền tệ của FED với tác động tiêu cực của dịch Covid-19 lên nền kinh tế toàn cầu. Cụ thể, 2021 cũng là năm đầu của nhiệm kỳ của tổng thống Joe Biden, mang lại nhiều hy vọng đổi mới với tình hình khủng hoảng kinh tế. Ngoài ra, ảnh hưởng từ dịch Covid-19 sẽ làm giảm nhu cầu tiêu thụ hàng hóa toàn cầu, khiến tình hình xuất khẩu hàng hóa của Việt nam gặp nhiều khó khăn. Cuối cùng, dòng vốn FDI vào Việt Nam và kiều hối từ nước ngoài được dự báo tiếp tục suy giảm, đồng thời ghi nhận áp lực lạm phát lớn hơn so với 2020.





PHẦN 3: TRẢI NGHIỆM DỊCH VỤ

- A. Tư vấn tài chính doanh nghiệp
- B. Bảo lãnh phát hành
- C. Dịch vụ chứng khoán
- D. Dịch vụ hỗ trợ tài chính



A. TƯ VẤN TÀI CHÍNH DOANH NGHIỆP

Tư vấn Tài chính Doanh nghiệp hiện đang là thế mạnh lớn của VietinBank Securities, nhận được đánh giá cao trên TTCK Việt Nam. Với hơn 20 năm kinh nghiệm và lịch sử hoạt động hiệu quả, VietinBank Securities không ngừng hoàn thiện chất lượng dịch vụ và nỗ lực cung cấp cho khách hàng doanh nghiệp sản phẩm tư vấn đa dạng và toàn diện với giá trị gia tăng cao, bao gồm:



1. TƯ VẤN MUA BÁN SÁP NHẬP DOANH NGHIỆP (M&A)

VietinBank Securities thực hiện vai trò là cầu nối cho tiến trình thực hiện mua bán, sáp nhập doanh nghiệp thông qua việc giới thiệu cơ hội đầu tư, tư vấn cấu trúc giao dịch và hỗ trợ đàm phán nhằm mang lại lợi ích cao nhất cho khách hàng. Kết hợp với Khối ngân hàng đầu tư (IB) của VietinBank, VietinBank Securities tin tưởng sẽ mang đến dịch vụ Tư vấn M&A chuyên nghiệp với chất lượng cao.

2. TƯ VẤN PHÁT HÀNH CHỨNG KHOÁN & ĐẠI LÝ PHÁT HÀNH CHỨNG KHOÁN

VietinBank Securities sẽ hỗ trợ các Doanh nghiệp có nhu cầu nâng cao năng lực tài chính; bổ sung nguồn vốn tài trợ các dự án; mở rộng hoạt động,

lĩnh vực sản xuất kinh doanh, bổ sung vốn lưu động, tái cơ cấu các khoản nợ...

Với vai trò tổ chức tài chính trung gian, đối tác và khách hàng đa dạng, rộng khắp, VietinBank Securities hỗ trợ Doanh nghiệp thực hiện thành công phương án huy động vốn khả thi và có lợi nhất. VietinBank Securities sẽ đồng hành cùng doanh nghiệp trong phát hành chứng khoán từ xác định nhu cầu, xây dựng phương án đến phân phối chứng khoán. Căn cứ vào tình hình thị trường, nhu cầu và hoạt động của doanh nghiệp, VietinBank Securities sẽ cung cấp dịch vụ phát hành chứng khoán trên thị trường vốn (cổ phiếu) hay thị trường nợ (trái phiếu).

3. TƯ VẤN NIÊM YẾT/ ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH

VietinBank Securities hỗ trợ Doanh nghiệp có nhu cầu niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội/ Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh hoặc đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch chứng khoán UPCOM theo một lộ trình cụ thể phù hợp với điều kiện thực tế của doanh nghiệp và thị trường.

4. TƯ VẤN CỔ PHẦN HÓA/ CHUYỂN ĐỔI DOANH NGHIỆP

Với đội ngũ chuyên gia có nhiều kinh nghiệm, VietinBank Securities tư vấn, hỗ trợ doanh nghiệp trong việc cung cấp các giải pháp chuyển đổi mô hình doanh nghiệp.

VietinBank Securities tham gia ngay từ giai đoạn đầu tiên khi doanh nghiệp bắt đầu xây dựng chiến lược cổ phần hóa, xây dựng phương án cổ phần hóa, bán đấu giá cổ phần, tư vấn tổ chức đại hội đồng cổ đông... Ngoài ra, VietinBank Securities còn hỗ trợ khách hàng trong quá trình cơ cấu lại doanh nghiệp trước và sau cổ phần hóa, tìm kiếm nhà đầu tư tiềm năng cho doanh nghiệp.

5. TƯ VẤN CHUYỂN NHƯỢNG CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH VÀ BÁN ĐẤU GIÁ CỔ PHẦN

VietinBank Securities cung cấp dịch vụ Tư vấn Chuyển nhượng các khoản đầu tư tài chính và Bán đấu giá cổ phần. Bằng sự am hiểu về thị trường, VietinBank Securities đã thực hiện thành công rất nhiều thương vụ Chuyển nhượng các khoản đầu tư tài chính cho nhiều Tổng công ty, Tập đoàn kinh tế nhà nước trong thời gian qua như Tổng công ty Đầu tư và Kinh doanh Vốn Nhà nước (SCIC), Tổng Công ty Lương thực Miền Bắc, Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam...



6. TƯ VẤN QUAN HỆ NHÀ ĐẦU TƯ (IR)

IR là hoạt động chuyên biệt trong hoạt động quan hệ công chúng (PR) của doanh nghiệp

bao gồm hai nghiệp vụ Tài chính và Truyền thông có vai trò: xây dựng chiến lược cổ đông, công bố thông tin, cầu nối giữa doanh nghiệp và nhà đầu tư đồng thời quảng bá hình ảnh doanh nghiệp. Giá cổ phiếu của một doanh nghiệp là do nhà đầu tư quyết định mà thông tin chính là nền tảng cho mọi quyết định của nhà đầu tư. Vì vậy, một doanh nghiệp muốn giữ chân cổ đông hiện hữu và thu hút thêm ngày càng nhiều cổ đông mới không thể không quan tâm đến IR.

VietinBank Securities cung cấp Dịch vụ Quan hệ Nhà Đầu Tư (IR) trọn gói cho Quý doanh nghiệp, bao gồm:

- Tư vấn soạn thảo kế hoạch IR hàng năm.
- Phân tích và đánh giá dòng thông tin, tình hình tài chính, tình hình hoạt động chung của DN từ đó đưa ra giải pháp, thông điệp cần truyền tải.
- Chuẩn bị bộ tài liệu cho báo chí, cho cổ đông trong các cuộc họp báo, hội thảo, đại hội đồng cổ đông.
- Biên tập các bài phát biểu của Lãnh đạo doanh nghiệp tại các sự kiện đối ngoại và hoạt động IR khác.
- Tổ chức cuộc gặp gỡ, hội thảo, tiếp xúc, trao đổi với Nhà Đầu tư, đặc biệt là các nhà đầu tư tổ chức.
- Tư vấn lên kế hoạch ngăn ngừa và xử lý khủng hoảng.
- Tư vấn Đánh giá và thiết kế lại bộ nhận diện thương hiệu.
- Tư vấn xây dựng mảng IR online.
- Tư vấn xây dựng Báo cáo thường niên.
- Các hoạt động có liên quan khác.

7. TƯ VẤN ĐẦU TƯ & CHIẾN LƯỢC TÀI CHÍNH

Trung tâm Nghiên cứu phân tích đã xây dựng được vị thế là một đơn vị cung cấp thông tin nhanh, kịp thời chính xác cho các nhà đầu tư. Với định hướng xây dựng phong cách đầu tư giá trị

bằng những tư vấn chuyên sâu thông qua hoạt động phân tích cơ bản, phân tích ngành, VietinBank Securities đang trở thành địa chỉ đáng tin cậy của khách hàng cá nhân và doanh nghiệp thông qua các hoạt động:

- Phát hành Báo cáo phân tích cổ phiếu, ngành, thị trường, vĩ mô;
- Cung cấp dịch vụ Tư vấn chiến lược tài chính cho doanh nghiệp;
- Tổ chức hội thảo chuyên ngành chứng khoán.

8. TƯ VẤN KHÁC

Để đáp ứng tối đa nhu cầu của khách hàng, VietinBank Securities cung cấp nhiều sản phẩm tư vấn đa dạng như:

- Phân tích tài chính dự án;
- Tư vấn tổ chức đại hội đồng cổ đông thường niên/bất thường;
- Tư vấn đăng ký chứng khoán;
- Tư vấn đăng ký/ hủy đăng ký công ty đại chúng,...

B. BẢO LÃNH PHÁT HÀNH

Bảo lãnh phát hành chứng khoán là việc VietinBank Securities hỗ trợ khách hàng thực hiện các thủ tục trước khi chào bán chứng khoán, nhận mua một phần hay toàn bộ chứng khoán của tổ chức phát hành để bán lại, hoặc mua số chứng khoán còn lại chưa được phân phối hết của tổ chức phát hành, hoặc hỗ trợ tổ chức phát hành trong việc phân phối chứng khoán ra công chúng.

Là một trong những công ty chứng khoán có bề dày kinh nghiệm và uy tín trên thị trường, VietinBank Securities luôn tự hào là đơn vị sở hữu đội ngũ chuyên gia tư vấn giàu kinh nghiệm và được đào tạo bài bản. Các chuyên gia tư vấn của chúng tôi đã tham gia thực hiện bảo lãnh phát hành thành công cho nhiều doanh nghiệp, tập đoàn lớn trong nước như Tổng công ty Phát triển Đô thị Kinh Bắc – CTCP, Công ty Cổ phần Quốc tế Sơn Hà, Công ty Cổ phần Đầu tư Xuân Cầu,... Bên cạnh đó, với năng lực tài chính vững mạnh và mạng lưới khách hàng phủ sóng rộng khắp trong cả nước, VietinBank Securities luôn tin tưởng vào khả năng

thực hiện thành công các đợt bảo lãnh phát hành chứng khoán cho khách hàng theo tất cả các phương thức: bảo lãnh theo phương thức cam kết chắc chắn; bảo lãnh theo phương thức cố gắng tối đa; bảo lãnh theo phương thức tất cả hoặc không,...

Kinh nghiệm trong lĩnh vực Bảo lãnh phát hành chứng khoán

Từ giai đoạn 2015 trở lại đây, VietinBank Securities đã đẩy mạnh hoạt động bảo lãnh phát hành chứng khoán, đặc biệt là mảng nghiệp vụ bảo lãnh phát hành trái phiếu. Nhờ kinh nghiệm, năng lực nội tại và sự am hiểu trên thị trường, VietinBank Securities đã thực hiện bảo lãnh phát hành thành công cho nhiều đợt phát hành của các đơn vị, doanh nghiệp, Tập đoàn lớn trong nước như: thực hiện bảo lãnh phát hành thành công 500 tỷ đồng mệnh giá trái phiếu chính quyền địa phương tỉnh Bắc Ninh năm 2015; thực hiện bảo lãnh phát hành thành công cho nhiều đợt phát hành của doanh nghiệp, tập đoàn lớn với tổng giá trị phát hành của các đợt lên tới gần 4.000 tỷ đồng như Trái phiếu Tổng công ty Phát triển Đô thị Kinh Bắc – CTCP, Công ty Cổ phần Quốc tế Sơn Hà, Công ty Cổ phần Quốc tế C&T, Công ty Cổ phần An Viên, Công ty Cổ phần Cơ điện Minh Quang,...

C. DỊCH VỤ CHỨNG KHOÁN

1. MÔI GIỚI

Với đội ngũ chuyên viên môi giới tận tâm, được đào tạo chuyên nghiệp, giàu kinh nghiệm, tuân thủ chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp, VietinBank Securities luôn tận tâm hỗ trợ khách hàng mở tài khoản và giao dịch trên thị trường chứng khoán. Dịch vụ môi giới bao gồm:

Môi giới giao dịch cổ phiếu, Chứng chỉ quỹ;

Môi giới Trái phiếu niêm yết;

Môi giới Chứng khoán phái sinh;

Môi giới các sản phẩm tài chính khác.

Giao dịch thỏa thuận, tìm khách hàng đối ứng trực tiếp; Đây là sản phẩm dành cho những



khách hàng cần tư vấn tìm đối tác thực hiện giao dịch mua/bán cổ phần của Công ty. Nhà đầu tư có nhu cầu giao dịch trái phiếu trên các sàn; các loại chứng khoán giao dịch qua kênh: Trái phiếu Chính phủ (Trái phiếu Kho bạc Nhà nước, Tín phiếu Kho bạc Nhà nước), Trái phiếu Chính phủ bảo lãnh, Trái phiếu chính quyền địa phương; Trái phiếu doanh nghiệp, cổ phiếu (niêm yết, OTC ...).

2. TƯ VẤN ĐẦU TƯ

Với sứ mệnh tạo dựng những giá trị thành công cho khách hàng, VietinBank Securities luôn lắng nghe nhu cầu của khách hàng và tạo dựng những giá trị gia tăng cho khách hàng. VietinBank Securities thường xuyên cập nhật thông tin để nâng cao chất lượng tư vấn đầu tư; VietinBank Securities tổ chức các chương trình gặp gỡ trực tiếp doanh nghiệp nhằm giúp khách hàng tiếp cận, tìm hiểu thông tin để lựa chọn những cơ hội đầu tư; Với mạng lưới đối tác là các quỹ, định chế tài chính, VietinBank Securities hỗ trợ doanh nghiệp tìm kiếm đối tác thực hiện các giao dịch mua/bán chứng khoán, thu xếp nguồn vốn nhằm giúp các giao dịch của doanh nghiệp diễn ra thành công và nhanh chóng.

3. QUẢN LÝ CHỨNG KHOÁN

Quản lý cổ đông/quản lý trái chủ

VietinBank Securities là đối tác tin cậy cho các công ty cổ phần sử dụng dịch vụ Quản lý cổ đông. Với nền tảng công nghệ hiện đại, cổ đông có thể tra cứu thông tin trực tuyến, chuyển nhượng cổ phần với chi phí thấp nhất. Hiện tại, dịch vụ Quản lý danh sách người sở hữu chứng khoán là nghiệp vụ mà trong đó VietinBank Securities được ủy quyền một phần hoặc toàn bộ từ Tổ chức phát hành (TCPH) để thực hiện các công việc cụ thể

sau: Quản lý danh sách người sở hữu chứng khoán; Quản lý thực hiện quyền; Quản lý chuyển nhượng cổ phần; Thực hiện chế độ báo cáo; Lưu ký tập trung khi niêm yết hoặc có yêu cầu.

Lưu ký chứng khoán

VietinBank Securities thực hiện theo các yêu cầu của khách hàng đối với việc lưu ký chứng khoán; rút chứng khoán đã lưu ký; Chuyển khoản chứng khoán; Bán chứng khoán lô lẻ; Phong tỏa chứng khoán để thực hiện nghĩa vụ với bên thứ ba...

Thực hiện quyền

Nhà đầu tư luôn được nhận kịp thời, đầy đủ các quyền phát sinh từ chứng khoán lưu ký trên tài khoản tại VietinBank Securities.



D. DỊCH VỤ HỖ TRỢ TÀI CHÍNH

Cho vay giao dịch ký quỹ

Nhằm định hướng tới việc hỗ trợ thu xếp vốn ngắn hạn cho những nhà đầu tư lớn của doanh nghiệp hoặc lãnh đạo doanh nghiệp, các nhà đầu tư mở tài khoản tại VietinBank Securities, với nguồn vốn chủ sở hữu lớn, VietinBank Securities đáp ứng tốt nhất nhu cầu vay vốn giao dịch ký quỹ của khách hàng với lãi suất hấp dẫn, danh mục cổ phiếu cho vay đa dạng...

Hỗ trợ giao dịch ứng trước

Lãi suất ứng trước tiền bán chứng khoán cạnh tranh.

DANH SÁCH KHÁCH HÀNG, ĐỐI TÁC TIÊU BIỂU





PHẦN 4: BÁO CÁO QUẢN TRỊ

1. Thông tin cổ đông
 2. Cơ cấu tổ chức quản trị
 3. Hội đồng quản trị
 4. Ban kiểm soát
 5. Ban Tổng Giám đốc
 6. Kế toán trưởng kiêm Trưởng phòng Kế toán tài chính
 7. Báo cáo của Hội đồng quản trị
 8. Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc
 9. Báo cáo Ban Kiểm soát (BKS)
 10. Báo cáo Kiểm tra kiểm soát nội bộ
 11. Báo cáo Quản trị rủi ro
-

1. THÔNG TIN CỔ ĐÔNG

Cơ cấu vốn cổ phần của VietinBank Securities

Cơ cấu vốn cổ phần của Công ty như sau:

Vốn điều lệ của Công ty	1.064.365.760.000	đồng
Khối lượng cổ phiếu niêm yết	106.436.576	cổ phiếu
Khối lượng cổ phiếu lưu hành	106.399.614	cổ phiếu
Khối lượng cổ phiếu quỹ	36.962	cổ phiếu

Danh sách cổ đông nắm giữ trên 5,0% vốn cổ phần của VietinBank Securities tại thời điểm ngày chốt danh sách cổ đông 31/12/2020

Tên cổ đông	Số CMND/CCCD/ĐKDN/MGD	Số CP sở hữu	Tỷ lệ
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam	Giấy chứng nhận ĐKDN số 0100111948 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 03/07/2009	80.486.470	75,61%

Đại diện bởi:

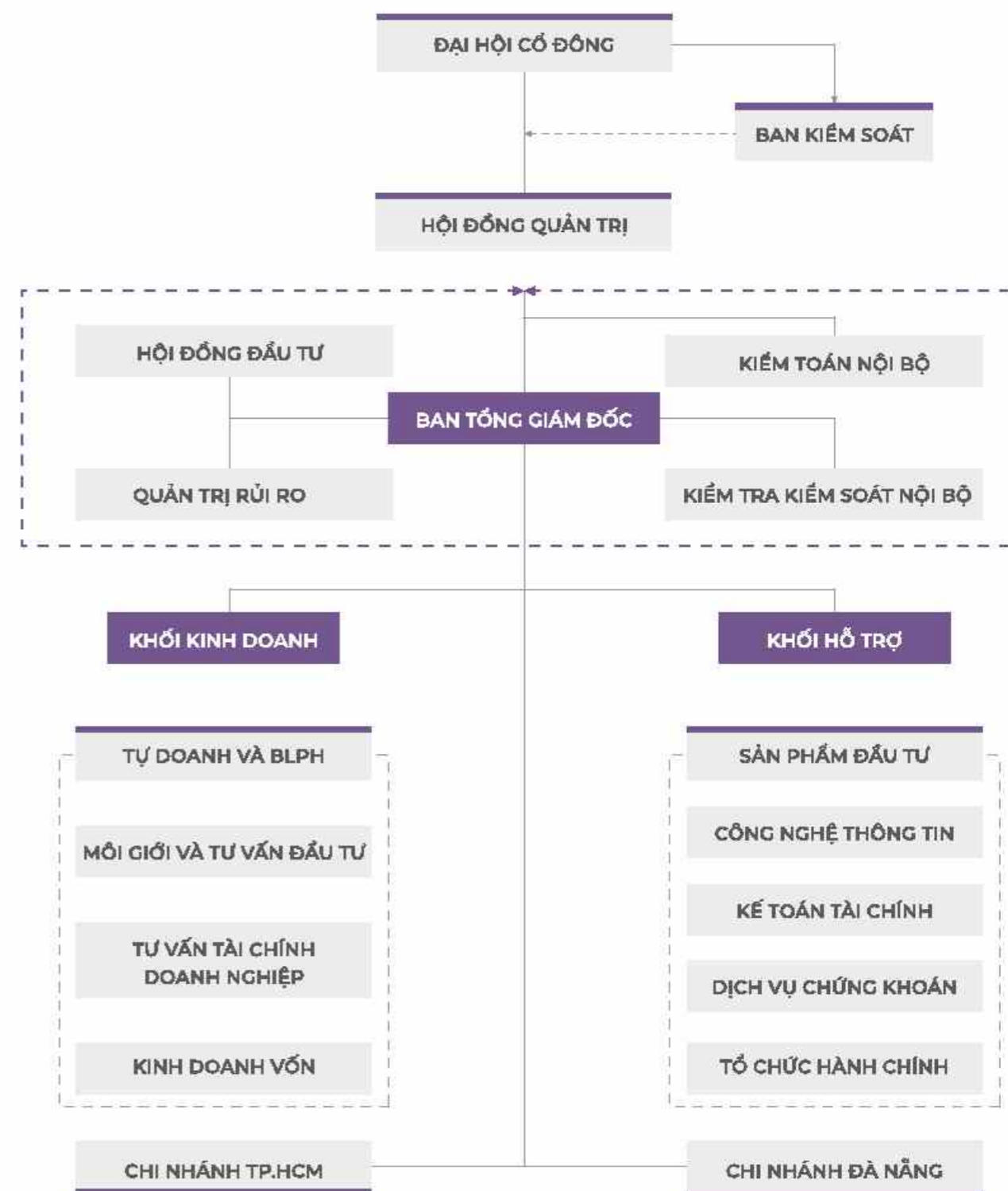
Bà Hồ Thị Thu Hiền	040180001198	32.194.588	30,25%
Ông Trần Phúc Vinh	040089000043	24.145.941	22,68%
Bà Hà Thu Phương	001180016818	24.145.941	22,68%



Cơ cấu cổ phần của VietinBank Securities

2. CƠ CẤU TỔ CHỨC QUẢN TRỊ

VietinBank Securities được tổ chức quản trị theo mô hình công ty cổ phần theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán với cơ cấu như sau:



3. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

BÀ HỒ THỊ THU HIỀN

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

(Bổ nhiệm ngày 27/04/2020)

Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết: 0%
(không bao gồm số cổ phần đại diện sở hữu của VietinBank)



Trình độ học vấn	Tuổi
Thạc sĩ Ngân hàng Tài chính	41

Kinh nghiệm làm việc

04/2020 đến nay	Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Công thương Việt Nam
04/2013 - 04/2020	Phó phòng phòng Kinh doanh vốn Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam
02/2012 - 03/2013	Trưởng bộ phận Nghiên cứu & phát triển - Phòng Đầu tư Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam
03/2006 - 02/2012	Chuyên viên Đầu tư - Phòng Đầu tư (trong đó có 2 năm học thạc sĩ ở Australia) Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam
05/2005 - 02/2006	Chuyên viên - Phòng Kế Hoạch Tổng Hợp và Đầu Tư Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam
12/2004 - 05/2005	Chuyên viên - Phòng Kế Hoạch Tổng hợp TSC Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam
03/2003 - 12/2004	Chuyên viên phòng Thẻ và Dịch vụ NHĐT Ngân Hàng TMCP Công thương Việt Nam
10/2002 - 03/2003	Chuyên viên phòng Thanh toán quốc tế Ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam

ÔNG TRẦN PHÚC VINH

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

(Bổ nhiệm ngày 27/04/2020)

QUYỀN TỐNG GIÁM ĐỐC

(Bổ nhiệm ngày 15/04/2020)



Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết: 0%
(không bao gồm số cổ phần đại diện sở hữu của VietinBank)

Trình độ học vấn	Tuổi
Cử nhân chương trình Tiên Tiến, khoa Tài Chính Ngân hàng	32

Kinh nghiệm làm việc

04/2020 đến nay	Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Quyền Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Công thương Việt Nam
15/04/2020 - 27/04/2020	Quyền Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Công thương Việt Nam
01/2019 - 14/04/2020	Phó giám đốc Ngân hàng TMCP Công thương Hà Nội-Chỉ nhánh Bắc Hà Nội
01/2017 - 01/2019	Phó phòng Thị trường vốn Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam
07/2012 - 01/2017	Chuyên viên Phòng Định chế Tài chính Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam

ÔNG ĐẶNG ANH HÀO

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

(Bổ nhiệm ngày 27/04/2020)

Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết: 0%

Trình độ học vấn

Thạc sĩ ngành Tiến tệ, Ngân hàng và Tài chính

Tuổi

37



Kinh nghiệm làm việc

04/2020 đến nay	Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Công thương Việt Nam
15/04/2020 – 27/04/2020	Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Công thương Việt Nam
09/2016 – 04/2020	Phó Giám đốc CN (Bán lẻ) Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Hà Thành
06/2015 - 09/2016	Cán bộ giúp việc Ban Kiểm Soát, Ban Kiểm soát Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam
07/2013 - 05/2015	Chuyên viên hỗ trợ VP hợp tác chiến lược, Văn phòng điều phối Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam
01/2013 - 07/2013	Chuyên viên thẩm định ĐCXH Cấp 2, Phòng Phê duyệt Tín dụng Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam
10/2012 - 01/2013	Chuyên viên thẩm định Cấp 2, Phòng QLRR Tín dụng & Đầu tư Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam
07/2010 - 10/2012	Chuyên viên thẩm định, Phòng QLRR Tín dụng & Đầu tư Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam
06/2007 - 06/2008	Chuyên viên tín dụng Ngân hàng NN & PTNT Việt Nam
09/2009 - 07/2010	Chuyên viên kinh doanh ngoại tệ, khối Nguồn vốn Ngân hàng Liên Việt

BÀ NGUYỄN THỊ THÚY HẰNG

THÀNH VIÊN ĐỘC LẬP HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết: 0,0001%

Trình độ học vấn

Thạc sĩ Quản trị kinh doanh

Tuổi

47



Kinh nghiệm làm việc

04/2020 đến nay	Thành viên độc lập Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Công thương Việt Nam Phó phòng - Phòng Quản lý rủi ro hoạt động Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam
03/2012 – 04/2020	Phó phòng - Phòng Quản lý rủi ro hoạt động Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam
07/2010 – 03/2012	Phó phòng Quản lý rủi ro thị trường và tác nghiệp Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam
03/2007 – 07/2010	Cán bộ Quản lý rủi ro Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam
3/2004 – 03/2007	Cán bộ phòng Phát triển sản phẩm Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam
02/2001 – 03/2004	Cán bộ Thanh toán quốc tế Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam
07/1995 -03/2001	Cán bộ tín dụng, Cán bộ thanh toán L/C tại các phòng Tín dụng ngoài quốc doanh, phòng Thanh toán quốc tế Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Đồng Đa
05/1995 – 06/1995	Cán bộ kế toán, tín dụng, ngân quỹ các phòng nghiệp vụ - Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Đồng Đa

BÀ HÀ THU PHƯƠNG

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết: 0%
(không bao gồm số cổ phần đại diện sở hữu của VietinBank)

Trình độ học vấn

Thạc sĩ Tài chính ngân hàng

Tuổi

41



Kinh nghiệm làm việc

04/2020 đến nay	Thành viên Hội đồng quản trị - Công ty Chứng khoán Công thương Phó phòng Thị trường vốn - Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam
4/2019 - 04/2020	Thành viên độc lập Hội đồng quản trị - Công ty Chứng khoán Công thương Phó phòng Thị trường vốn - Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam
12/2018 - 04/2019	Phó phòng Thị trường vốn - Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam
02/2018 - 12/2018	Phó Tổng Giám đốc - Công ty TNHH MTV Vàng Bạc Đá quý Ngân hàng Công thương Việt Nam
06/2015 - 02/2018	Chuyên viên cao cấp ALM - Phòng QL Căn Đối Vốn & KH TC Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam
08/2014 - 06/2015	Tổ phó Tổ ALM - Phòng QL Căn Đối Vốn & KH TC Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam
03/2013 - 08/2014	Thư ký Hội đồng quản trị - Ban Thư ký Hội đồng quản trị Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam
05/2010 - 03/2013	Chuyên viên - Phòng Định chế - Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam
06/2008 - 04/2010	Chuyên viên Ban đầu tư - Tổng công ty đầu tư và KD vốn NN
08/2003 - 05/2008	Chuyên viên vụ XNK - Bộ Công thương

BAN KIỂM SOÁT

BÀ PHAN THỊ THU HẰNG

TRƯỞNG BAN KIỂM SOÁT

Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết: 0%

Trình độ học vấn

Cử nhân Kế toán doanh nghiệp

Tuổi

41



Kinh nghiệm làm việc

4/2019 đến nay	Trưởng ban Ban Kiểm soát - Công ty Chứng khoán Công thương
01/2018 - 04/2019	Chuyên viên chính phòng Kiểm toán nội bộ - Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam
08/2015 - 12/2017	Chuyên viên phòng Kiểm toán nội bộ - Ngân hàng Công thương Việt Nam
06/2011 - 08/2015	Phó phòng Tài chính - Kế toán - Công ty TNHH MTV Vàng bạc đá quý VietinBank
11/2010 - 05/2011	Nhân viên phòng Tài chính - Kế toán - Công ty TNHH MTV Vàng bạc đá quý VietinBank
09/2008 - 10/2010	Nhân viên phòng Kinh doanh Dịch vụ - Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam
11/2005 - 08/2008	Nhân viên phòng Tài chính - Kế toán - Công ty Cho thuê tài chính
05/2003 - 10/2005	Nhân viên - Liên hiệp các tổ chức hữu nghị Việt Nam

ÔNG NGUYỄN THẾ HƯNG

THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT

Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết: 0%

Trình độ học vấn

Thạc sĩ Kinh tế
Chứng chỉ kế toán

Tuổi

46



Kinh nghiệm làm việc

06/2014 đến nay	Phó phòng phòng Kiểm tra Kiểm soát nội bộ – Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam Thành viên Ban Kiểm soát – Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Công thương Việt Nam
04/2013 – 05/2014	Chuyên viên Kiểm toán nội bộ 3, Phòng Kiểm toán nội bộ – Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam
04/2012 – 04/2013	Chuyên viên Kiểm toán nội bộ 3, Phòng Kiểm toán tuân thủ – Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam
03/2009 – 03/2012	Nhân viên KTKSNB, Ban Kiểm tra Kiểm soát nội bộ – Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam
08/2007 – 03/2009	Nhân viên QLRR tín dụng, Phòng Quản lý rủi ro & Nợ có vấn đề – Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Ba Đình
01/2005 – 08/2007	Cán bộ Tín dụng, Phòng khách hàng 1 – Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Ba Đình
01/1999 – 12/2004	Nhân Viên Phòng Kinh doanh đối nội – Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Ba Đình
09/1996 – 12/1998	Cán bộ Tín dụng, Phòng Kinh doanh – Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Ba Đình
10/1995 – 08/1996	Nhân viên hành chính quản trị, phòng TCHC – Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam chi nhánh Ba Đình

BÀ LÂM THỊ THU HƯỜNG

THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT

Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết: 0%

Trình độ học vấn

Cử nhân Tài chính ngân hàng
Chứng chỉ Kế toán trưởng

Tuổi

38



Kinh nghiệm làm việc

06/2019 – nay	Thành viên Ban Kiểm soát – Công ty Chứng khoán Công thương
08/2014 – 5/2019	Thành viên Ban Kiểm soát kiêm cán bộ phụ trách bộ phận Kiểm toán nội bộ – Công ty Chứng khoán Công thương
06/2014 – 8/2014	Thành viên Ban Kiểm Soát – Công ty Chứng khoán Công thương
01/2012 – 06/2014	Nhân viên phòng Kiểm tra kiểm soát nội bộ – Công ty Chứng khoán Công thương
07/2011 – 12/2011	Tổ trưởng Tổ giám sát Phòng Dịch vụ chứng khoán – Công ty Chứng khoán Công thương
06/2011 – 06/2011	Nhân viên DVCK - Công ty Chứng khoán Công thương
03/2010 – 05/2011	Phó phòng Môi giới và Lưu ký – Công ty Chứng khoán Công thương - Chi nhánh Hà Nội
12/2009 – 03/2010	Tổ trưởng tổ Lưu ký – Phòng Môi Giới và Lưu ký – Công ty Chứng khoán Công thương - Chi nhánh Hà Nội
10/2006 – 12/2009	Nhân viên lưu ký - Phòng Môi giới Lưu ký - Công ty Chứng khoán Công thương

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

ÔNG TRẦN PHÚC VINH

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ KIỂM QUYỀN TỔNG GIÁM ĐỐC

Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết: 0%
(không bao gồm số cổ phần đại diện sở hữu của VietinBank)

Trình độ học vấn

Cử nhân chương trình Tiên Tiến, khoa Tài Chính Ngân hàng

Tuổi

32



Kinh nghiệm làm việc

04/2020 đến nay	Thành viên Hội đồng quản trị kiểm Quyền Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Công thương Việt Nam
15/04/2020 - 27/04/2020	Quyền Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Công thương Việt Nam
01/2019 - 14/04/2020	Phó giám đốc Ngân hàng TMCP Công thương Hà Nội-Chỉ nhánh Bắc Hà Nội
01/2017 - 01/2019	Phó phòng Thị trường vốn Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam
07/2012 - 01/2017	Chuyên viên Phòng Định chế Tài chính Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam

BÀ PHAN HẢI SÂM

PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC

Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết: 0%

Trình độ học vấn

Thạc sĩ Tài chính - Tín dụng

Tuổi

46



Kinh nghiệm làm việc

10/2015 đến nay	Phó Tổng Giám đốc - Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Công thương Việt Nam
07/2009 - 10/2015	Kế toán trưởng Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Công thương Việt Nam
03/2009 - 06/2009	Phó phòng Chế độ kế toán - Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam, Chi nhánh Ba Đình
11/2008 - 03/2009	Phó phòng Thanh toán Ngân Quỹ - Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam
03/2001 - 11/2008	Cán bộ phòng Thanh toán Ngân Quỹ - Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam
11/1995 - 03/2001	Cán bộ phòng kinh doanh đối ngoại - Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam, Chi nhánh Hai Bà Trưng

ÔNG THÁI HOÀNG LONG

PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC

Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết: 0%

Trình độ học vấn

Thạc sĩ Quản trị kinh doanh

Tuổi

51



Kinh nghiệm làm việc

09/2016 đến nay	Phó Tổng Giám đốc – Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Công thương Việt Nam
01/2016-08/2016	Phó Tổng Giám đốc – Công ty Cổ phần Chứng khoán IB
04/2008-12/2015	Tổng Giám đốc – Công Ty Chứng khoán Nhất Việt
01/2006-03/2008	Phó Tổng Giám đốc Tài chính – Công ty LD Secom Việt Nam
05/2003-12/2005	Phó Tổng Giám đốc Kinh doanh – Công ty LD TAC Paritas
10/1993-04/2003	Phó Trưởng phòng Marketing – Tổng Công ty Thuốc lá Việt Nam

ÔNG ĐẶNG ANH HÀO

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ KIỂM PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC

Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết: 0%

Trình độ học vấn

Thạc sĩ ngành Tiền tệ, Ngân hàng và Tài chính

Tuổi

37



Kinh nghiệm làm việc

04/2020 đến nay	Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Công thương Việt Nam
15/04/2020 – 27/04/2020	Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Công thương Việt Nam
09/2016 – 04/2020	Phó Giám đốc CN (Bán lẻ) Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Hà Thành
06/2015 - 09/2016	Cán bộ giúp việc Ban Kiểm Soát, Ban Kiểm soát Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam
07/2013 - 05/2015	Chuyên viên hỗ trợ VP hợp tác chiến lược, Văn phòng điều phối Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam
01/2013 - 07/2013	Chuyên viên thẩm định ĐCXH Cấp 2, Phòng Phê duyệt Tín dụng Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam
10/2012 - 01/2013	Chuyên viên thẩm định Cấp 2, Phòng QLRR Tín dụng & Đầu tư Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam
07/2010 - 10/2012	Chuyên viên thẩm định, Phòng QLRR Tín dụng & Đầu tư Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam
06/2007 - 06/2008	Chuyên viên tín dụng Ngân hàng NN & PTNT Việt Nam
09/2009 - 07/2010	Chuyên viên kinh doanh ngoại tệ, khối Nguồn vốn Ngân hàng Liên Việt

ÔNG PHẠM NGỌC HIỆP

PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC

Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết: 0%

Trình độ học vấn

Thạc sĩ Tài chính Ngân hàng

Tuổi

43



Kinh nghiệm làm việc

11/2019 đến nay	Phó Tổng Giám Đốc – Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Công thương Việt Nam
05/2016 - 11/2019	Trưởng phòng Tư Vấn – Công ty TNHH Quản lý Quỹ VietinBank
01/2016 - 11/2019	Thành viên BKS - Công ty Cổ phần giao nhận hàng hóa Nasco
04/2015 - 5/2018	Trưởng Ban Kiểm soát – Tổng công ty Cơ điện xây dựng
03/2015 - 6/2016	Thành viên Hội đồng quản trị - Công ty CP Đầu tư công đoàn NHCT
06/2014 - 11/2019	Thành viên BKS - Công ty CP Đầu tư PV-Inconess
01/2013 - 05/2016	Trưởng phòng phòng PC-KSNB - Công ty TNHH MTV Quản lý quỹ VietinBank
10/2004 - 01/2013	Chuyên viên phòng pháp chế - Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam
12/2003 - 09/2004	Cán bộ phòng kế toán- Sở giao dịch 1- Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam
12/2002 - 12/2003	Cán bộ phòng Kiểm toán tuân thủ - Sở giao dịch 1 - Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam

ÔNG NGUYỄN TUẤN ANH

PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC

Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết: 0%

Trình độ học vấn

Thạc sĩ Quản trị kinh doanh

Tuổi

38



Kinh nghiệm làm việc

08/2020 đến nay	Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Công thương Việt Nam
07/2018 - 07/2020	Chuyên viên cao cấp Phòng Định chế Tài chính Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam
01/2018 - 07/2018	Chuyên viên cao cấp Phòng Thị trường Vốn Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam
06/2015 - 12/2017	Chuyên viên chính Phòng Thị trường Vốn Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam
10/2013 - 06/2015	Nhân viên Đầu tư Phòng Thị trường Vốn Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam
07/2013 - 10/2013	Tổ phó Định chế Tài chính Phòng Định chế Tài chính Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam
09/2010 - 07/2013	Trưởng nhóm Quản lý Mạng lưới nước ngoài Phòng Định chế Tài chính Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam
12/2006 - 09/2010	Chuyên viên Phòng Định chế Tài chính Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam

KẾ TOÁN TRƯỞNG KIỂM TRƯỞNG PHÒNG KẾ TOÁN TÀI CHÍNH

BÀ NGUYỄN THỊ ANH THƯ KẾ TOÁN TRƯỞNG

Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết: 0%

Trình độ học vấn

Thạc sỹ Quản trị kinh doanh

Tuổi

42



Kinh nghiệm làm việc

09/2020 đến nay	Kế toán trưởng Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Công thương Việt Nam
03/2015 - 21/09/2020	Kế toán trưởng Công ty TNHH MTV Chuyển tiền Toàn cầu VietinBank
10/2012 - 02/2015	Phó trưởng phòng Kế toán Tài chính Công ty TNHH MTV Chuyển tiền Toàn cầu VietinBank
03/2012 - 09/2012	Kiểm soát viên Phòng Kế toán Tài chính Công ty TNHH MTV Chuyển tiền Toàn cầu VietinBank
03/2006 - 02/2012	Cán bộ phòng Dịch vụ Khách hàng Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam
11/2001 - 02/2006	Cán bộ phòng Phát triển sản phẩm Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam

07. BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông bầu ra, là cơ quan quản lý cao nhất của Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định mọi vấn đề liên quan đến quyền lợi của Công ty, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông. Hội đồng quản trị giữ vai trò định hướng chiến lược kế hoạch hoạt động hàng năm, chỉ đạo và giám sát hoạt động của Công ty thông qua Ban Tổng Giám đốc Công ty. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị là 05 (năm) người. Nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị là 05 (năm) năm. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá 05 (năm) năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

► Hội đồng quản trị Công ty

Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 của Công ty đã miễn nhiệm và bầu thành viên Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2019-2024. Theo đó, 05 thành viên Hội đồng quản trị hiện tại của Công ty bao gồm:

STT	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Số lượng chức danh thành viên HĐQT nắm giữ tại các công ty khác
1	Bà Hồ Thị Thu Hiền	Chủ tịch	Không
2	Ông Trần Phúc Vinh	Thành viên	Không
3	Ông Đặng Anh Hòa	Thành viên	Không
4	Bà Hà Thu Phương	Thành viên	01 – Phó phòng Thị trường vốn Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam
5	Bà Nguyễn Thị Thúy Hằng	Thành viên độc lập	01 – Phó phòng Quản lý rủi ro hoạt động Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam

Tổng số thành viên Hội đồng quản trị không điều hành của Công ty có 03 (ba) thành viên là Bà Hồ Thị Thu Hiền – Chủ tịch HĐQT, Bà Hà Thu Phương - Thành viên HĐQT và Bà Nguyễn Thị Thúy Hằng - Thành viên độc lập HĐQT. Cơ cấu Hội đồng quản trị gồm có 03 (ba) thành viên không điều hành đảm bảo cho Hội đồng quản trị độc lập với hoạt động điều hành của Ban Tổng Giám đốc.

► Hoạt động của Hội đồng quản trị

- Hội đồng quản trị Công ty đã giám sát Ban Tổng Giám đốc thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao theo đúng quy định pháp luật của Nhà nước, Điều lệ Công ty và Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, đảm bảo lợi ích hợp pháp của Công ty và các cổ đông.
- Thực hiện phân công nhiệm vụ các thành viên HĐQT và phê duyệt tờ trình của Quyền Tổng giám đốc về việc phân công nhiệm vụ cho Ban Tổng Giám đốc Công ty.
- Kết thúc năm, Hội đồng quản trị Công ty thực hiện đánh giá các chức danh do Hội đồng quản trị quản lý về việc thực hiện nhiệm vụ trong năm, trong đó có Ban Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng, Trưởng Bộ phận Kiểm toán nội bộ,...

- Hội đồng quản trị Công ty đã giám sát và chỉ đạo kịp thời đối với Ban Tổng Giám đốc để tổ chức thực hiện các mục tiêu kinh doanh mà Đại hội đồng cổ đông đề ra; giám sát công tác quản lý và điều hành kinh doanh trên cơ sở Điều lệ Công ty và Luật Doanh nghiệp; Luật Chứng khoán và các văn bản hướng dẫn thi hành. Thành viên độc lập HĐQT Công ty tích cực phát huy vai trò tư vấn, phản biện trước những quyết sách của Công ty.

- Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc đã tổ chức họp thường kỳ để xây dựng kế hoạch hoạt động, phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng thành viên và thường xuyên đôn đốc kiểm tra việc thực hiện kết quả kinh doanh của Công ty. HĐQT yêu cầu Ban Tổng Giám đốc báo cáo định kỳ cũng như đột xuất về tình hình triển khai hoạt động kinh doanh, quản trị Công ty, qua đó HĐQT đã có các chỉ đạo xử lý kịp thời những vướng mắc trong công tác điều hành, triển khai các nhiệm vụ kinh doanh của Ban Tổng Giám đốc, công tác quản trị rủi ro trên cơ sở các báo cáo của Tổng Giám đốc.

- Hội đồng quản trị đã ban hành các quy chế, quy định và các quyết định về công tác quản trị nội bộ đúng quy định tại Điều lệ Công ty, đồng thời giám sát việc tổ chức thực hiện và chấp hành các quy chế, quy định của Ban Tổng Giám đốc bảo đảm an toàn cho các hoạt động của Công ty và tuân thủ các quy định của pháp luật hiện hành.

► **Tăng cường hiệu quả hoạt động quản trị Công ty**

Để tăng cường hiệu quả trong công tác quản trị, năm 2021 Hội đồng quản trị Công ty sẽ:

- Tiếp tục thực hiện họp thường kỳ để xây dựng kế hoạch kinh doanh, bám sát với diễn biến thị trường.
- Giám sát và đảm bảo việc thực hiện công bố thông tin định kỳ/bất thường theo đúng quy định, đảm bảo cung cấp thông tin cho Cổ đông và nhà đầu tư một cách minh bạch, đầy đủ, chính xác và kịp thời.
- Tăng cường công tác giám sát Ban Tổng Giám đốc trong việc thực hiện các quyền, nhiệm vụ được giao theo đúng quy định, chỉ đạo kịp thời đối với Ban Tổng Giám đốc để tổ chức thực hiện các mục tiêu kinh doanh mà Đại hội đồng cổ đông đề ra.

► **Các cuộc họp Hội đồng quản trị năm 2020:**

STT	Thành viên HĐQT	Số buổi họp tham dự	Tỷ lệ tham dự họp	Lý do không tham dự
Từ ngày 01/01/2020 đến ngày 27/04/2020				
1	Ông Hạ Quang Vũ	04/05	80%	Vắng mặt có lý do
2	Bà Trần Thị Thu Hương	05/05	100%	
3	Ông Khổng Phan Đức	05/05	100%	
4	Ông Nguyễn Minh Giang	05/05	100%	
5	Bà Hà Thu Phương	05/05	100%	

Từ 27/04/2020 đến 31/12/2020

1	Bà Hồ Thị Thu Hiền	14/14	100%
2	Ông Trần Phúc Vinh	14/14	100%
3	Ông Đặng Anh Hào	14/14	100%
4	Bà Hà Thu Phương	14/14	100%
5	Bà Nguyễn Thị Thúy Hằng	14/14	100%

► **Hoạt động của các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị:**

Hội đồng quản trị không thành lập các tiểu ban trực thuộc HĐQT. Tuy nhiên để thực hiện chức năng, nhiệm vụ của mình, Hội đồng quản trị đã:

- Cử thành viên độc lập HĐQT là Bà Nguyễn Thị Thúy Hằng phụ trách hoạt động Quản trị rủi ro tại Công ty theo Quyết định số 105/QĐ-UBCK ngày 26/02/2013 của UBCKNN về việc hướng dẫn thiết lập và vận hành hệ thống quản trị rủi ro trong công ty chứng khoán.
- Thiết lập Bộ phận Kiểm toán nội bộ trực thuộc HĐQT theo Quyết định số 37/QĐ-HĐQT-CKCT01 ngày 31/12/2013 của HĐQT của Công ty. Bộ phận Kiểm toán nội bộ được thiết lập và thực hiện các chức năng, nhiệm vụ theo đúng quy định tại Thông tư số 210/2012/TT-BTC ngày 30/11/2012 (đã được sửa đổi bổ sung tại Thông tư 07/2016/TT-BTC) của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn thành lập và hoạt động của công ty chứng khoán.



► **Nội dung các cuộc họp (*):**

STT	Thời gian họp	Nội dung cuộc họp	Tỷ lệ tham dự
1	05/02/2020	Triển khai các nội dung tại kỳ họp định kỳ tháng 01/2020	100%
2	26/03/2020	Triển khai các nội dung tại kỳ họp định kỳ tháng 02/2020	100%
3	14/04/2020	Công tác cán bộ liên quan tới HĐQT và Ban Điều hành Công ty	100%
4	20/04/2020	Triển khai một số nội dung tại kỳ họp HĐQT định kỳ tháng 04/2020	100%
5	23/04/2020	Giữ nguyên giá trị hiệu lực của văn bản ủy quyền số 14/UQ-CKCT ký ngày 18/11/2019 do người đại diện pháp luật của Công ty đã ký kể từ ngày 15/04/2020 cho đến khi có văn bản thay thế, chấm dứt của người đại diện theo pháp luật mới	100%
6	27/04/2020	Bầu Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Công thương Việt Nam nhiệm kỳ 2019 - 2024	100%
7	28/04/2020	Phê duyệt tờ trình của Quyền Tổng Giám đốc phân công nhiệm vụ cho Ban Tổng Giám đốc Công ty	100%
8	28/04/2020	Phê duyệt tờ trình của Quyền Tổng Giám đốc về việc chi Quỹ thi đua - khen thưởng	100%
9	28/04/2020	Phê duyệt tờ trình của Quyền Tổng Giám đốc sửa đổi, bổ sung Quy định chi trả tiền lương của Công ty	100%
10	28/04/2020	Phân công nhiệm vụ cho các thành viên HĐQT Công ty	100%
11	15/05/2020	Triển khai các nội dung tại kỳ họp định kỳ tháng 05/2020	100%
12	08/06/2020	Triển khai các nội dung tại kỳ họp định kỳ tháng 06/2020	100%
13	29/06/2020	Công tác cán bộ	100%
14	14/07/2020	Triển khai các nội dung tại kỳ họp định kỳ tháng 07/2020	100%
15	31/07/2020	Công tác nhân sự Ban Điều hành Công ty	100%
16	20/08/2020	Chấm dứt Hợp đồng lao động đối với bà Nguyễn Thị Tú Anh - Kế toán trưởng kiêm Trưởng phòng Kế toán tài chính Công ty Chứng khoán Công thương	100%
17	11/09/2020	Triển khai các nội dung tại kỳ họp định kỳ tháng 09/2020	100%
18	17/09/2020	Công tác cán bộ	100%
19	04/11/2020	Triển khai các nội dung tại cuộc họp HĐQT tháng 11/2020	100%

(*): Không bao gồm các trường hợp lấy ý kiến bằng văn bản

► **Thù lao Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát:**

Hàng năm, Đại hội đồng cổ đông thường niên đều thông qua mức thù lao cho Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát. Nghị quyết được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 thông qua ngày 27/04/2020 về mức thù lao, tiền thưởng của Hội đồng quản trị và mức thù lao, tiền lương, tiền thưởng, ngân sách hoạt động của Ban Kiểm soát Công ty năm 2020.

Căn cứ kết quả kinh doanh của Công ty trong năm 2020, số tiền thù lao cho Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát dự kiến như sau:

Đơn vị: Triệu đồng

Nội dung	Số tiền
Lợi nhuận sau thuế năm 2020	128.187
Thù lao Hội đồng quản trị	372,4
Thù lao, lương, thưởng Ban Kiểm soát và Kiểm soát viên	1.058

► **Thay đổi Ban điều hành**

Bổ nhiệm Ông Trần Phúc Vinh giữ chức vụ Quyền Tổng giám đốc Công ty kể từ ngày 15/04/2020

Bổ nhiệm Ông Đặng Anh Hào giữ chức vụ Phó Tổng giám đốc Công ty kể từ ngày 15/04/2020

Bổ nhiệm Ông Nguyễn Tuấn Anh giữ chức vụ Phó Tổng giám đốc Công ty kể từ ngày 01/08/2020

Bổ nhiệm Bà Nguyễn Thị Anh Thu giữ chức vụ Kế toán trưởng Công ty kể từ ngày 22/09/2020

Thời giữ chức vụ Tổng giám đốc Công ty đối với Ông Kháng Phan Đức kể từ ngày 15/04/2020

Thời giữ chức vụ Phó Tổng giám đốc Công ty đối với Ông Chu Mạnh Hiền kể từ ngày 15/04/2020

Chấm dứt HĐLĐ với Bà Nguyễn Thị Tú Anh – Kế toán trưởng Công ty kể từ ngày 20/08/2020.

08. BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

► Đánh giá kết quả hoạt động kinh doanh

Kết thúc năm 2020, Công ty đạt 150.513 tỷ đồng lợi nhuận trước thuế, hoàn thành 104% kế hoạch năm được ĐHCĐ giao.

— Hoạt động Môi giới chứng khoán

Trong năm 2020, VietinBank Securities tiếp tục chủ động tìm kiếm các nguồn vốn từ các ngân hàng, định chế tài chính để bổ sung vốn thúc đẩy hoạt động kinh doanh, đặc biệt đối với hoạt động margin. Do sự cạnh tranh mạnh mẽ từ các công ty chứng khoán trên thị trường cùng với bước đột phá lớn trong năm nên dư nợ cùng với lãi margin toàn Công ty trong năm 2020 đạt lần lượt là 923 tỷ đồng và gần 77,4 tỷ đồng, tương ứng tăng lần lượt là 40,3% và 2,7% so với năm 2019.

Với hệ thống Core đã được triển khai, VietinBank Securities sẽ tiếp tục phát triển đưa ra các sản phẩm linh hoạt, cạnh tranh cho các nhóm đối tượng khách hàng. Bên cạnh đó, trong thời gian tới VietinBank Securities sẽ đẩy mạnh hoạt động nghiên cứu, phân tích đưa ra các sản phẩm chất lượng đáp ứng nhu cầu của khách hàng.

— Hoạt động Tư vấn Tài chính doanh nghiệp

Kết thúc năm 2020, doanh thu hoạt động Tư vấn Tài chính doanh nghiệp ghi nhận 3,62 tỷ đồng, doanh thu đại lý phát hành đạt 22,47 tỷ đồng. Với tổng doanh thu năm 2019 ghi nhận 18 tỷ đồng, tổng doanh thu năm 2020 đạt 27,2 tỷ đồng tăng trưởng gần 52% so với năm 2019. Đồng thời, hoạt động của toàn Khối Tư vấn tài chính doanh nghiệp ghi nhận lợi nhuận năm 2020 đạt 16,26 tỷ đồng.

Trong năm 2020, hoạt động tư vấn tài chính doanh nghiệp đang tiếp tục duy trì và phát triển quan hệ với các Tập đoàn và các Tổng Công ty lớn như: Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước, Tổng Công ty Thanh Lẽ, Tổng Công ty Truyền hình cáp Việt Nam, Tập đoàn Điện lực Việt Nam, Tổng Công ty Công nghiệp Xi măng Việt Nam, Tổng Công ty Than – Khoáng sản Việt Nam,... trong việc thực hiện các hợp đồng tư vấn cổ phần hóa, thoái vốn, phát hành chứng khoán, niêm yết, đăng ký giao dịch... Kết thúc năm 2020, Công ty đã hoàn thành 69 hợp đồng tư vấn TCDN bao gồm 52 hợp đồng tư vấn phát hành và đại lý phát hành trái phiếu cùng 17 hợp đồng tư vấn truyền thống như thoái vốn, chào bán cổ phiếu, đăng ký giao dịch UPCOM, niêm yết.

VietinBank Securities định hướng sẽ tiếp tục đẩy mạnh hoạt động của mảng tư vấn M&A trong thời gian tới, từng bước đưa mảng tư vấn M&A và tái cấu trúc từng bước trở thành mảng tư vấn quan trọng trong hoạt động của khối Tư vấn nói riêng và Công ty nói chung. Bên cạnh đó, VietinBank Securities sẽ tiếp tục đẩy mạnh mảng tư vấn phát hành trái phiếu nhằm giúp doanh nghiệp tiếp cận với nguồn vốn có nhiều ưu việt hơn so với nguồn vốn tín dụng, đồng thời hỗ trợ nhà đầu tư tiếp cận được những cơ hội đầu tư tốt.

— Hoạt động Tự doanh và Bảo lãnh phát hành

Trong năm 2020, Công ty tiếp tục thực hiện tái cơ cấu danh mục bằng việc bán các khoản đầu tư nhỏ, các khoản đầu tư được đánh giá có triển vọng kém, lợi nhuận do bán cổ phiếu trong năm 2020 là 15,181 tỷ đồng - 412,86% so với cùng kỳ năm 2019. Cũng trong năm 2020, Công ty tiếp tục nhận được các khoản cổ tức của các khoản đầu tư dài hạn với tổng cổ tức nhận được 2020 là 30,76 tỷ đồng bằng 99,97% năm 2019.

Hoạt động đầu tư trái phiếu năm 2020 tiếp tục được đẩy mạnh với hoạt động đầu tư trái phiếu doanh nghiệp. Phần lãi trái phiếu đạt được từ trái tức năm 2020 đạt mức 39,269 tỷ đồng bằng 101,12% so với năm 2019 và lãi bán trái phiếu năm 2020 là 63,508 tỷ đồng tăng bằng 141,29% so với năm 2019. Mức lãi bán Trái phiếu này bao gồm lãi từ phần bán Trái phiếu doanh nghiệp và lãi từ repo trái phiếu chính phủ.

Do vậy, hoạt động Tự doanh và Bảo lãnh vẫn tiếp tục là mảng kinh doanh quan trọng, đóng góp lớn khoảng 73,9% tổng doanh thu hoạt động của VietinBank Securities trong năm 2020, tăng 5,1% so với năm 2019.

Theo định hướng chiến lược, năm 2021 đối với danh mục cổ phiếu, VietinBank Securities tiếp tục tập trung, theo sát diễn biến thị trường thực hiện cơ cấu một cách hiệu quả và tiếp tục tìm kiếm cơ hội đầu tư vào doanh nghiệp có giá trị cốt lõi cao. Bên cạnh đó, VietinBank Securities định hướng sẽ tiếp tục đẩy mạnh hơn nữa việc khai thác và đa dạng hóa sản phẩm bằng việc đầu tư vào trái phiếu Chính phủ, trái phiếu doanh nghiệp nhằm tối đa hóa lợi nhuận, giảm thiểu rủi ro và tạo ra nhiều công cụ cho hoạt động đầu tư.

— Công tác Quản trị rủi ro

Năm 2020, công tác quản trị rủi ro tại VietinBank Securities luôn luôn song hành cùng hoạt động kinh doanh của Công ty. Trong các cuộc họp định kỳ hàng tháng/quý/năm, Ban Lãnh đạo cùng các bộ phận kiểm soát rủi ro thường xuyên đánh giá các rủi ro trong hoạt động đầu tư, các khoản nợ đến hạn/quá hạn, rủi ro trong giao dịch/tác nghiệp... để đưa ra các cảnh báo, qua đó đã phát hiện sớm nhiều rủi ro tiềm ẩn VietinBank Securities phòng, tránh các tổn thất không đáng có trong hoạt động kinh doanh của mình.

— Quản lý công tác tổ chức, lao động tiền lương

Năm 2020, VietinBank Securities tiếp tục thực hiện tốt chính sách phát triển nguồn nhân lực, chú trọng việc tuyển dụng nhân sự có năng lực, đồng thời cạnh tranh thu hút nhân sự chất lượng cao trên thị trường. VietinBank Securities tiếp tục thực hiện việc sắp xếp, luân chuyển lại lao động, điều chuyển và bố trí nhân sự linh hoạt để cán bộ thường xuyên được trau dồi mở rộng nghiệp vụ, thường xuyên tổ chức các lớp học/khóa học để đào tạo nâng cao trình độ chuyên môn và kỹ năng mềm cho cán bộ người lao động.

— Công tác An sinh xã hội

Năm 2020, VietinBank Securities tiếp tục duy trì và thực hiện tốt các hoạt động thiết thực trong công tác từ thiện, an sinh xã hội. Ngoài việc tiếp tục đóng góp ngày lương cơ bản và lương kinh doanh một năm để ủng hộ Quỹ tình nghĩa, trong năm VietinBank Securities đã thực hiện các chương trình:

- Tài trợ đồ dùng học tập cho trường Mầm non tại xã Thái An, huyện Quỳnh Bạ - tỉnh Hà Giang;
- Tổ chức khám sức khỏe cho cán bộ nhân viên và cán bộ hưu trí của Công ty;
- Thăm và tặng quà cho các em học sinh, hộ gia đình nghèo khó tại: (i) Trường Tiểu học Húc, Xã Húc, Huyện Hương Hoá, Quảng Trị; (ii) Trường Tiểu học Thanh, Xã Thanh, Huyện Hương Hoá, Quảng Trị;
- Tổ chức chương trình về nguồn viếng thăm nghĩa trang liệt sỹ và các địa danh lịch sử cách mạng tại tỉnh Quảng Trị;
- Phát động phong trào ủng hộ hỗ trợ Miền trung đợt lũ lụt.

► Tình hình tài chính

Kết thúc năm 2020 tổng tài sản bằng 152,6% so với cùng kỳ năm 2019, tài sản ngắn hạn bằng 160,3% so với cùng kỳ. Trong đó các chỉ tiêu tiến & tương đương tiến bằng 127,3% so với cùng kỳ, chỉ tiêu đầu tư tài chính ngắn hạn tăng bằng 169,11% so với cùng kỳ. Tổng Nguồn vốn kết thúc năm 2020 bằng 152,6% so với cùng kỳ năm, nợ phải trả bằng 190,8% so với cùng kỳ. Vốn chủ sở hữu tăng bằng 109,4% so với cùng kỳ, vốn chủ sở hữu tăng chủ yếu do ghi nhận lợi nhuận thực hiện trong kỳ.

► Kế hoạch phát triển trong tương lai

Bước sang năm 2021, Công ty định hướng sẽ tiếp tục kế thừa và phát huy các kết quả, thành tựu mà công ty đã đạt được trước đây. Bên cạnh đó, Công ty cũng xác định sẽ duy trì và đẩy mạnh các giải pháp phát triển đối với các mảng hoạt động kinh doanh tiềm năng và cốt lõi. Với một số định hướng phát triển chính của Công ty trong thời gian tới như sau:

- Tập trung khai thác mảng Tư vấn dịch vụ đối với tệp khách hàng của VietinBank, bao gồm: Tư vấn tài chính doanh nghiệp, Tư vấn mua bán sáp nhập; Tư vấn cổ phần hóa.
- Tiếp tục tăng trưởng mảng Môi giới cổ phiếu, chứng khoán phái sinh và cung cấp dịch vụ liên quan như cho vay margin, ứng trước tiền bán...
- Đẩy mạnh các mảng hoạt động kinh doanh vốn, thu phí dịch vụ; hoàn thiện và nâng cao hệ thống công nghệ thông tin, áp dụng nền tảng công nghệ số vào quản lý vận hành, sản phẩm dịch vụ cung cấp ra thị trường để có thể đáp ứng mọi nhu cầu của khách hàng, kể cả những khách hàng khó tính nhất.



09. BÁO CÁO BAN KIỂM SOÁT

Ban Kiểm soát hiện có 03 (ba) kiểm soát viên, trong đó Trưởng Ban Kiểm soát và 01 kiểm soát viên chuyên trách tại Công ty; 01 kiểm soát viên là cán bộ quản lý của VietinBank kiêm nhiệm kiểm soát viên của Công ty. Nhiệm kỳ của kiểm soát viên được ĐHĐCĐ bầu là 5 (năm) năm.

Danh sách các kiểm soát viên, tỷ lệ nắm giữ cổ phần và chứng khoán khác do Công ty phát hành:

STT	Thành viên BKS	Chức vụ	Ngày bắt đầu là thành viên BKS	Tỷ lệ sở hữu chứng khoán khác do Công ty phát hành
1	Bà Phan Thị Thu Hằng	Trưởng Ban Kiểm soát	10/04/2019	0%
2	Bà Lâm Thị Thu Hương	Thành viên BKS	16/06/2014	0%
3	Ông Nguyễn Thế Hưng	Phó phòng KTKSNB VietinBank kiêm Thành viên BKS Công ty	16/06/2014	0%

► Hoạt động của Ban Kiểm soát

Trong năm 2020, Ban Kiểm soát đã tiến hành 04 cuộc họp với sự tham gia của đầy đủ các kiểm soát viên nhằm tổ chức thực hiện chức năng, nhiệm vụ theo quy định của pháp luật, Điều lệ, Quy chế tổ chức và hoạt động của Ban Kiểm soát.

Ban kiểm soát đã tham dự các cuộc họp định kỳ với Hội đồng quản trị (HDQT), nắm bắt tình hình thực tế kinh doanh của Công ty, đóng góp ý kiến với HDQT, Ban điều hành (BDH) trong việc thực hiện các chiến lược và mục tiêu đã được ĐHĐCĐ giao, các ý kiến của Ban Kiểm soát cũng được chuyển tải đến HDQT, BDH thông qua các báo cáo giám sát hàng tháng.

Ban Kiểm soát đã tiến hành kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, trung thực và mức độ thận trọng trong quản lý và điều hành hoạt động kinh doanh, tính hệ thống, nhất quán và phù hợp của công tác kế toán, thống kê và lập Báo cáo tài chính. Thẩm định báo cáo tài chính, bán niên và hàng năm của Công ty. Rà soát, kiểm tra và đánh giá hiệu quả, hiệu lực của hệ thống kiểm soát nội bộ, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro và cảnh báo sớm của Công ty.

► Kết quả giám sát:

Thông qua việc kiểm tra, giám sát cho thấy công tác quản lý và điều hành hoạt động của HDQT, BDH về cơ bản đều dựa vào Điều lệ Công ty, Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán và các văn bản hướng dẫn thi hành. Trong quá trình giám sát, Ban kiểm soát cũng đã có ý kiến với HDQT, BDH trong việc chỉ đạo thực hiện các nghiệp vụ kinh doanh, việc ban hành các văn bản chính sách nhằm bảo đảm các hoạt động kinh doanh của Công ty thông suốt, hiệu quả đồng thời tuân thủ các quy định của Pháp luật và điều lệ Công ty; BCTC bán niên, hàng năm của Công ty xét trên khía cạnh trọng yếu đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động của Công ty.

Sự phối hợp hoạt động giữa Ban Kiểm soát đối với hoạt động của HĐQT, BĐH và các cán bộ quản lý khác

Ban Kiểm soát thực hiện giám sát HĐQT, BĐH trong việc quản lý và điều hành Công ty. Các thành viên HĐQT, Ban Kiểm soát và BĐH thường xuyên trao đổi trong công việc, cung cấp thông tin qua lại theo tinh thần hợp tác, tạo thuận lợi cho công việc của các thành viên;

HĐQT mời Trưởng Ban Kiểm soát tham dự tất cả các cuộc họp định kỳ của HĐQT, các tài liệu như biên bản họp HĐQT, Nghị quyết; các tài liệu, báo cáo, tờ trình của BĐH xin ý kiến HĐQT khi gửi cho HĐQT về cơ bản đều được gửi cho Ban Kiểm soát;

Ban Kiểm soát tham gia các cuộc họp giao ban hàng tháng khi được BĐH mời, các cuộc họp triển khai, sơ kết, tổng kết hoạt động kinh doanh hoặc chuyên đề thuộc mọi lĩnh vực hoạt động của Công ty;

HĐQT, BĐH tạo điều kiện cho Ban Kiểm soát trong quá trình thực hiện nhiệm vụ. Các thành viên HĐQT, BĐH và người quản lý khác trong Công ty cung cấp các thông tin và tài liệu liên quan đến hoạt động của Công ty theo yêu cầu của Ban Kiểm soát.

10. BÁO CÁO KIỂM TRA KIỂM SOÁT NỘI BỘ

Kiểm tra kiểm soát nội bộ:

Năm 2020, công tác Kiểm tra kiểm soát nội bộ tại VietinBank Securities được thực hiện một cách độc lập, khách quan và trung thực. Qua quá trình kiểm soát đã kịp thời đưa ra các cảnh báo rủi ro tiềm ẩn, phát hiện các vấn đề còn tồn tại trong hoạt động, trong quy trình quy chế để kiến nghị Ban Lãnh đạo chấn chỉnh, bổ sung, tăng cường công tác kiểm soát đối với từng mảng hoạt động nghiệp vụ. Việc cảnh báo sớm các rủi ro đã giúp VietinBank Securities hạn chế các tổn thất không đáng có trong hoạt động kinh doanh của mình, ngăn ngừa, hạn chế rủi ro có thể xảy ra, đảm bảo an toàn trong mọi hoạt động.

Công bố thông tin:

Với vị thế một công ty niêm yết và hoạt động trong lĩnh vực dịch vụ tài chính, VietinBank Securities cũng dành sự quan tâm đặc biệt đến việc quản lý các nguồn thông tin, từ cả bên trong VietinBank Securities đến thị trường, hay từ thị trường ảnh hưởng đến danh tiếng của VietinBank Securities.

VietinBank Securities luôn chấp hành nghiêm chỉnh theo đúng quy định của pháp luật trong việc công bố thông tin định kỳ, công bố thông tin bất thường và công bố thông tin theo yêu cầu. Với việc tôn trọng giá trị đầu tư của các Cổ đông, VietinBank Securities nhận thức rõ ràng trách nhiệm của mình trong việc cung cấp thông tin cho Cổ đông và nhà đầu tư một cách minh bạch, đầy đủ, chính xác và kịp thời.



11. BÁO CÁO QUẢN TRỊ RỦI RO

Năm 2020, hoạt động Quản trị rủi ro tại VietinBank Securities luôn song hành cùng các hoạt động kinh doanh của Công ty, thực hiện phát hiện sớm nhiều rủi ro tiềm ẩn và đưa các cảnh báo rủi ro, giúp VietinBank Securities hạn chế tối đa các tổn thất trong hoạt động kinh doanh.

Hoạt động quản trị rủi ro được cụ thể hóa bằng quy định/quy trình riêng trong đó xác định các bước công việc thực hiện trong phân tích, đánh giá, xếp loại, kiểm soát và xử lý rủi ro... Ngoài ra, để tăng cường công tác phòng chống rủi ro VietinBank Securities đã đưa các cảnh báo rủi ro riêng và cụ thể vào các quy chế, quy định và quy trình của từng hoạt động kinh doanh. Như vậy, các rủi ro liên quan đến khách hàng, các mảng kinh doanh của Công ty đều cơ bản được kiểm soát và có quy trình hướng dẫn chi tiết để thực hiện. Trong năm 2021, VietinBank Securities tiếp tục triển khai áp dụng chính sách quản trị rủi ro vào từng loại rủi ro: rủi ro hoạt động, rủi ro thị trường, rủi ro thanh toán, rủi ro thanh khoản, rủi ro pháp lý.

Rủi ro hoạt động: VietinBank Securities tiếp tục chuẩn hóa các chính sách và quy trình kinh doanh nhằm tuân thủ các quy định pháp luật, rà soát và bổ sung các chốt kiểm soát liên quan đến các hoạt động môi giới, lưu ký, tự doanh chứng khoán, tư vấn đầu tư và tài chính kế toán. VietinBank Securities nhận thức rõ đây là công cụ và là yếu tố then chốt để quản lý hiệu quả rủi ro hoạt động.

Rủi ro thị trường:

Thông tư 91/2020/TT-BTC ngày 13/11/2020 của Bộ Tài chính. Việc đo lường Giá trị rủi ro thị trường được Công ty thực hiện định kỳ tháng, được đánh giá mức độ ảnh hưởng khi tính tỷ lệ an toàn vốn khả dụng của VietinBank Securities và gửi báo cáo đến Ban lãnh đạo cũng như các cơ quan quản lý.

Rủi ro thanh toán:

Thông tư 91/2020/TT-BTC ngày 13/11/2020 của Bộ Tài chính. Việc đánh giá mức độ ảnh hưởng của giá trị rủi ro thanh toán khi tính tỷ lệ an toàn vốn khả dụng của VietinBank Securities được thực hiện định kỳ tháng. Rủi ro thanh toán được giảm thiểu thông qua hệ thống Quản trị rủi ro, thực hiện theo quy trình yêu cầu đối tác phải duy trì tài sản thế chấp ở mức hợp lý, phải thanh toán các khoản công nợ đúng như cam kết và có những điều khoản phòng ngừa rủi ro.

Rủi ro thanh khoản: VietinBank Securities giám sát rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền mặt và các khoản tương đương tiền ở mức mà Ban lãnh đạo phân tích, đánh giá đủ đáp ứng cho các hoạt động của VietinBank Securities và để giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền. Định kỳ, VietinBank Securities thực hiện lập báo cáo phân tích dòng tiền để so sánh dòng tiền vào và dòng tiền ra trong kỳ cho các hoạt động kinh doanh, đầu tư và tài chính; qua đó phân tích và đánh giá những xu hướng sử dụng và huy động vốn trong kỳ. Ngoài ra, VietinBank Securities lập báo cáo phân tích chỉ số thanh khoản dựa trên các số liệu tại bảng cân đối kế toán và các số liệu quản trị nội bộ của Công ty. Từ đó đưa ra các đánh giá về khả năng thanh khoản/trạng thái thanh khoản của VietinBank Securities trong kỳ báo cáo.

Rủi ro pháp lý: Bộ phận pháp chế của VietinBank Securities thường xuyên chủ động cập nhật các thay đổi của văn bản pháp luật và đánh giá những tác động của việc thay đổi các chính sách liên quan đến hoạt động của VietinBank Securities; rà soát, chuẩn hóa các quy trình, chính sách, phân cấp ủy quyền của các nghiệp vụ để đảm bảo phù hợp với các thay đổi pháp lý, đồng thời thống nhất nội dung, tránh các văn bản, quy định rời rạc, thiếu nhất quán, thiếu đồng bộ. Bộ phận Pháp chế hỗ trợ các bộ phận nghiệp vụ kiểm tra tính pháp lý của các dự thảo hợp đồng và các văn bản phát hành của VietinBank Securities nhằm đảm bảo tính tuân thủ đầy đủ, chính xác các quy định của pháp luật.



PHẦN 5: BÁO CÁO PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

- A. Mục tiêu thực hiện báo cáo
- B. Định hướng phát triển bền vững của VietinBank Securities
- C. Cơ cấu quản trị về phát triển bền vững
- D. Cách thức xác định nội dung báo cáo
- E. Nội dung báo cáo



A. MỤC TIÊU THỰC HIỆN BÁO CÁO

1. NỘI DUNG BÁO CÁO

Năm 2020 là năm VietinBank Securities thành công trong việc triển khai các định hướng xây dựng những giá trị bền vững của doanh nghiệp trở thành một doanh nghiệp có hoạt động kinh doanh bền vững, có sức ảnh hưởng và lan tỏa những giá trị tốt đẹp cho sự phát triển của mỗi thành viên trong Công ty, cho khách hàng, cho thị trường và cho toàn xã hội thông qua các hoạt động thiết thực. Các lĩnh vực được trình bày trong báo cáo gồm: Hiệu quả trong hoạt động kinh doanh, chính sách liên quan đến người lao động, trách nhiệm đối với cộng đồng, Báo cáo liên quan đến hoạt động thị trường vốn xanh.

2. PHẠM VI BÁO CÁO

Báo cáo Phát triển Bền vững năm 2020 được thực hiện và công bố như một tài liệu bổ sung, gắn kết chặt chẽ với Báo cáo thường niên và Báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2020 của Công ty. Các số liệu tài chính trong báo cáo được dẫn chiếu từ Báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2019 và các năm trước đó của Công ty.

Báo cáo phản ánh các kết quả hoạt động trong năm 2020, đồng thời cũng đề cập đến định hướng và mục tiêu của Công ty trong những năm tới đối với vấn đề phát triển bền vững. Báo cáo được thực hiện cho phạm vi toàn bộ Công ty, bao gồm Trụ sở chính và các chi nhánh.

Nội dung phát triển bền vững của VietinBank Securities có liên quan chặt chẽ với chiến lược về trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp, xuất phát từ sứ mệnh và tầm nhìn của Công ty, cũng như đảm bảo tuân thủ các quy trình về kiểm tra kiểm soát nội bộ, các quy định chung của quốc gia và quốc tế về cạnh tranh, quyền con người, luật môi trường...



B. ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG CỦA VIETINBANK SECURITIES

1. MÔ HÌNH PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

Tại VietinBank nói chung và VietinBank Securities nói riêng, vấn đề "phát triển bền vững" đã được đề cao từ lâu theo lịch sử hình thành lâu đời của doanh nghiệp và ngày càng được mở rộng không chỉ đảm bảo các lợi ích về kinh tế trước mắt mà còn quan tâm ngày càng nhiều hơn các lợi ích bền vững lâu dài và những tác động đến cộng đồng. Là một trong những Công ty chứng khoán lâu đời nhất tại Việt Nam, thành viên của ngân hàng có thương hiệu uy tín nhất tại Việt Nam, VietinBank Securities hiểu rõ trách nhiệm của mình trong việc gắn kết tầm nhìn, sứ mệnh với định hướng phát triển bền vững. Thông qua hoạt động của mình, VietinBank Securities đã có những tác động tích cực cả trực tiếp và gián tiếp đến sự phát triển kinh tế xã hội của Việt Nam, cụ thể:

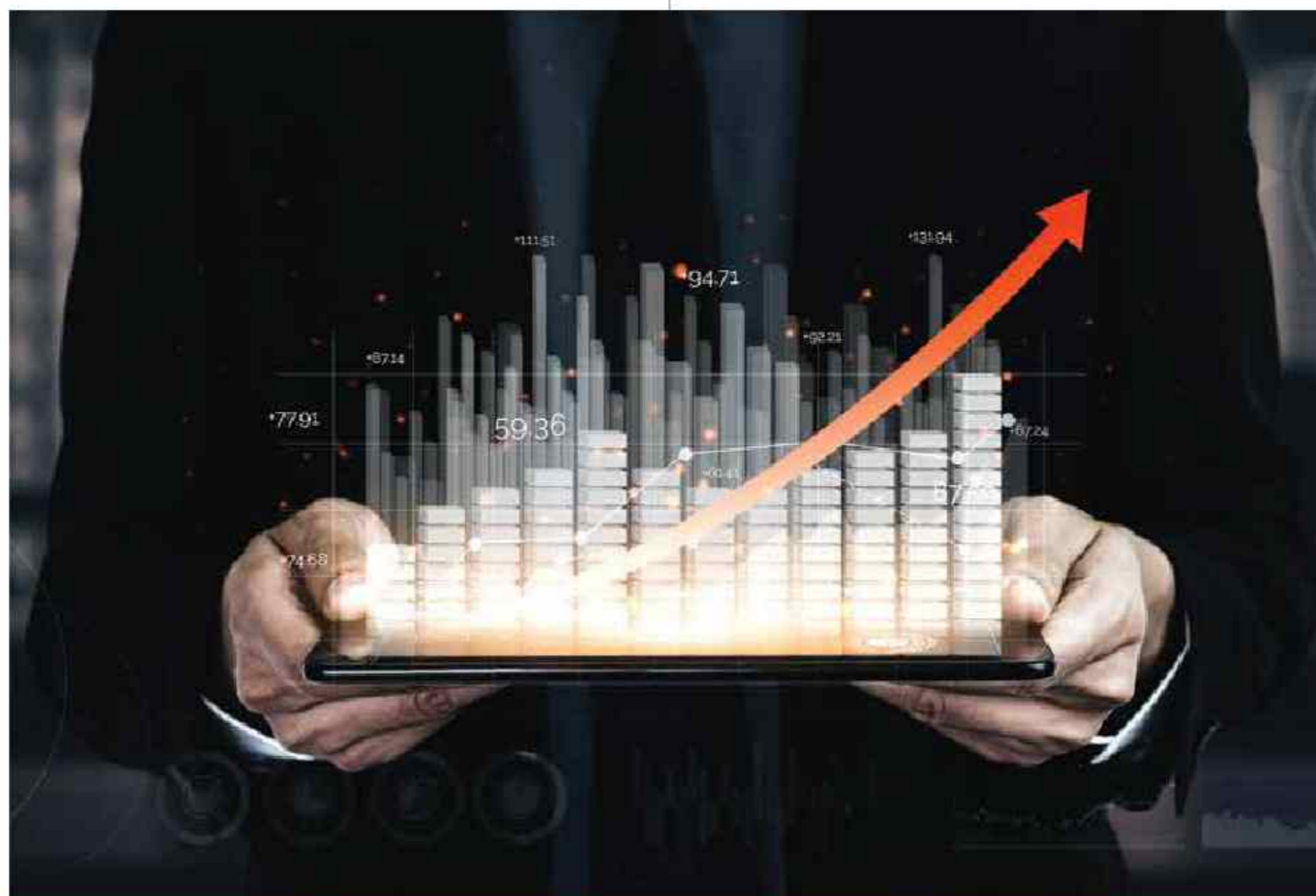
- Tạo công ăn việc làm ổn định cho người lao động;
- Huy động vốn cho nền kinh tế;
- Tạo điều kiện cho doanh nghiệp sử dụng vốn hiệu quả;
- Hỗ trợ nhà đầu tư nâng cao hiệu quả đầu tư;
- Đóng góp cho sự phát triển của ngành chứng khoán, tài chính;
- Tăng cường quản trị doanh nghiệp, minh bạch hóa doanh nghiệp;
- Tạo điều kiện phát triển thế hệ trẻ, hỗ trợ cộng đồng.

VietinBank Securities có lịch sử hoạt động hiệu quả với thành tích liên tục báo lãi trong tất cả các năm tài chính kể từ khi thành lập. Bên cạnh các cơ hội phát triển có được từ các thế mạnh, năng lực cạnh tranh cao, kinh nghiệm thị trường, quản trị doanh nghiệp hiệu quả, đội ngũ nhân sự giỏi và tận tâm với công việc, Công ty cũng phải đối diện với các rủi ro nội bộ và bên ngoài như rủi ro hoạt động, rủi ro thị trường, rủi ro thanh toán, rủi ro thanh khoản, rủi ro pháp lý (xem thêm mục Báo cáo Kiểm tra kiểm

soát nội bộ - Báo cáo Thường niên 2020).

Việc nhận diện các tác động, rủi ro và cơ hội giúp Công ty đánh giá tình hình hiện tại, từ đó xây dựng mô hình và các mục tiêu phát triển bền vững phù hợp. Các mục tiêu phát triển bền vững của Công ty được định hướng căn cứ vào tầm nhìn "Tiên phong trong lĩnh vực Ngân hàng đầu tư".

Mô hình phát triển bền vững được VietinBank Securities xây dựng dựa trên mục tiêu hướng đến tạo lập thành công cho các đối tượng: Doanh nghiệp, Thị trường và Xã hội.



2. PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG TRONG DOANH NGHIỆP

- Tăng trưởng ổn định;
- Đảm bảo thu nhập và lợi ích kinh tế cho người lao động, chăm lo đời sống người lao động;
- Chú trọng hoạt động đào tạo nhằm phát triển năng lực cho đội ngũ nhân viên;
- Quản trị rủi ro và kiểm soát tuân thủ;
- Tăng tính minh bạch.

3. ĐÓNG GÓP BỀN VỮNG CHO THỊ TRƯỜNG

- Đảm bảo cổ tức ổn định cho cổ đông;
- Không ngừng nâng cao chất lượng phục vụ khách hàng;
- Tăng cường kênh huy động vốn cho doanh nghiệp;
- Đóng góp phát triển thị trường và nền kinh tế Việt Nam;
- Đóng góp bền vững cho xã hội;
- Hoàn thành trách nhiệm với nhà nước;
- Chia sẻ với cộng đồng;
- Bảo vệ môi trường.

Phục vụ cho lợi ích cổ đông

Với chính sách cổ tức ổn định từ 6%/năm trở lên, VietinBank Securities đảm bảo các khoản cổ tức định kỳ và thu nhập ổn định cho cổ đông. Minh bạch hóa thông tin với nhà đầu tư được VietinBank Securities quan tâm thực hiện thông qua việc chú trọng Công tác quan hệ cổ đông (Investor Relation - IR), đảm bảo quyền lợi tiếp cận thông tin của cổ đông. Công tác IR tại VietinBank Securities được thực hiện chuyên trách bởi người được ủy quyền công bố thông tin trực tiếp phụ trách. Đại hội đồng cổ đông thường niên và Báo cáo thường niên là hai hoạt động IR chính giúp nhà đầu tư và cổ đông nắm được đầy đủ thông tin về kết quả kinh doanh, chiến lược, tầm nhìn và các hoạt động của VietinBank Securities trong năm. VietinBank Securities cũng xây dựng và cập nhật hệ thống cơ sở dữ liệu của các cổ đông để gửi thông tin qua thư điện tử. Bên cạnh đó Công ty cũng sẵn sàng đón nhận và giải đáp thỏa đáng những phản hồi của nhà đầu tư thông qua email, điện thoại cũng như gặp gỡ trực tiếp.

Không ngừng nâng cao chất lượng phục vụ khách hàng. Cung cấp sản phẩm dịch vụ khách hàng với sự thấu hiểu và tận tâm

Nhân sự của Công ty được đào tạo với việc đề cao tiêu chuẩn về đạo đức nghề nghiệp, đảm bảo luôn cung cấp đầy đủ và trung thực thông tin đến khách hàng và đảm bảo rằng các khoản đầu tư của mỗi khách hàng được tư vấn thực hiện một cách an toàn và hiệu quả nhất bởi đội ngũ chuyên gia có kinh nghiệm và trình độ cao. Bên cạnh các dịch vụ chứng khoán cơ bản cung cấp cho khách hàng, VietinBank Securities phát triển một hệ thống các tiện ích gia tăng nhằm hỗ trợ khách hàng về kiến thức và công cụ tham gia thị trường:

Báo cáo phân tích: Điểm mạnh trong các báo cáo phân tích của Công ty là các phân tích sâu, chi tiết, thông tin nhanh nhạy và các dự báo trên cơ sở nghiên cứu kỹ lưỡng tình hình kinh tế vĩ mô, ngành và từng doanh nghiệp, giúp nhà đầu tư ra quyết định kịp thời. Cụ thể các sản phẩm mà bộ phận nghiên cứu của Công ty cung cấp cho khách hàng gồm:

► Báo cáo chiến lược, bao gồm các thông tin - phân tích - nhận định - dự báo về kinh tế vĩ mô, thị trường chứng khoán và chiến lược đầu tư.

► Báo cáo vĩ mô, bao gồm các thông tin - phân tích - nhận định - dự báo về GDP, lạm phát, chỉ số công nghiệp, cán cân thương mại, cán cân thanh toán, chính sách tài khóa, chính sách tiền tệ và tỷ giá. Báo cáo vĩ mô được xuất bản thường xuyên, đặc biệt là vào những thời điểm có các tin tức quan trọng.

► Báo cáo ngành đưa ra báo cáo tổng quan về ngành cùng các nhận định - đánh giá về triển vọng cổ phiếu ngành.

► Bản tin ngày: đưa thông tin và bình luận về thị trường chứng khoán, kinh tế vĩ mô và doanh nghiệp hàng ngày. Báo cáo khuyến nghị CTS - Spotlight cung cấp thông tin đầy đủ và khuyến nghị đầu tư về các mã cổ phiếu tốt cho nhà đầu tư.

Các công cụ hỗ trợ giao dịch: Để tối đa hóa hiệu quả dịch vụ, VietinBank Securities đã áp dụng nâng cấp các công nghệ hỗ trợ tiện ích cho khách hàng, bao gồm:

► Các giải pháp giao dịch trực tuyến cho phép nhà đầu tư ở bất cứ đâu đều có thể theo dõi được thông tin thị trường chứng khoán và giao dịch theo thời gian thực.

► SMS: Nhằm phục vụ cho việc theo dõi sự biến động trên tài khoản khách hàng, hệ thống tin nhắn SMS của VietinBank Securities tự động nhắn tin đến khách hàng khi có sự thay đổi về tiến, chứng khoán, cổ tức và thực hiện quyền trên tài khoản giao dịch chứng khoán của nhà đầu tư.

► Thư điện tử: VietinBank Securities định kỳ gửi bản tin và sao kê hàng tháng cho nhà đầu tư nhằm mang lại sự thuận lợi, nhanh chóng, an toàn trong việc cập nhật thông tin tài khoản giao dịch chứng khoán đến nhà đầu tư.

► Hoạt động chăm sóc khách hàng: Trong năm 2021, Công ty đã đẩy mạnh hoạt động chăm sóc khách hàng thông qua việc đưa ra các gói sản phẩm phù hợp với từng đối tượng khách hàng

► Kể từ năm 2018, Công ty đã chính thức đưa vào hoạt động hệ thống giao dịch chứng khoán UNICORE và đặc biệt là ứng dụng giao dịch chứng khoán qua thiết bị di động UniMobi đáp ứng nhu cầu theo dõi, giao dịch mọi lúc, mọi nơi của các nhà đầu tư.

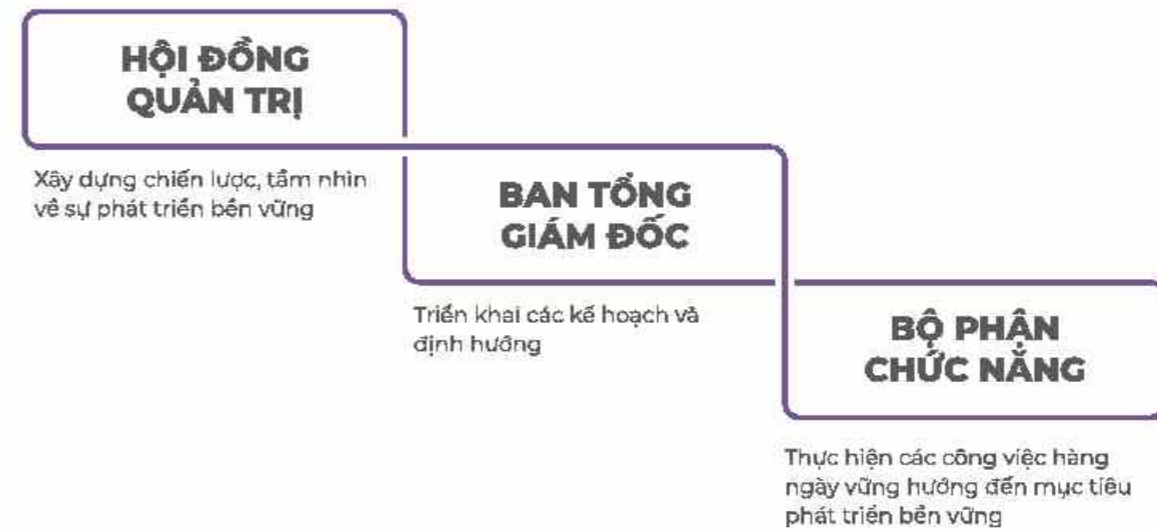
VietinBank Securities đã tích cực tham gia các hoạt động đóng góp cho thị trường như Diễn đàn thảo luận thường niên của UBCKNN, các Hội thảo, Hội nghị thành viên của HNX, HOSE...

Ngoài ra, Vietinbank Securities còn có các chuyên đề phân tích chuyên sâu, đánh giá các vấn đề mang tầm vĩ mô, "nóng hổi" của nền kinh tế ảnh hưởng đến thị trường chứng khoán thế giới và trong nước giúp các NĐT có cái nhìn sâu sắc, toàn diện, từ đó đưa ra các quyết định đầu tư an toàn, hiệu quả hơn.

C. CƠ CẤU QUẢN TRỊ VỀ PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

Tại VietinBank Securities, Hội đồng quản trị chịu trách nhiệm cao nhất về chiến lược phát triển bền vững. Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm xây dựng và triển khai thực hiện các mục tiêu và kế hoạch, đồng thời chia sẻ và đảm bảo vấn đề phát triển bền vững được thực hiện trong toàn Công ty từ các Bộ phận chức năng đến từng nhân viên, theo mô hình dưới đây:

MÔ HÌNH QUẢN TRỊ VỀ PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG



Các hoạt động của Công ty được giám sát bởi các chính sách, quy chế, quy định, quy trình nghiệp vụ cụ thể, nhằm đảm bảo việc tuân thủ đúng các quy định nội bộ và pháp luật hiện hành cũng như đảm bảo hiệu quả hoạt động. Tất cả các chính sách, văn bản quy định trong Công ty được xây dựng dựa trên các tiêu chuẩn và các quy định khác của pháp luật như Nghị định số Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 hướng dẫn Luật Chứng khoán, Quyết định số 105/QĐ-UBCK ngày 26/02/2013 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước về việc ban hành Quy chế hướng dẫn việc thiết lập và vận hành hệ thống Quản trị rủi ro cho công ty chứng khoán, Thông tư 121/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 quy định về hoạt động của công ty chứng khoán do Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành,...

Trên cơ sở các chính sách, quy chế, quy định, quy trình, kết hợp với Bộ phận Quản trị rủi ro, Bộ phận Kiểm tra kiểm soát nội bộ (KTKSNB) sẽ đưa ra các rủi ro chính và các hoạt động kiểm soát rủi ro, từ đó xây dựng kế hoạch, chương trình kiểm tra gắn liền với các mục tiêu.

Bộ phận KTKSNB trực tiếp giám sát, trao đổi, làm việc với các bộ phận có liên quan để phát hiện ra các sai sót và đưa ra giải pháp điều chỉnh nhằm mang lại chất lượng phục vụ tốt hơn, đảm bảo sự an toàn cho khách hàng, cũng như cho hoạt động của Công ty.

Bộ phận Kiểm toán nội bộ của Công ty có nhiệm vụ báo cáo trực tiếp cho Hội đồng quản trị, nhằm đảm bảo an toàn cho hoạt động Quản trị rủi ro nội bộ.

D. CÁCH THỨC XÁC ĐỊNH NỘI DUNG BÁO CÁO

VietinBank Securities nhận thấy mọi hoạt động của Công ty đều có liên quan và ảnh hưởng đến các đối tượng bên trong cũng như bên ngoài Công ty. Để đảm bảo phát triển hài hòa, cân đối và bền vững trong các mối liên quan tổng thể, Công ty thường xuyên trao đổi, tương tác với các bên liên quan thông qua các hoạt động. Đây cũng là hình thức để VietinBank Securities xác định nội dung Báo cáo phát triển bền vững năm 2020:

1. TƯƠNG TÁC VỚI NHÂN VIÊN

- Hợp sơ kết 6 tháng, tổng kết năm, hội nghị người lao động;
- Tổ chức chương trình sinh nhật nhân viên trong tháng;
- Duy trì hoạt động bếp ăn cho các cán bộ nhân viên;
- Thông tin, trao đổi qua Internet, điện thoại, email nội bộ;
- Các chương trình đào tạo nội bộ;
- Tổ chức các chương trình khảo sát lấy ý kiến;
- Tổ chức các sự kiện nội bộ nhằm tăng cường tinh đoàn kết: chương trình 20/10, 1/6, trung thu, Giáng sinh, du lịch.

2. TƯƠNG TÁC VỚI CỔ ĐÔNG

- Đại hội Cổ đông thường niên;
- Báo cáo định kỳ Cổ đông lớn;
- Cán bộ chuyên trách quản lý Cổ đông;
- Gặp gỡ trực tiếp nhà đầu tư/ Trao đổi qua điện thoại với bộ phận Quan hệ Cổ đông;
- Email gửi cổ đông và nhà đầu tư

E. NỘI DUNG BÁO CÁO

1. PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG TRONG DOANH NGHIỆP

VietinBank Securities đã gặt hái những kết quả tích cực về mặt kinh tế: Mặc dù năm 2020 thị trường chứng khoán Việt Nam gặp nhiều khó khăn, tuy nhiên kết quả kinh

3. TƯƠNG TÁC VỚI KHÁCH HÀNG/ NHÀ ĐẦU TƯ

- Hội thảo tư vấn đầu tư; giới thiệu cơ hội đầu tư;
- Gặp gỡ trao đổi, tư vấn trực tiếp/Trao đổi qua điện thoại với nhân viên kinh doanh, nhân viên chăm sóc khách hàng và Phòng Dịch vụ;
- Hỗ trợ khách hàng qua website, trang Trợ giúp <http://www.cts.vn/InvestorCorner.aspx>;
- Email gửi khách hàng.

4. TƯƠNG TÁC VỚI BÁO CHÍ

- Phòng vấn trả lời báo chí;
- Tham gia các Diễn đàn do các báo tổ chức;
- Trao đổi qua điện thoại, email với bộ phận Truyền thông;
- Thông cáo báo chí.

5. TƯƠNG TÁC VỚI CƠ QUAN QUẢN LÝ VÀ HIỆP HỘI

- Tham gia các Hội nghị, Hội thảo do Chính phủ, Bộ, các cơ quan quản lý tổ chức;
- Tham gia các hội thảo xây dựng thị trường do các cơ quan quản lý tổ chức.

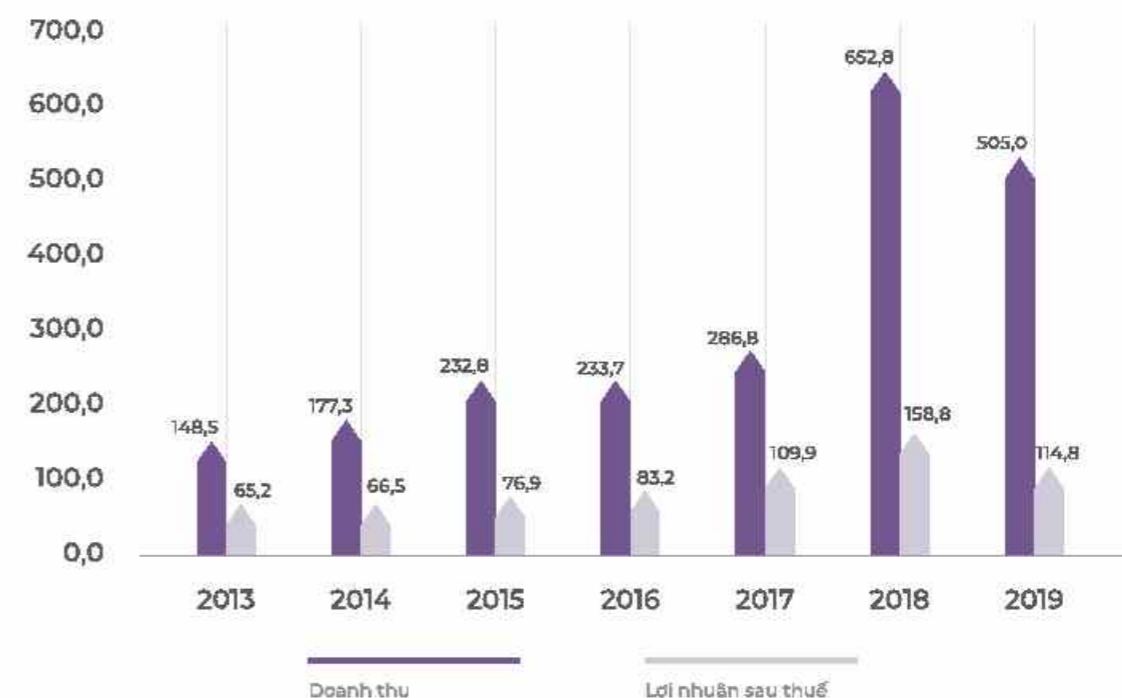
6. TƯƠNG TÁC VỚI CỘNG ĐỒNG ĐỊA PHƯƠNG

- Tham gia các hoạt động phát triển cộng đồng, chia sẻ khó khăn với những người kém may mắn do ngân hàng mẹ VietinBank tổ chức;
- Tham gia các hoạt động cộng đồng.

doanh của VietinBank Securities vẫn đạt kết quả tương đối tốt. Năm 2020, doanh thu hoạt động của VietinBank Securities đạt 610,5 tỷ đồng, lợi nhuận trước thuế ở mức 150,5 tỷ đồng, lợi nhuận sau thuế năm 2020 đạt 128,2 tỷ đồng.

BIỂU ĐỒ DOANH THU LỢI NHUẬN

Đơn vị: Tỷ đồng



Để xem chi tiết các chỉ tiêu về kết quả kinh doanh của Công ty trong năm 2020, vui lòng tìm đọc trong nội dung Kết quả hoạt động kinh doanh và Kết quả hoạt động kinh doanh theo bộ phận - Báo cáo thường niên năm 2020, trang 25.

Các chỉ số về tỷ suất lợi nhuận gia tăng qua các năm, thể hiện hiệu quả sử dụng vốn của Công ty, đáp ứng kỳ vọng của cổ đông. VietinBank Securities tự hào là một trong những công ty chứng khoán duy trì tỷ lệ cổ tức ổn định qua các năm, kể cả ở những thời điểm TTCK khó khăn nhất.

Cơ cấu tài sản của Công ty chủ yếu là tài sản ngắn hạn mang tính thanh khoản cao, do vậy mà các chỉ

số khả năng thanh toán luôn đạt hơn 2 lần qua các năm, đây cũng chính là đặc thù chung đối với các công ty chứng khoán để luôn đáp ứng đầy đủ các điều kiện về mặt thanh khoản theo quy định của Pháp luật chuyên ngành.

Với nguồn vốn dồi dào trong khi nợ ngắn hạn chủ yếu là các khoản phải trả cho hoạt động giao dịch chứng khoán, cơ cấu về nguồn vốn linh hoạt đó, giúp Công ty có thể chủ động trong việc đáp ứng nhu cầu vốn cho hoạt động giao dịch ký quỹ và đầu tư nhằm gia tăng hiệu quả sử dụng vốn khi thị trường thuận lợi.

Đảm bảo thu nhập cho người lao động

Công ty luôn đảm bảo lợi ích cho người lao động về lương, phụ cấp hoàn thành công việc và các khoản phúc lợi khác, tạo điều kiện cho người lao động yên tâm làm việc, gắn bó với Công ty góp phần thực hiện mục tiêu phát triển bền vững doanh nghiệp.

Để bảo đảm quyền lợi về lương, thưởng cho người

lao động, Công ty đã thành lập và duy trì hoạt động tích cực của Hội đồng lương Công ty, Hội đồng Thi đua - Khen thưởng.

Dịch Covid 19 đã tàn phá nền kinh tế của toàn thế giới, có thể nói năm 2020 là một năm đầy thách thức của nền kinh tế nói chung và các công ty chứng khoán nói riêng. Mặc dù vậy, kết quả kinh

doanh năm 2020 của Công ty đã tăng 7,78% so với năm 2019. Thu nhập bình quân năm 2020 VietinBank Securities tăng 16,8% so với năm 2019, đời sống cho người lao động được đảm bảo với mức thu nhập bình quân của các cán bộ nhân viên đạt 24,88 triệu đồng.

Hội đồng lương Công ty

Hội đồng lương Công ty được thành lập với mục đích:

- Áp dụng thống nhất hệ thống bậc lương theo vị trí công việc, cơ chế quản lý và chi trả tiền lương đối với các đơn vị, người lao động làm việc tại Công ty;

- Gắn việc chi trả tiền lương với chức năng, nhiệm vụ đảm nhiệm; năng lực cá nhân; kết quả và hiệu quả thực hiện công việc của đơn vị, cá nhân cũng như kết quả kinh doanh, chính sách và chiến lược kinh doanh của Công ty;

- Đảm bảo công bằng nội bộ và cạnh tranh với thị trường lao động nhằm tạo động lực nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả trong công việc; thu hút và giữ lao động thực sự có năng lực, trình độ và gắn bó lâu dài với Công ty;

- Xác định trách nhiệm, quyền hạn của đơn vị, cá nhân liên quan trong việc thực hiện quản lý và chi trả tiền lương. Công ty thực hiện chính sách trả lương theo nguyên tắc: tiền lương đảm bảo mức sống cơ bản của người lao động, gắn chặt với hiệu quả kinh doanh của từng bộ phận và hiệu quả làm việc của từng cá nhân, vừa tuân thủ theo đúng quy định nhà nước vừa nâng cao tính công bằng và cạnh tranh. Trong năm 2020, Công ty tiếp tục áp dụng chính sách lương theo KPIs (lương theo hiệu quả công việc), tạo động lực cho người lao động, đảm bảo công bằng nội bộ và tính cạnh tranh trên thị trường.

Hội đồng Thi đua – Khen thưởng

Hội đồng thi đua – Khen thưởng Công ty được thành lập với mục đích:

- Đảm bảo công tác thi đua khen thưởng trong Công ty được thực hiện đúng pháp luật của Nhà nước Việt Nam về thi đua khen thưởng.

- Tạo động lực mạnh mẽ, khuyến khích toàn thể cán bộ nhân viên trong Công ty tích cực thi đua, phấn đấu hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được giao.

Hội đồng Thi đua – Khen thưởng làm việc theo nguyên tắc:

- Công khai, chính xác, công bằng, kịp thời.

- Khen thưởng định kỳ hàng năm được thực hiện trên cơ sở so sánh, lựa chọn trong đơn vị; Bộ quy định về hoạt động thi đua khen thưởng của Công ty với đầy đủ các hạng mục và hướng dẫn về đánh giá khen thưởng được ban hành và áp dụng nghiêm túc. Nguyên tắc thi đua tại Công ty được xây dựng trên tinh thần tự nguyện, tự giác, công khai, đảm bảo tinh thần đoàn kết, hợp tác, cùng phát triển.

Hoạt động thi đua khen thưởng trở thành hoạt động quan trọng thúc đẩy tinh thần làm việc hiệu quả của cán bộ nhân viên Công ty.

Chăm lo đời sống người lao động

Các chương trình phúc lợi, đặc biệt về chăm sóc sức khỏe dành cho cán bộ nhân viên đã và đang được quan tâm đặc biệt nhằm mang lại cho cán bộ nhân viên Công ty những tiện ích tốt nhất trong việc chăm sóc và giữ gìn sức khỏe.

Ngoài việc tham gia bảo hiểm y tế theo quy định của Luật lao động, từ 07 năm trở lại đây, Công ty đã áp dụng chính sách bảo hiểm sức khỏe cao cấp dành cho cán bộ nhân viên và người thân. Hàng năm, Công ty có chương trình khám sức khỏe định kỳ được áp dụng cho tất cả cán bộ nhân viên tại các cơ sở khám chữa bệnh có uy tín nhằm đảm bảo tất cả thành viên Công ty đều được bảo vệ và chăm sóc sức khỏe tốt. Riêng đối với cán bộ, nhân viên nữ, Công ty thực hiện chương trình khám sức khỏe định kỳ 02 lần/năm.



Chế độ hiếu hỷ luôn được Công ty và Ban chấp hành Công đoàn quan tâm và thực hiện đầy đủ nhằm thường xuyên thăm hỏi, động viên và hỗ trợ kịp thời đối với tất cả cán bộ nhân viên. Bên cạnh đó, Công ty vẫn luôn duy trì các hoạt thể thao, tham quan, nghỉ mát... nhằm mục đích tạo động lực, nâng cao đời sống tinh thần và giúp cán bộ nhân viên gắn bó hơn với Công ty. Các chương trình hoạt động tập thể, xây dựng đội nhóm như: Chương trình hội nghị người lao động, Đối thoại định kỳ, Bếp ăn tập thể, Chúc mừng sinh nhật hàng tháng, Quốc tế phụ nữ, Quốc tế thiếu nhi, Trung thu,... luôn được Công ty chú trọng nhằm tăng cường tinh thần đoàn kết và hợp tác, tạo điều kiện giao lưu trao đổi giữa lãnh đạo và nhân viên, giữa các nhân viên với nhau để chia sẻ định hướng, quan điểm về việc xây dựng Công ty ngày càng vững mạnh, cùng nhau tạo dựng một môi trường làm việc tốt, qua đó thúc đẩy mỗi cá nhân phát huy cao nhất năng lực của mình, đóng góp cho sự phát triển chung của Công ty cũng như sự phát triển bản thân.

Chương trình sơ kết hoạt động 09 tháng đầu năm, kỷ niệm 20 năm thành lập Công ty là một trong các hoạt động văn hóa nổi bật của Công ty trong năm 2020, tại đây toàn thể cán bộ nhân viên đã cùng nhau nhìn lại một năm hoạt động và kinh doanh đầy sôi động và cùng nhau thể hiện tinh thần đoàn kết, sự gắn kết với Công ty trong các tiết mục văn nghệ sôi nổi.

Tạo môi trường thuận lợi, hỗ trợ phát triển sự nghiệp cho nhân viên

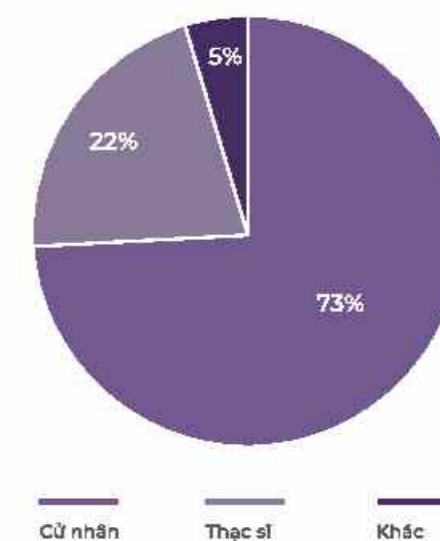
Công tác nhân sự, tuyển dụng

Xác định con người chính là tài sản quý giá nhất và là chìa khóa thành công của công ty, VietinBank Securities luôn chú trọng chính sách phát triển nguồn nhân lực, đặc biệt là những nhân sự có năng lực, trình độ.

Trong năm 2020 công ty tiếp nhận 05 cán bộ cao cấp do Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam giới thiệu về Công ty nắm giữ các vị trí Chủ tịch HĐQT, Quyền Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng. Đồng thời, Công ty đã tuyển dụng được 36 nhân sự mới là những cán bộ trẻ được đào tạo tại các trường đại học danh tiếng trong và ngoài nước. Cơ cấu nhân sự của công ty dần được trẻ hóa, các nhân sự trong công ty luôn được tạo cơ hội và điều kiện tốt nhất để phát huy được năng lực của mình.

Bên cạnh đó VietinBank Securities cũng thực hiện chính sách đãi ngộ, để bạt cán bộ một cách công bằng, đánh giá năng lực cán bộ lãnh đạo các cấp qua chỉ tiêu kinh doanh, có cơ chế thu hút nhân tài và cơ hội phấn đấu, thăng tiến bình đẳng. Việc sắp xếp lại lao động, điều chuyển và bố trí nhân sự phụ trách mảng công việc theo năng lực được thực hiện linh hoạt để cán bộ thường xuyên được trau dồi mở rộng nghiệp vụ, đồng thời tạo điều kiện để hỗ trợ lẫn nhau nhằm đảm bảo hoàn thành mục tiêu chung của công ty.

Cơ cấu nhân sự theo trình độ học vấn



Hoạt động đào tạo

Năm 2020, Công ty cũng thường xuyên tổ chức các khóa học nghiệp vụ về chứng khoán cho cán bộ nhân viên nhằm bồi dưỡng kiến thức nghiệp vụ cho các vị trí.

Bảng hoạt động đào tạo năm 2020

Nội dung	Số lượng
Số lượng khóa đào tạo	11
Số lượng lượt học viên tham gia trên tổng số lớp học	69
Tổng số chứng chỉ hành nghề	74

Hoạt động quản lý chất lượng dịch vụ, giám sát việc thực hiện quy chuẩn về đạo đức nghề nghiệp.

Năm 2020 VietinBank Securities đã bổ sung nhân sự và cơ cấu lại bộ phận Kiểm toán nội bộ và bộ phận Quản trị rủi ro để tăng cường hoạt động giám sát cho công ty. Hoạt động quản lý chất lượng sản phẩm dịch vụ cũng được chú trọng thực hiện nghiêm túc, bộ phận giám sát đã tiến hành việc kiểm tra và nhắc nhở thường xuyên

nhằm đảm bảo các hoạt động của công ty được thực hiện và tuân thủ theo đúng các quy định của nhà nước, pháp luật mang đến cho khách hàng những sản phẩm, dịch vụ chất lượng tốt nhất. 100% cán bộ, nhân viên hành nghề chứng khoán tại VietinBank Securities có chứng chỉ hành nghề do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp.

2. ĐÓNG GÓP BỀN VỮNG TRÊN THỊ TRƯỜNG

Phục vụ cho lợi ích cổ đông

Với chính sách cổ tức ổn định từ 6%/năm trở lên, VietinBank Securities đảm bảo các khoản cổ tức định kỳ và thu nhập ổn định cho cổ đông. Minh bạch hóa thông tin với nhà đầu tư được VietinBank Securities quan tâm thực hiện thông qua việc chú trọng Công tác quan hệ cổ đông (Investor Relation - IR), đảm bảo quyền lợi tiếp cận thông tin của cổ đông. Công tác IR tại VietinBank Securities được thực hiện chuyên trách bởi người được ủy quyền công bố thông tin trực tiếp phụ trách.

Đại hội đồng cổ đông thường niên và Báo cáo thường niên là hai hoạt động IR chính giúp nhà đầu tư và cổ đông nắm được đầy đủ thông tin về kết quả kinh doanh, chiến lược, tầm nhìn và các hoạt động của VietinBank Securities trong năm. VietinBank Securities cũng xây dựng và cập nhật hệ thống cơ sở dữ liệu của các cổ đông để gửi thông tin qua thư điện tử.



Bên cạnh đó Công ty cũng sẵn sàng đón nhận và giải đáp thỏa đáng những phản hồi của nhà đầu tư thông qua email, điện thoại cũng như gặp gỡ trực tiếp.

Không ngừng nâng cao chất lượng phục vụ khách hàng. Cung cấp sản phẩm dịch vụ khách hàng với sự thấu hiểu và tận tâm

Nhân sự của Công ty được đào tạo với việc đề cao tiêu chuẩn về đạo đức nghề nghiệp, đảm bảo luôn cung cấp đầy đủ và trung thực thông tin đến khách hàng và đảm bảo rằng các khoản đầu tư của mỗi khách hàng được tư vấn thực hiện một cách an toàn và hiệu quả nhất bởi đội ngũ chuyên gia có kinh nghiệm và trình độ cao. Bên cạnh các dịch vụ chứng khoán cơ bản cung cấp cho khách hàng, VietinBank Securities phát triển một hệ thống các tiện ích gia tăng nhằm hỗ trợ khách hàng về kiến thức và công cụ tham gia thị trường:

Báo cáo phân tích: Điểm mạnh trong các báo cáo phân tích của Công ty là các phân tích sâu, chi tiết, thông tin nhanh nhạy và các dự báo trên cơ sở nghiên cứu kỹ lưỡng tình hình kinh tế vĩ mô, ngành và từng doanh nghiệp, giúp nhà đầu tư ra quyết định kịp thời. Cụ thể các sản phẩm mà bộ phận nghiên cứu của Công ty cung cấp cho khách hàng gồm:

- Báo cáo chiến lược, bao gồm các thông tin - phân tích - nhận định - dự báo về kinh tế vĩ mô, thị trường chứng khoán và chiến lược đầu tư.

- Báo cáo vĩ mô, bao gồm các thông tin - phân tích - nhận định - dự báo về GDP, lạm phát, chỉ số công nghiệp, cân cân thương mại, cân cân thanh toán, chính sách tài khóa, chính sách tiền tệ và tỷ giá. Báo cáo vĩ mô được xuất bản thường xuyên, đặc biệt là vào những thời điểm có các tin tức quan trọng.

- Báo cáo ngành đưa ra báo cáo tổng quan về ngành cùng các nhận định, đánh giá về triển vọng cổ phiếu ngành.

- Bản tin ngày: đưa thông tin và bình luận về thị trường chứng khoán, kinh tế vĩ mô và doanh nghiệp hàng ngày.

Báo cáo khuyến nghị CTS Spotlight cung cấp thông tin đầy đủ và khuyến nghị đầu tư về các mã cổ phiếu tốt cho nhà đầu tư.

Các công cụ hỗ trợ giao dịch:

Để tối đa hóa hiệu quả dịch vụ, VietinBank Securities đã áp dụng nâng cấp các công nghệ hỗ trợ tiện ích cho khách hàng, bao gồm:

- Các giải pháp giao dịch trực tuyến cho phép nhà đầu tư ở bất cứ đâu đều có thể theo dõi được thông tin thị trường chứng khoán và giao dịch theo thời gian thực.

- SMS: Nhằm phục vụ cho việc theo dõi sự biến động trên tài khoản khách hàng, hệ thống tin nhắn SMS của VietinBank Securities tự động nhắn tin đến khách hàng khi có sự thay đổi về tiền, chứng khoán, cổ tức và thực hiện quyền trên tài khoản giao dịch chứng khoán của nhà đầu tư.

- Thư điện tử: VietinBank Securities định kỳ gửi bản tin và sao kê hàng tháng cho nhà đầu tư nhằm mang lại sự thuận lợi, nhanh chóng, an toàn trong việc cập nhật thông tin tài khoản giao dịch chứng khoán đến nhà đầu tư.

- Hoạt động chăm sóc khách hàng: Trong năm 2020, Công ty đã đẩy mạnh hoạt động chăm sóc khách hàng thông qua việc đưa ra các gói sản phẩm phù hợp với từng đối tượng khách hàng

- Năm 2018, Công ty đã chính thức đưa vào hoạt động hệ thống giao dịch chứng khoán UNICORE và đặc biệt là ứng dụng giao dịch chứng khoán qua thiết bị di động UniMobi đáp ứng nhu cầu theo dõi, giao dịch mọi lúc, mọi nơi của các nhà đầu tư.



CÁC SẢN PHẨM DỊCH VỤ TẠI VIETINBANK SECURITIES

DỊCH VỤ CHỨNG KHOÁN	TÀI CHÍNH DOANH NGHIỆP	CHỨNG KHOÁN PHÁI SINH	BÁO CÁO PHÂN TÍCH	BẢO LÃNH PHÁT HÀNH
▶ Mở tài khoản giao dịch	▶ Tư vấn cổ phần hóa doanh nghiệp	▶ Kiến thức cơ bản Chứng Khoán Phái Sinh	▶ Bản tin phân tích hàng ngày	
▶ Giao dịch chứng khoán niêm yết	▶ Tư vấn niêm yết chứng khoán	▶ Hướng dẫn giao dịch Chứng Khoán Phái Sinh	▶ Báo cáo phân tích cổ phiếu	
▶ Dịch vụ hỗ trợ giao dịch chứng khoán	▶ Tư vấn phát hành chứng khoán	▶ Hướng dẫn sử dụng lệnh điều kiện Chứng Khoán Phái Sinh	▶ Báo cáo phân tích ngành	
▶ Dịch vụ hỗ trợ tài chính	▶ Tư vấn M&A	▶ Thông số QLTK giao dịch Chứng Khoán Phái Sinh		
▶ Lưu ký chứng khoán	▶ Tư vấn tái cấu trúc tài chính			
▶ Dịch vụ quản lý số cổ đông				
▶ Dịch vụ Đại lý đăng ký chứng khoán và thanh toán				

Đóng góp phát triển thị trường

VietinBank Securities đã tích cực tham gia các hoạt động đóng góp cho thị trường như Diễn đàn thảo luận thường niên của UBCKNN, các Hội thảo, Hội nghị thành viên của HNX, HOSE...

Ngoài ra, Vietinbank Securities còn có các chuyên đề phân tích chuyên sâu, đánh giá các vấn đề mang tầm vĩ mô, “nóng hổi” của nền kinh tế ảnh hưởng đến thị trường chứng khoán thế giới và trong nước giúp các nhà đầu tư có cái nhìn sâu sắc, toàn diện, từ đó đưa ra các quyết định đầu tư an toàn, hiệu quả hơn.



3. ĐÓNG GÓP CHO SỰ PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG CỦA XÃ HỘI

Hoạt động tăng trưởng xanh

Tăng trưởng xanh được xác định là điểm nhấn quan trọng trong chính sách phát triển của nhiều quốc gia trên thế giới nhằm hướng tới sự phát triển bền vững. Tuy nhiên, tăng trưởng xanh không chỉ nằm ở một lĩnh vực và không phải chỉ trong ngắn hạn. Đó là một chương trình lâu dài, liên tục, cần có sự tham gia của nhiều đơn vị, nhiều lĩnh vực, ngành nghề khác nhau.

Giống như nhiều sản phẩm phục vụ con người khác được thiết kế và sản xuất theo hướng ngày càng thân thiện với môi trường, có giá trị sử dụng giúp con người sống an hòa với mẹ thiên nhiên, sản phẩm chứng khoán xanh cũng có những đặc tính tương tự.

Sự xuất hiện của những sản phẩm này trên thị trường vốn quốc tế, không chỉ làm thay đổi phương thức huy động và sử dụng vốn cho các công trình, dự án “xanh” như thủy lợi, trồng rừng, chống phát thải nhà kính..., mà còn đáp ứng nhu cầu đầu tư có trách nhiệm hơn với môi trường và sự sống của con người từ phía nhà đầu tư cá nhân cho đến các nhà đầu tư tổ chức.

Vì những giá trị thiết thực ấy, những sản phẩm chứng khoán xanh đầu tiên đã dần hình thành tại Việt Nam. Nếu như trước năm 2016, câu chuyện phát triển thị trường vốn xanh tại Việt Nam chỉ dừng lại ở mức độ ý tưởng của nhà quản lý, lẫn các tổ chức có ý định phát hành, thì đến nay đã có

những chứng khoán xanh đầu tiên được đưa ra thị trường, qua đó không chỉ mở ra triển vọng mới cho nhà phát hành trong huy động vốn để triển khai các dự án xanh, mà còn đáp ứng nhu cầu đầu tư. Đồng thời, đến năm 2018, Chính phủ cũng đã ban hành Nghị định số 163/2018/NĐ-CP quy định về phát hành trái phiếu doanh nghiệp trong đó đã đưa ra khung pháp lý về trái phiếu xanh.

Để khuyến khích sự phát triển của thị trường chứng khoán xanh và góp phần vào sự phát triển bền vững của xã hội, CTS đã và đang tìm kiếm cơ hội/Thực hiện đầu tư các loại cổ phiếu, trái phiếu xanh trên thị trường.

Danh mục các cổ phiếu xanh trong danh mục đầu tư của Công ty năm 2020:

• **Các cổ phiếu có hoạt động đầu tư vào mảng nông nghiệp:** Công ty Cổ phần Nông nghiệp quốc tế Hoàng Anh Gia Lai và Công ty Cổ phần Ô tô Trường Hải.

Yếu tố xanh: Cung cấp các sản phẩm hoa quả, dinh dưỡng tự nhiên, thân thiện với môi trường

Cổ phiếu có hoạt động đầu tư vào mảng nước sạch: Công ty Cổ phần Giải pháp Công nghệ Tái tạo

Yếu tố xanh: Cung cấp các sản phẩm nước sạch trong khu công nghiệp

Kế hoạch đầu tư cổ phiếu xanh năm 2021:

Công ty tiếp tục đầu tư lựa chọn doanh nghiệp cổ phiếu xanh do những doanh nghiệp này thường sẽ có quy trình sản xuất bài bản, đầu tư công nghệ tiên tiến và ít chịu rủi ro phải đền bù thiệt hại liên quan đến môi trường.

LIÊN HỆ MỌI THÔNG TIN

Mọi ý kiến đóng góp cho Báo cáo Phát triển Bền vững, vui lòng liên hệ:

Bộ phận Công bố thông tin - Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Công Thương Việt Nam

Địa chỉ: 306 Bà Triệu, Q.Hai Bà Trưng, Hà Nội
 Điện thoại: (84.24) 3974 1771
 Email: IR@cts.vn



PHẦN 6: BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Thông tin chung

Báo cáo của Công ty

Báo cáo kiểm toán độc lập

Báo cáo tình hình tài chính

Báo cáo kết quả hoạt động

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ

Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu

Thuyết minh báo cáo tài chính



THÔNG TIN CHUNG

■ CÔNG TY

Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Công thương Việt Nam ("Công ty") là công ty cổ phần do Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam cùng với các cổ đông khác thành lập tại Việt Nam theo Giấy phép hoạt động kinh doanh chứng khoán số 107/UBCK-CP ngày 01 tháng 07 năm 2009 với số vốn điều lệ là 789.934.000.000 đồng và Giấy phép điều chỉnh mới nhất số 25/GPĐC-UBCK ngày 25 tháng 05 năm 2020 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp. Vốn điều lệ của Công ty được chấp thuận tăng lên 1.064.365.760.000 đồng ngày 15 tháng 10 năm 2018 theo Giấy phép điều chỉnh số 82/GPĐC-UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp.

Ngày 31 tháng 07 năm 2009, cổ phiếu của Công ty đã được chính thức giao dịch trên Trung tâm Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (nay là Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội). Theo Quyết định số 431/QĐ-SGDHN ngày 12 tháng 06 năm 2017, cổ phiếu của Công ty hủy niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội từ ngày 15 tháng 06 năm 2017. Ngày 20 tháng 06 năm 2017, cổ phiếu của Công ty đã được chuyển sang giao dịch trên Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (theo Quyết định số 196/QĐ-SGD ngày 13 tháng 06 năm 2017).

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, tổng vốn điều lệ của Công ty là 1.064.365.760.000 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 là 1.064.365.760.000 đồng).

Công ty có trụ sở chính tại số 306 Bà Triệu, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, Công ty có một (01) trụ sở chính và hai (02) chi nhánh tại thành phố Hồ Chí Minh và Đà Nẵng.

Các hoạt động chính của Công ty bao gồm:

- ▶ Môi giới chứng khoán,
- ▶ Tư vấn Tài chính và Đầu tư chứng khoán,
- ▶ Tự doanh chứng khoán,
- ▶ Bảo lãnh phát hành chứng khoán,
- ▶ Lưu ký chứng khoán,
- ▶ Các nghiệp vụ khác phù hợp với quy định của pháp luật đối với công ty chứng khoán.

■ HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị của Công ty trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Họ tên	Chức vụ
Bà Hồ Thị Thu Hiền	Chủ tịch (Bổ nhiệm ngày 27 tháng 04 năm 2020)
Ông Hạ Quang Vũ	Chủ tịch (Miễn nhiệm ngày 27 tháng 04 năm 2020)
Ông Trần Phúc Vinh	Thành viên (Bổ nhiệm ngày 27 tháng 04 năm 2020)
Bà Hà Thu Phương	Thành viên (Bổ nhiệm ngày 27 tháng 04 năm 2020)
Ông Đặng Anh Hòa	Thành viên (Bổ nhiệm ngày 27 tháng 04 năm 2020)
Bà Nguyễn Thị Thủy Hằng	Thành viên độc lập (Bổ nhiệm ngày 27 tháng 04 năm 2020)
Ông Khổng Phan Đức	Thành viên (Miễn nhiệm ngày 27 tháng 04 năm 2020)
Ông Nguyễn Minh Giang	Thành viên (Miễn nhiệm ngày 27 tháng 04 năm 2020)
Bà Trần Thị Thu Hương	Thành viên (Miễn nhiệm ngày 27 tháng 04 năm 2020)

■ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên Ban Kiểm soát của Công ty trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Họ tên	Chức vụ
Bà Phan Thị Thu Hằng	Trưởng Ban
Ông Nguyễn Thế Hưng	Thành viên
Bà Lâm Thị Thu Hương	Thành viên

■ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ KẾ TOÁN TRƯỞNG

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc và Kế toán Trưởng của Công ty trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Họ tên	Chức vụ
Ông Trần Phúc Vinh	Quyền Tổng Giám đốc (Bổ nhiệm ngày 15 tháng 04 năm 2020)
Ông Khổng Phan Đức	Tổng Giám đốc (Miễn nhiệm ngày 15 tháng 04 năm 2020)
Ông Đặng Anh Hòa	Phó Tổng Giám đốc (Bổ nhiệm ngày 15 tháng 04 năm 2020)
Bà Phan Hải Sâm	Phó Tổng Giám đốc
Ông Thái Hoàng Long	Phó Tổng Giám đốc
Ông Chu Mạnh Hiến	Phó Tổng Giám đốc (Miễn nhiệm ngày 15 tháng 04 năm 2020)
Ông Phạm Ngọc Hiệp	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Tuấn Anh	Phó Tổng Giám đốc (Bổ nhiệm ngày 01 tháng 08 năm 2020)
Bà Nguyễn Thị Anh Thư	Kế toán Trưởng (Bổ nhiệm ngày 22 tháng 09 năm 2020)
Bà Nguyễn Thị Tú Anh	Kế toán Trưởng (Miễn nhiệm ngày 20 tháng 08 năm 2020)
Bà Đào Thị Yến	Phụ trách phòng Kế toán tài chính (từ ngày 01 tháng 07 năm 2020 đến ngày 22 tháng 09 năm 2020)

■ NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Từ ngày 25 tháng 05 năm 2020 đến ngày lập báo cáo tài chính này, bà Hồ Thị Thu Hiền, chức danh Chủ tịch Hội đồng Quản trị là người đại diện theo pháp luật của Công ty (căn cứ theo giấy phép điều chỉnh số 25/GPĐC-UBCK ngày 25 tháng 05 năm 2020 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp) thay cho ông Khổng Phan Đức.

■ KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.



BÁO CÁO CỦA CÔNG TY

Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Công thương Việt Nam ("Công ty") phê duyệt báo cáo này và báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020.

■ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính cho từng năm tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động, tình hình lưu chuyển tiền tệ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu của Công ty trong năm. Trong quá trình lập báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc cần phải:

- ▶ Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ Thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính; và
- ▶ Lập báo cáo tài chính trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo việc các số sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các số sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Tổng Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính kèm theo.

■ PHÊ DUYỆT BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Chúng tôi phê duyệt báo cáo tài chính kèm theo. Báo cáo này phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, kết quả hoạt động, tình hình lưu chuyển tiền tệ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, các quy định và hướng dẫn kế toán áp dụng cho các công ty chứng khoán và các quy định pháp lý khác có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Ông Trần Phúc Vinh
Quyển Tổng Giám đốc

Bà Hồ Thị Thu Hiền
Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Hà Nội, Việt Nam
Ngày 23 tháng 03 năm 2021
Số tham chiếu: 61599120/22101403



BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: **Các cổ đông Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Công thương Việt Nam**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Công thương Việt Nam ("Công ty"), được lập ngày 23 tháng 03 năm 2021 và được trình bày từ trang 6 đến trang 60, bao gồm báo cáo tình hình tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, báo cáo kết quả hoạt động, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính kèm theo.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, các quy định và hướng dẫn kế toán áp dụng cho các công ty chứng khoán và các quy định pháp lý khác có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, kết quả hoạt động, tình hình lưu chuyển tiền tệ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, các quy định và hướng dẫn kế toán áp dụng cho các công ty chứng khoán và các quy định pháp lý khác có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 đã được một doanh nghiệp kiểm toán khác kiểm toán và đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần đối với báo cáo tài chính đó vào ngày 28 tháng 02 năm 2020.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam

Đặng Phương Hà
Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: **2400-2018-004-1**

Hoàng Thị Hồng Minh
Kiểm toán viên
Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: **0761-2018-004-1**

Hà Nội, Việt Nam
Ngày 23 tháng 03 năm 2021

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

B01-CTCK

Mã số	Chỉ tiêu	Thuyết minh	Số cuối năm VNĐ	Số đầu năm VNĐ
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		4.190.363.065.641	2.613.613.212.956
110	I. Tài sản tài chính		3.601.647.476.384	2.193.705.255.849
111	1. Tiền và các khoản tương đương tiền	5	21.929.566.336	17.224.975.268
111.1	1.1 Tiền		21.929.566.336	17.224.975.268
112	2. Các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ ("FVTPL")	7.1	1.486.998.817.719	1.495.064.549.120
113	3. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ("HTM")	7.2	761.000.000.000	-
114	4. Các khoản cho vay	7.3	922.989.735.587	657.700.873.897
115	5. Các tài sản tài chính sẵn sàng để bán ("AFS")	7.4	280.363.606.514	-
116	6. Dự phòng suy giảm giá trị các tài sản tài chính và tài sản thế chấp	7.5	(4.810.368.138)	(4.810.368.138)
117	7. Các khoản phải thu		130.844.612.778	23.319.570.788
117.1	7.1 Phải thu bán các tài sản tài chính	8.1	82.302.909.500	-
117.2	7.2 Phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các tài sản tài chính	8.2	48.541.703.278	23.319.570.788
117.4	7.2.1 Dự thu cổ tức, tiền lãi chưa đến ngày nhận		48.541.703.278	23.319.570.788
118	8. Trả trước cho người bán	12	1.328.540.000	240.890.000
119	9. Phải thu các dịch vụ công ty chứng khoán cung cấp	8.3	3.869.427.363	1.998.622.061
122	10. Các khoản phải thu khác	8.4	220.456.483	3.018.401.785
129	11. Dự phòng suy giảm giá trị các khoản phải thu	9	(3.086.918.258)	(52.258.932)
130	II. Tài sản ngắn hạn khác		588.715.589.257	419.907.957.107
132	1. Vật tư văn phòng, công cụ, dụng cụ	12	22.482.000	58.282.000
133	2. Chi phí trả trước ngắn hạn	12	2.635.920.398	1.671.037.790
134	3. Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược ngắn hạn	12	48.194.522	36.704.575
135	4. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ		-	35.788.296
138	5. Giao dịch mua bán lại Trái phiếu Chính phủ	21.1	586.008.992.337	418.106.144.446
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		83.343.345.969	186.239.696.886
220	I. Tài sản cố định		52.855.312.447	64.045.821.229
221	1. Tài sản cố định hữu hình	10	12.171.903.097	18.579.473.538
222	1.1 Nguyên giá		53.885.304.279	54.241.847.070
223a	1.2 Giá trị khấu hao lũy kế		(41.713.401.182)	(35.662.373.532)
227	2. Tài sản cố định vô hình	11	40.683.409.350	45.466.347.691
228	2.1 Nguyên giá		72.785.467.896	72.726.667.896
229a	2.2 Giá trị hao mòn lũy kế		(32.102.058.546)	(27.260.320.205)
240	II. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		-	58.800.000

250	III. Tài sản dài hạn khác		30.488.033.522	122.135.075.657
251	1. Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược dài hạn	12	220.265.000	203.928.000
252	2. Chi phí trả trước dài hạn	12	227.875.408	394.111.069
253	3. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại		-	91.518.860.870
254	4. Tiền nộp Quỹ Hỗ trợ thanh toán	13.1	20.000.000.000	20.000.000.000
255	5. Tài sản dài hạn khác	13.2	10.039.893.114	10.018.175.718
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		4.273.706.411.610	2.799.852.909.842
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		2.836.266.612.921	1.486.810.524.826
310	I. Nợ phải trả ngắn hạn		2.793.059.884.573	1.363.409.442.007
311	1. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	14	2.166.722.913.838	790.000.000.000
312	1.1 Vay ngắn hạn		2.166.722.913.838	790.000.000.000
316	2. Trái phiếu phát hành ngắn hạn	15	-	100.000.000.000
318	3. Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	16	2.863.560.862	16.148.041.768
320	4. Phải trả người bán ngắn hạn	17	438.621.449	572.438.366
321	5. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	18	1.632.911.520	1.549.661.520
322	6. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	19	8.877.065.084	3.253.170.018
323	7. Phải trả người lao động		13.596.915.264	15.087.508.087
325	8. Chi phí phải trả ngắn hạn	20	4.301.729.901	5.415.089.464
327	9. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn		5.166.187.853	1.004.659.536
329	10. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác		2.470.325.599	1.542.768.607
331	11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		821.532.689	4.410.923.689
332	12. Giao dịch mua bán lại Trái phiếu Chính phủ	21.2	586.168.120.514	424.425.180.952
340	II. Nợ phải trả dài hạn		43.206.728.348	123.401.082.819
351	1. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn		5.364.735.199	6.335.392.173
356	2. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	33.2	37.841.993.149	117.065.690.646
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		1.437.439.798.689	1.313.042.385.016
410	I. Vốn chủ sở hữu	22	1.437.439.798.689	1.313.042.385.016
411	1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		1.070.285.524.053	1.070.273.530.630
411.1	1.1 Vốn góp của chủ sở hữu		1.064.365.760.000	1.064.365.760.000
411.1a	1.1.1 Cổ phiếu phổ thông		1.064.365.760.000	1.064.365.760.000
411.2	1.2 Thặng dư vốn cổ phần		6.178.512.734	6.163.512.734
411.5	1.3 Cổ phiếu quỹ		(258.748.681)	(255.742.104)
414	2. Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ		38.928.580.372	36.613.580.756
415	3. Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ		38.928.580.372	36.613.580.756
417	4. Lợi nhuận chưa phân phối	22.2	289.297.113.892	169.541.692.874
417.1	4.1 Lợi nhuận đã thực hiện		157.231.792.497	86.657.024.972
417.2	4.2 Lợi nhuận chưa thực hiện		132.065.321.395	82.884.667.902
440	TỔNG CỘNG NỢ PHẢI TRẢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU		4.273.706.411.610	2.799.852.909.842

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

B01-CTCK

Mã số	Chỉ tiêu	Thuyết minh	Số cuối năm VNĐ	Số đầu năm VNĐ
A. TÀI SẢN CỦA CÔNG TY CHỨNG KHOÁN ("CTCK") VÀ TÀI SẢN QUẢN LÝ THEO CAM KẾT				
006	Cổ phiếu đang lưu hành	22.3	1.063.996.140.000	1.063.998.760.000
007	Cổ phiếu quỹ	22.3	369.620.000	367.000.000
008	Tài sản tài chính niêm yết/đăng ký giao dịch tại Trung tâm Lưu ký Chứng khoán ("VSD") của CTCK	23.1	523.055.330.000	564.868.730.000
009	Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch của CTCK	23.2	77.915.000.000	77.915.000.000
010	Tài sản tài chính chờ về của CTCK		-	470.000
012	Tài sản tài chính chưa lưu ký tại VSD của CTCK	23.3	1.169.962.640.000	679.462.650.000
013	Tài sản tài chính được hưởng quyền của CTCK		60.000	10.000
B. TÀI SẢN VÀ CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ VỀ TÀI SẢN QUẢN LÝ CAM KẾT VỚI KHÁCH HÀNG				
021	Tài sản tài chính niêm yết/đăng ký giao dịch tại VSD của Nhà đầu tư	23.4	17.312.013.267.000	17.964.835.027.000
021.1	Tài sản tài chính giao dịch tự do chuyển nhượng		13.018.992.341.000	13.043.528.781.000
021.2	Tài sản tài chính hạn chế chuyển nhượng		1.051.069.840.000	1.086.453.950.000
021.3	Tài sản tài chính giao dịch cầm cố		931.268.200.000	914.821.600.000
021.4	Tài sản tài chính phong tỏa, tạm giữ		2.166.765.730.000	2.882.084.980.000
021.5	Tài sản tài chính chờ thanh toán		143.917.156.000	37.945.716.000
022.1	Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch, tự do chuyển nhượng	23.5	205.452.150.000	473.546.660.000
023	Tài sản tài chính chờ về của Nhà đầu tư	23.6	159.966.808.000	34.830.450.000
024.b	Tài sản tài chính chưa lưu ký tại VSD của Nhà đầu tư		547.150.000	1.124.320.000
025	Tài sản tài chính được hưởng quyền của Nhà đầu tư		31.567.100.000	5.549.770.000
026	Tiền gửi của khách hàng		620.346.752.576	196.281.494.425
027a	Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	23.7	379.910.903.376	155.405.690.031
028	Tiền gửi tổng hợp giao dịch chứng khoán cho khách hàng	23.7	204.911.353.489	35.856.544.461
029	Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán	23.7	31.225.344.011	1.881.228.539
029.1	Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán của Nhà đầu tư trong nước		31.109.967.574	1.692.238.756
029.2	Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán của Nhà đầu tư nước ngoài		115.376.437	188.989.783

030	Tiền gửi của Tổ chức phát hành chứng khoán	23.8	4.299.151.700	3.138.031.394
031	Phải trả Nhà đầu tư về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	23.9	616.047.600.876	193.143.463.031
031.1	Phải trả Nhà đầu tư trong nước về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý		614.899.880.678	191.590.364.748
031.2	Phải trả Nhà đầu tư nước ngoài về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý		586.917.671	775.364.749
031.3	Phải trả Nhà đầu tư về tiền gửi ký quỹ giao dịch chứng khoán phái sinh		560.802.527	777.733.534
035	Phải trả có tức, gốc và lãi trái phiếu	23.9	4.299.151.700	3.138.031.394

Người lập:

Bà Đào Thị Yến
Kế toán

Người kiểm soát:

Bà Nguyễn Thị Anh Thư
Kế toán Trưởng

Người phê duyệt:

Bà Hồ Thị Thu Hiền
Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Hà Nội, Việt Nam
Ngày 23 tháng 03 năm 2021

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

B02-CTCK

Mã số	Chỉ tiêu	Thuyết minh	Số cuối năm VNĐ	Số đầu năm VNĐ
I. DOANH THU HOẠT ĐỘNG				
01	1. Lãi từ các tài sản tài chính FVTPL		399.720.625.735	322.414.335.152
01.1	1.1 Lãi bán các tài sản tài chính FVTPL	24.1	41.434.658.014	23.475.051.255
01.2	1.2 Chênh lệch tăng về đánh giá lại các tài sản tài chính FVTPL	24.2	301.560.482.965	244.709.837.293
01.3	1.3 Cổ tức, tiền lãi phát sinh từ tài sản tài chính FVTPL	24.3	56.725.484.756	54.229.446.604
02	2. Lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ("HTM")	24.5	14.450.013.693	-
03	3. Lãi từ các khoản cho vay và phải thu	24.4	77.385.943.795	75.366.924.686
04	4. Lãi từ tài sản tài chính sẵn sàng để bán ("AFS")	24.5	13.304.383.562	15.411.904.213
06	5. Doanh thu nghiệp vụ môi giới chứng khoán	25	49.182.648.099	39.119.996.043
07	6. Doanh thu nghiệp vụ bảo lãnh, đại lý phát hành chứng khoán		22.470.000.000	9.380.000.000
09	7. Doanh thu nghiệp vụ lưu ký chứng khoán		27.921.526.759	34.512.480.796
10	8. Doanh thu hoạt động tư vấn tài chính	26	3.623.592.656	8.557.636.364
11	9. Thu nhập hoạt động khác	27	927.954.723	214.661.886
20	Cộng doanh thu hoạt động		608.986.689.022	504.977.939.140
II. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG				
21	1. Lỗ từ các tài sản tài chính FVTPL		249.972.648.734	188.679.623.582
21.1	1.1 Lỗ bán các tài sản tài chính FVTPL	24.1	8.312.543.073	16.331.420.690
21.2	1.2 Chênh lệch giảm về đánh giá lại các tài sản tài chính FVTPL	24.2	240.084.666.099	158.813.890.703
21.3	1.3 Chi phí giao dịch mua các tài sản tài chính FVTPL	24.6	1.575.439.562	13.534.312.189
24	2. Chi phí dự phòng tài sản tài chính, xử lý tổn thất các khoản phải thu khó đòi, lỗ suy giảm tài sản tài chính và chi phí đi vay của các khoản cho vay		2.700.000.000	-
26	3. Chi phí hoạt động tự doanh		5.434.932.796	4.584.289.345
27	4. Chi phí nghiệp vụ môi giới chứng khoán	28	45.885.853.847	35.673.223.805
28	5. Chi phí nghiệp vụ bảo lãnh, đại lý phát hành chứng khoán		570.000.000	-
30	6. Chi phí nghiệp vụ lưu ký chứng khoán		14.337.602.392	24.230.236.605
31	7. Chi phí hoạt động tư vấn tài chính		9.265.708.805	8.268.726.878
32	8. Chi phí hoạt động khác	29	334.659.326	959.691.665
40	Cộng chi phí hoạt động		328.501.405.900	262.395.791.880
III. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
42	1. Doanh thu, dự thu cổ tức, lãi tiền gửi ngân hàng không cố định	30	1.510.548.019	1.317.565.287
50	Cộng doanh thu hoạt động tài chính		1.510.548.019	1.317.565.287

IV. CHI PHÍ TÀI CHÍNH				
52	1. Chi phí lãi vay	31	68.391.008.737	55.907.235.269
55	2. Chi phí tài chính khác	31	8.592.274.901	1.076.451.610
60	Cộng chi phí tài chính		76.983.283.638	56.983.686.879
62	V. CHI PHÍ QUẢN LÝ CÔNG TY CHỨNG KHOÁN	32	56.062.515.618	47.703.782.260
70	VI. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG		148.950.031.885	139.212.243.408
VII. THU NHẬP VÀ CHI PHÍ KHÁC				
71	1. Thu nhập khác		1.563.141.918	433.978.283
72	2. Chi phí khác		-	4.385.082
80	Cộng kết quả hoạt động khác		1.563.141.918	429.593.201
90	VIII. TỔNG LỢI NHUẬN KẾ TOÁN TRƯỚC THUẾ		150.513.173.803	139.641.836.609
91	1. Lợi nhuận đã thực hiện		89.037.356.937	53.745.890.019
92	2. Lợi nhuận chưa thực hiện		61.475.816.866	85.895.946.590
100	IX. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP ("TNDN")		22.325.783.109	24.836.680.528
100.1	1. Chi phí thuế TNDN hiện hành	33.1	10.030.619.736	7.657.491.210
100.2	2. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	33.2	12.295.163.373	17.179.189.318
200	X. LỢI NHUẬN KẾ TOÁN SAU THUẾ TNDN		128.187.390.694	114.805.156.081
300	XI. THU NHẬP TOÀN DIỆN KHÁC SAU THUẾ TNDN			
301	1. Lãi từ đánh giá lại tài sản tài chính AFS		-	-
400	Tổng thu nhập toàn diện		-	-
501	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	34	1.205	1.043

Người lập:

Bà Đào Thị Yến
Kế toán

Người kiểm soát:

Bà Nguyễn Thị Anh Thư
Kế toán Trưởng

Người phê duyệt:

Bà Hồ Thị Thu Hiền
Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Hà Nội, Việt Nam
Ngày 23 tháng 03 năm 2021

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

B03-CTCK

Mã số	Chỉ tiêu	Thuyết minh	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
01	1. Lợi nhuận trước thuế TNDN		150.513.173.803	139.641.836.609
02	2. Điều chỉnh cho các khoản		(9.255.906.989)	44.359.840.718
03	Khấu hao tài sản cố định		11.249.308.782	11.974.403.709
04	Các khoản dự phòng		3.034.659.326	52.258.932
06	Chi phí lãi vay		76.837.007.976	56.983.686.879
07	Lãi từ hoạt động đầu tư		(1.365.281.448)	(1.330.938.014)
08	Dự thu tiền lãi		(99.011.601.625)	(23.319.570.788)
10	3. Tăng các chi phí phi tiền tệ		240.084.666.099	158.813.890.703
11	Lỗ đánh giá lại giá trị các tài sản tài chính FVTPL	24.2	240.084.666.099	158.813.890.703
18	4. Giảm các doanh thu phi tiền tệ		(301.560.482.965)	(244.709.837.293)
19	Lãi đánh giá lại giá trị các tài sản tài chính FVTPL	24.2	(301.560.482.965)	(244.709.837.293)
30	5. Lỗ từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		(1.347.148.414.922)	(133.694.404.416)
31	Giảm/(Tăng) tài sản tài chính FVTPL		69.541.548.267	(445.321.630.082)
32	Tăng các khoản đầu tư HTM		(761.000.000.000)	-
33	(Tăng)/Giảm các khoản cho vay		(265.288.861.690)	57.245.625.896
34	(Tăng)/Giảm tài sản tài chính AFS		(280.363.606.514)	330.000.000.000
35	Tăng phải thu từ bán tài sản tài chính		(82.302.909.500)	-
36	Giảm phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các tài sản tài chính		73.789.469.135	16.396.804.588
37	(Tăng)/Giảm các khoản phải thu các dịch vụ công ty chứng khoán cung cấp		(1.870.805.302)	1.668.416.981
39	Giảm/(Tăng) các khoản phải thu khác		2.797.945.302	(3.022.858.104)
40	Giảm các tài sản khác		35.800.000	35.904.000
41	Tăng chi phí phải trả (không bao gồm chi phí lãi vay)		36.984.036	208.764.742
42	(Tăng)/Giảm chi phí trả trước		(798.646.947)	1.859.073.811
43	Thuế TNDN đã nộp	19	(1.632.942.219)	(5.226.896.723)
44	Lãi vay đã trả		(78.133.627.237)	(64.373.541.517)
45	Giảm phải trả cho người bán		(26.145.464.869)	(3.559.148.165)
47	Tăng/(Giảm) thuế và các khoản phải nộp Nhà nước (Không bao gồm thuế TNDN đã nộp)		7.262.005.845	(1.010.191.586)
48	Giảm phải trả người lao động		(1.490.592.823)	(249.405.684)
50	Tăng/(Giảm) phải trả, phải nộp khác		15.421.224.937	(732.420.976)
51	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		21.000.000	285.594.047
52	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(7.026.935.343)	(17.898.495.644)
60	Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động kinh doanh		(1.267.366.964.974)	(35.588.673.679)

II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ

61	1. Tiền mua sắm, xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư và các tài sản khác	-	(58.800.000)
62	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định, bất động sản đầu tư và các tài sản khác	1.009.091	13.372.727
65	3. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia từ các khoản đầu tư tài chính dài hạn	1.510.548.019	1.317.565.287
70	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	1.511.557.110	1.272.138.014

III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

72	1. Tiền chi trả vốn góp cho chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu phát hành	(3.006.577)	-
73	2. Tiền vay gốc	11.089.215.714.215	9.201.657.492.189
74	3. Tiền chi trả nợ gốc vay	(9.818.652.708.706)	(9.125.966.490.696)
76	4. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	-	(106.399.631.000)
80	Lưu chuyển tiền thuần từ/(sử dụng vào) hoạt động tài chính	1.270.559.998.932	(30.708.629.507)
90	LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TRONG NĂM	4.704.591.068	(65.025.165.172)
101	TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN ĐẦU NĂM	17.224.975.268	82.250.140.440
101.1	Tiền	17.224.975.268	72.250.140.440
101.2	Các khoản tương đương tiền	-	10.000.000.000
103	TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN CUỐI NĂM	5	21.929.566.336
103.1	Tiền	21.929.566.336	17.224.975.268
103.2	Các khoản tương đương tiền	-	-

PHẦN LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HOẠT ĐỘNG MÔI GIỚI, ỦY THÁC CỦA KHÁCH HÀNG

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

B03-CTCK

Mã số	Chỉ tiêu	Thuyết minh	Số cuối năm VNĐ	Số đầu năm VNĐ
I. Lưu chuyển tiền hoạt động môi giới, ủy thác của khách hàng				
01	1. Tiền thu bán chứng khoán môi giới cho khách hàng		35.606.323.715.949	31.364.751.564.166
02	2. Tiền chi mua chứng khoán môi giới cho khách hàng	(35.844.847.498.966)	(38.931.020.622.758)	
07	3. Nhận tiền gửi để thanh toán giao dịch chứng khoán của khách hàng	670.221.452.126	7.491.581.651.123	
11	4. Chi trả phí lưu ký chứng khoán của khách hàng	(8.793.531.264)	(7.693.124.906)	
14	5. Tiền thu của Tổ chức phát hành chứng khoán	11.798.208.930.169	3.000.767.275.475	
15	6. Tiền chi trả Tổ chức phát hành chứng khoán	(11.797.047.809.863)	(3.001.079.088.464)	
20	Tăng/(Giảm) tiền thuần trong năm		424.065.258.151	(82.692.345.364)
30	II. Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm của khách hàng			
31	1. Tiền gửi ngân hàng đầu năm		196.281.494.425	278.973.839.789
32	Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	155.405.690.031	228.834.561.933	
33	Tiền gửi tổng hợp giao dịch chứng khoán cho khách hàng	35.856.544.461	45.111.837.546	
34	Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán	1.881.228.539	1.577.595.927	
35	Tiền gửi của Tổ chức phát hành	3.138.031.394	3.449.844.383	
40	III. Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm của khách hàng			
41	Tiền gửi ngân hàng cuối năm	620.346.752.576	196.281.494.425	
42	Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	379.910.903.376	155.405.690.031	
43	Tiền gửi tổng hợp giao dịch chứng khoán cho khách hàng	204.911.353.489	35.856.544.461	
44	Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán	31.225.344.011	1.881.228.539	
45	Tiền gửi của Tổ chức phát hành	4.299.151.700	3.138.031.394	

Người lập:

Người kiểm soát:

Người phê duyệt:

Bà Đào Thị Yến
Kế toán

Bà Nguyễn Thị Anh Thư
Kế toán Trưởng

Bà Hồ Thị Thu Hiền
Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Hà Nội, Việt Nam, Ngày 23 tháng 03 năm 2021

BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU

cho năm tài chính ngày 31 tháng 12 năm 2020

CHỈ TIÊU	Số đầu năm		Số tăng/giảm trong năm		Số cuối năm	
			Năm trước		Năm nay	
	01/01/2019 VNĐ	01/01/2020 VNĐ	Tăng VNĐ	Giảm VNĐ	Tăng VNĐ	Giảm VNĐ
I. BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU						
1. Vốn góp của chủ sở hữu	1.064.365.760.000	1.064.365.760.000	-	-	-	-
1.1 Cổ phiếu phổ thông	1.064.365.760.000	1.064.365.760.000	-	-	-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	6.178.512.734	6.163.512.734	-	(15.000.000)	15.000.000	-
3. Cổ phiếu quỹ	(255.742.104)	(255.742.104)	-	-	-	(3.006.577)
4. Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	30.717.102.025	36.613.580.756	5.896.478.731	-	2.314.999.616	-
5. Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ	30.717.102.025	36.613.580.756	5.896.478.731	-	2.314.999.616	-
6. Lợi nhuận chưa phân phối	183.355.881.507	169.541.692.874	114.805.156.081	(128.619.344.714)	128.187.390.694	(8.431.969.676)
6.1 Lợi nhuận đã thực hiện	169.187.970.877	86.657.024.972	46.088.398.809	(128.619.344.714)	79.006.757.201	(8.431.969.676)
6.2 Lợi nhuận chưa thực hiện	14.167.910.630	82.884.667.902	68.716.757.272	-	49.180.633.493	-
TỔNG CỘNG	1.315.078.616.187	1.313.042.385.016	126.598.113.543	(128.634.344.714)	132.832.389.926	(8.434.976.253)

Người lập:

Người kiểm soát:

Người phê duyệt:

Bà Đào Thị Yến
Kế toán

Bà Nguyễn Thị Anh Thư
Kế toán Trưởng

Bà Hồ Thị Thu Hiền
Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Hà Nội, Việt Nam Ngày 23 tháng 03 năm 2021

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

1. THÔNG TIN DOANH NGHIỆP

Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Công thương Việt Nam ("Công ty") là công ty cổ phần do Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam cùng với các cổ đông khác thành lập tại Việt Nam theo Giấy phép hoạt động kinh doanh chứng khoán số 107/UBCK-GP ngày 01 tháng 07 năm 2009 với số vốn điều lệ ban đầu là 789.934.000.000 đồng và Giấy phép điều chỉnh mới nhất số 25/GPĐC-UBCK ngày 25 tháng 05 năm 2020 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp. Vốn điều lệ của Công ty được chấp thuận tăng lên 1.064.365.760.000 đồng ngày 15 tháng 10 năm 2018 theo Giấy phép điều chỉnh số 82/GPĐC-UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp.



Ngày 31 tháng 07 năm 2009, cổ phiếu của Công ty đã được chính thức giao dịch trên Trung tâm Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (nay là Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội). Theo Quyết định số 431/QĐ-SGDHN ngày 12 tháng 06 năm 2017, cổ phiếu của Công ty hủy niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội từ ngày 15 tháng 06 năm 2017. Ngày 20 tháng 06 năm 2017, cổ phiếu của Công ty đã được chuyển sang giao dịch trên Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (theo Quyết định số 196/QĐ-SGD ngày 13 tháng 06 năm 2017)

Công ty có trụ sở chính tại số 306 Bà Triệu, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, Công ty có một (01) trụ sở chính và hai (02) chi nhánh tại thành phố Hồ Chí Minh và Đà Nẵng.

Số lượng nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 là: 168 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2019: 151 người).

Những đặc điểm chính về hoạt động của Công ty

Quy mô vốn

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, tổng vốn điều lệ của Công ty là 1.064.365.760.000 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 là 1.064.365.760.000 đồng).

Mục tiêu đầu tư

Là công ty chứng khoán niêm yết trên thị trường chứng khoán Việt Nam với hoạt động chính bao gồm môi giới chứng khoán; tư vấn tài chính, tư vấn đầu tư chứng khoán; tư doanh chứng khoán; bảo lãnh phát hành chứng khoán; lưu ký chứng khoán và thực hiện các nghiệp vụ khác phù hợp với quy định của pháp luật đối với công ty chứng khoán. Công ty hoạt động với mục tiêu là đóng góp vào sự phát triển của thị trường chứng khoán Việt Nam, đem lại những lợi ích cho khách hàng, các nhà đầu tư và cổ đông của Công ty.

Hạn chế đầu tư

Công ty tuân thủ quy định tại Điều 44, Thông tư số 210/2012/TT-BTC ngày 30 tháng 11 năm 2012 hướng dẫn về thành lập và hoạt động công ty chứng khoán, Thông tư số 07/2016/TT-BTC ngày 18 tháng 01 năm 2016 sửa đổi bổ sung một số điều của Thông tư số 210/2012/TT-BTC và các quy định hiện hành về hạn chế đầu tư. Một số khoản mục hạn chế đầu tư theo các quy định hiện hành như sau:

Công ty tuân thủ quy định tại Điều 44, Thông tư số 210/2012/TT-BTC ngày 30 tháng 11 năm 2012 hướng dẫn về thành lập và hoạt động công ty chứng khoán, Thông tư số 07/2016/TT-BTC ngày 18 tháng 01 năm 2016 sửa đổi bổ sung một số điều của Thông tư số 210/2012/TT-BTC và các quy định hiện hành về hạn chế đầu tư. Một số khoản mục hạn chế đầu tư theo các quy định hiện hành như sau:

- ▶ Công ty chứng khoán không được mua, góp vốn mua bất động sản trừ trường hợp để sử dụng làm trụ sở chính, chi nhánh, phòng giao dịch phục vụ trực tiếp cho các hoạt động nghiệp vụ của công ty chứng khoán;
- ▶ Công ty chứng khoán mua, đầu tư vào bất động sản và tài sản cố định theo nguyên tắc giá trị còn lại của tài sản cố định và bất động sản đầu tư không được vượt quá năm mươi phần trăm (50%) giá trị tổng tài sản của công ty chứng khoán;
- ▶ Tổng giá trị đầu tư vào các trái phiếu doanh nghiệp của công ty chứng khoán không được vượt quá bảy mươi phần trăm (70%) vốn chủ sở hữu. Công ty chứng khoán được cấp phép thực hiện nghiệp vụ tự doanh chứng khoán được mua bán lại trái phiếu niêm yết theo quy định có liên quan về mua bán lại trái phiếu, cổ phiếu;
- ▶ Công ty chứng khoán không được trực tiếp hoặc ủy thác thực hiện các nghiệp vụ sau:
 - Đầu tư vào cổ phiếu hoặc phần vốn góp của công ty có sở hữu trên năm mươi phần trăm (50%) vốn điều lệ của công ty chứng khoán, trừ trường hợp mua cổ phiếu lẻ lẻ theo yêu cầu của khách hàng;
 - Cùng với người có liên quan đầu tư từ năm phần trăm (5%) trở lên vốn điều lệ của công ty chứng khoán khác;
 - Đầu tư quá hai mươi phần trăm (20%) tổng số cổ phiếu, chứng chỉ quỹ đang lưu hành của một tổ chức niêm yết;
 - Đầu tư quá mười lăm phần trăm (15%) tổng số cổ phiếu, chứng chỉ quỹ đang lưu hành của một tổ chức chưa niêm yết, quy định này không áp dụng đối với chứng chỉ quỹ thành viên, quỹ hoán đổi danh mục và quỹ mở;
 - Đầu tư hoặc góp vốn quá mười phần trăm (10%) trên tổng số vốn góp của một công ty trách nhiệm hữu hạn hoặc dự án kinh doanh;
 - Đầu tư hoặc góp vốn quá mười lăm phần trăm (15%) vốn chủ sở hữu vào một tổ chức hoặc dự án kinh doanh;
 - Đầu tư quá bảy mươi phần trăm (70%) vốn chủ sở hữu vào cổ phiếu, phần vốn góp và dự án kinh doanh, trong đó không được đầu tư quá hai mươi phần trăm (20%) vốn chủ sở hữu vào cổ phiếu chưa niêm yết, phần vốn góp và dự án kinh doanh.

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.1 Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính của Công ty được lập và trình bày phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, các quy định và hướng dẫn kế toán áp dụng cho công ty chứng khoán được quy định tại Thông tư số 210/2014/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính ("Thông tư 210"), Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27 tháng 12 năm 2016 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung và thay thế Phụ lục 02 và 04 của Thông tư 210, Thông tư số 146/2014/TT-BTC ngày 06 tháng 10 năm 2014 hướng dẫn chế độ tài chính đối với công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam khác do Bộ Tài chính ban hành theo:

- ▶ Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- ▶ Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- ▶ Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- ▶ Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 02 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- ▶ Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

2.2 Hình thức sổ kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán áp dụng được đăng ký của Công ty là Nhật ký chung.

2.3 Kỳ kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

2.4 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Báo cáo tài chính được lập bằng đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán của Công ty là đồng Việt Nam ("VND").

2.5 Các cơ sở đánh giá và các ước tính kế toán áp dụng

Việc trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Tổng Giám đốc Công ty phải thực hiện các ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo của tài sản, nợ phải trả cũng như việc trình bày các công nợ tiềm ẩn. Các ước tính và giả định này cũng ảnh hưởng đến thu nhập, chi phí và kết quả số liệu dự phòng. Các ước tính này được dựa trên các giả định về một số yếu tố với các mức độ khác nhau về chủ quan và tính không chắc chắn. Do vậy, các kết quả thực tế có thể có thay đổi dẫn đến việc điều chỉnh các khoản mục có liên quan sau này.

3. TUYÊN BỐ TUÂN THỦ CHUẨN MỰC KẾ TOÁN VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN VIỆT NAM

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã lập báo cáo tài chính tuân thủ theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, các quy định và hướng dẫn kế toán áp dụng cho công ty chứng khoán và các quy định pháp lý khác có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Theo đó, báo cáo tài chính được trình bày kèm theo và việc sử dụng báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục, nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động, tình hình lưu chuyển tiền tệ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

4.1 Các thay đổi trong các chính sách kế toán

Các chính sách kế toán của Công ty sử dụng để lập báo cáo tài chính được áp dụng nhất quán với với các chính sách đã được sử dụng để lập báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019.

4.2 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng của công ty chứng khoán, tiền gửi về bán chứng khoán bảo lãnh phát hành và tiền gửi về bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá ba tháng kể từ ngày mua, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán và tiền gửi của tổ chức phát hành được phản ánh tại các chỉ tiêu ngoài báo cáo tình hình tài chính.

4.3 Tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ ("FVTPL")

Các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ ("FVTPL") là tài sản tài chính thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

a) Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh, Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanh, nếu:

- ▶ Được mua hoặc tạo ra chủ yếu cho mục đích bán lại/mua lại trong thời gian ngắn;
- ▶ Có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc
- ▶ Công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).

b) Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, các tài sản tài chính xác định sẽ được trình bày hợp lý hơn nếu phân loại vào tài sản tài chính FVTPL vì một trong các lý do sau đây:

- ▶ Việc phân loại vào tài sản tài chính FVTPL loại trừ hoặc làm giảm đáng kể sự không thống nhất trong ghi nhận hoặc xác định giá trị tài sản tài chính theo các cơ sở khác nhau;
- ▶ Tài sản tài chính thuộc một nhóm các tài sản tài chính được quản lý và kết quả quản lý được đánh giá dựa trên cơ sở giá trị đồng thời phù hợp với chính sách quản lý rủi ro hoặc chiến lược đầu tư của Công ty.

Các tài sản tài chính FVTPL được ghi nhận ban đầu theo giá gốc (giá mua của tài sản không bao gồm chi phí giao dịch phát sinh trực tiếp từ việc mua các tài sản tài chính này) và được tiếp tục ghi nhận sau ghi nhận ban đầu theo giá trị hợp lý

Khoản chênh lệch tăng do đánh giá lại tài sản tài chính FVTPL theo giá trị hợp lý so với kỳ trước được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động trên khoản mục "*Chênh lệch tăng về đánh giá lại các tài sản tài chính FVTPL*". Khoản chênh lệch giảm do đánh giá lại tài sản tài chính FVTPL theo giá trị hợp lý so với kỳ trước được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động trên khoản mục "*Chênh lệch giảm về đánh giá lại các tài sản tài chính FVTPL*".

Chi phí mua các tài sản tài chính FVTPL được ghi nhận vào chi phí giao dịch mua các tài sản tài chính của báo cáo kết quả hoạt động ngay khi phát sinh.

4.4 Các khoản cho vay

Các khoản cho vay là các tài sản tài chính phi phái sinh có các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường hoàn hảo, ngoại trừ:

- a) Các khoản mà Công ty có ý định bán ngay hoặc sẽ bán trong tương lai gần được phân loại là tài sản nắm giữ vì mục đích kinh doanh, và các khoản mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu được Công ty xếp vào nhóm ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua lãi/lỗ;
- b) Các khoản được Công ty xếp vào nhóm sẵn sàng để bán tại thời điểm ghi nhận ban đầu; hoặc
- c) Các khoản mà người nắm giữ có thể không thu hồi được phần lớn giá trị đầu tư ban đầu, không phải do suy giảm chất lượng tín dụng, và được phân loại vào nhóm sẵn sàng để bán.

Các khoản cho vay được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản cho vay được ghi nhận theo giá trị phân bổ sử dụng phương pháp lãi suất thực.

Giá trị phân bổ của các khoản cho vay được xác định bằng giá trị ghi nhận ban đầu của tài sản tài chính trừ đi các khoản hoàn trả gốc cộng hoặc trừ các khoản phân bổ lũy kế tính theo phương pháp lãi suất thực của phần chênh lệch giữa giá trị ghi nhận ban đầu và giá trị đáo hạn, trừ đi các khoản giảm trừ dự phòng do suy giảm giá trị hoặc do không thể thu hồi (nếu có).

Các khoản cho vay được xem xét khả năng suy giảm giá trị tại ngày lập báo cáo tình hình tài chính. Dự phòng cho các khoản cho vay được trích lập dựa trên mức tổn thất ước tính, được tính bằng phần chênh lệch giữa giá trị thị trường của chứng khoán được dùng làm tài sản đảm bảo cho khoản cho vay và số dư của khoản cho vay đó. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động trên khoản mục "Chi phí dự phòng tài sản tài chính, xử lý tổn thất các khoản phải thu khó đòi, lỗ suy giảm tài sản tài chính và chi phí đi vay của các khoản cho vay".

4.5 Tài sản tài chính sẵn sàng để bán ("AFS")

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán ("AFS") là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là:

- a) Các khoản cho vay và phải thu;
- b) Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn;
- c) Các tài sản tài chính ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua lãi/lỗ.

Các tài sản tài chính AFS được ghi nhận ban đầu theo giá gốc (giá mua cộng các chi phí giao dịch phát sinh trực tiếp từ việc mua các tài sản tài chính này). Sau ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính sẵn sàng để bán được ghi nhận theo giá trị hợp lý.

Khoản chênh lệch do đánh giá lại tài sản tài chính AFS thay đổi (tăng hoặc giảm) so với năm trước được thể hiện trên khoản mục "Lãi/(Lỗ) từ đánh giá lại tài sản tài chính AFS" thuộc phần thu nhập toàn diện khác trên báo cáo kết quả hoạt động.

Tại ngày lập báo cáo tình hình tài chính, Công ty cũng đánh giá liệu có hay không bằng chứng khách quan rằng tài sản tài chính AFS bị suy giảm giá trị. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động trên khoản mục "Chi phí dự phòng tài sản tài chính, xử lý tổn thất các khoản phải thu khó đòi, lỗ suy giảm tài sản tài chính và chi phí đi vay của các khoản cho vay".

- ▶ Trong trường hợp các công cụ vốn được phân loại là sẵn sàng để bán, bằng chứng khách quan bao gồm sự giảm giá trị hợp lý đáng kể hoặc kéo dài của khoản đầu tư dưới giá trị ghi sổ. 'Đáng kể' dùng để đánh giá so với giá gốc của khoản đầu tư và 'kéo dài' được dùng để chỉ giai đoạn mà giá trị hợp lý thấp hơn giá gốc. Khi có bằng chứng về việc giảm giá trị, số dư dự phòng được trích lập được xác định trên sự khác biệt giữa giá gốc và giá trị hợp lý tại thời điểm đánh giá;

- ▶ Trong trường hợp các công cụ nợ được phân loại là sẵn sàng để bán, việc đánh giá suy giảm giá trị được thực hiện dựa trên các tiêu chí giống với các tiêu chí đánh giá các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn như trình bày ở Thuyết minh số 4.6. Khi có bằng chứng về việc giảm giá trị, số dư dự phòng cần trích lập được xác định trên sự khác biệt giữa giá trị phân bổ và giá trị hợp lý tại thời điểm đánh giá.

4.6 Tài sản tài chính giữ đến ngày đáo hạn ("HTM")

Các tài sản tài chính giữ đến ngày đáo hạn ("HTM") là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà Công ty có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn, ngoại trừ:

- a) Các tài sản tài chính mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu đã được xếp vào nhóm ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua lãi/lỗ;
- b) Các tài sản tài chính đã được xếp vào nhóm sẵn sàng để bán;
- c) Các tài sản tài chính thỏa mãn định nghĩa về các khoản cho vay và phải thu.

Các tài sản tài chính HTM được ghi nhận ban đầu theo giá gốc (giá mua của tài sản cộng (+) các chi phí giao dịch phát sinh trực tiếp từ việc mua các tài sản tài chính này như phí môi giới, phí giao dịch, phí đại lý phát hành và phí ngân hàng). Sau ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính HTM được ghi nhận theo giá trị phân bổ sử dụng phương pháp lãi suất thực.

Giá trị phân bổ của các khoản đầu tư HTM được xác định bằng giá trị ghi nhận ban đầu của tài sản tài chính trừ đi (-) các khoản hoàn trả gốc cộng (+) hoặc trừ (-) các khoản phân bổ lũy kế tính theo phương pháp lãi suất thực của phần chênh lệch giữa giá trị ghi nhận ban đầu và giá trị đáo hạn, trừ đi các khoản giảm trừ dự phòng do suy giảm giá trị hoặc do không thể thu hồi (nếu có).

Phương pháp lãi suất thực là phương pháp tính toán chi phí phân bổ về thu nhập lãi hoặc chi phí lãi trong kỳ liên quan của một tài sản tài chính hoặc một nhóm các khoản đầu tư HTM.

Lãi suất thực là lãi suất chiết khấu chính xác các luồng tiền ước tính sẽ chi trả hoặc nhận được trong tương lai trong suốt vòng đời dự kiến của công cụ tài chính hoặc trong kỳ hạn ngắn hơn, nếu cần thiết, trở về giá trị ghi sổ hiện tại ròng của tài sản hoặc nợ tài chính.

Các khoản đầu tư được xem xét khả năng suy giảm giá trị tại ngày lập báo cáo tình hình tài chính. Dự phòng được trích lập cho các khoản đầu tư HTM khi có bằng chứng khách quan cho thấy có khả năng không thu hồi được hoặc không chắc chắn thu hồi được của khoản đầu tư xuất phát từ một hoặc nhiều sự kiện tổn thất xảy ra ảnh hưởng xấu lên luồng tiền tương lai dự kiến của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn. Bằng chứng khách quan của việc suy giảm giá trị có thể bao gồm giá trị thị trường/giá trị hợp lý (nếu có) của khoản nợ bị suy giảm, các dấu hiệu về bên nợ hoặc nhóm các bên nợ đang gặp khó khăn về tài chính đáng kể, vỡ nợ hoặc trả nợ không đúng kỳ hạn các khoản lãi hoặc gốc, khả năng bên nợ bị phá sản hoặc có sự tái cơ cấu tài chính và các dữ liệu có thể quan sát cho thấy rằng có sự suy giảm có thể lượng hóa được các luồng tiền dự kiến trong tương lai, chẳng hạn như sự thay đổi về điều kiện trả nợ, tình hình tài chính gắn liền với khả năng vỡ nợ. Khi có bằng chứng về việc giảm giá trị, số dư dự phòng cần trích lập được xác định trên sự khác biệt giữa giá trị phân bổ và giá trị hợp lý tại thời điểm đánh giá. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động trên khoản mục "Chi phí dự phòng tài sản tài chính, xử lý tổn thất các khoản phải thu khó đòi, lỗ suy giảm tài sản tài chính và chi phí đi vay của các khoản cho vay".

4.7 Giá trị hợp lý/giá trị thị trường của tài sản chính

Giá trị thị trường/hợp lý của chứng khoán được xác định theo các cơ sở sau:

- ▶ Giá trị thị trường của chứng khoán niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội và Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh là giá đóng cửa tại ngày gần nhất có giao dịch tính đến ngày đánh giá giá trị chứng khoán;
- ▶ Đối với các chứng khoán của các công ty chưa niêm yết trên thị trường chứng khoán nhưng đã đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết ("UPCoM") giá trị thị trường được xác định là giá đóng cửa tại ngày gần nhất có giao dịch tính đến ngày đánh giá giá trị chứng khoán;
- ▶ Đối với chứng khoán niêm yết bị hủy hoặc bị đình chỉ giao dịch hoặc bị ngừng giao dịch kể từ ngày giao dịch thứ sáu trở đi, giá chứng khoán thực tế là giá trị sổ sách tại ngày lập báo cáo tình hình tài chính gần nhất;
- ▶ Đối với chứng khoán chưa niêm yết và chưa đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết ("UPCoM") thì giá chứng khoán thực tế là mức giá giao dịch thực tế trên thị trường phi tập trung ("OTC") tại thời điểm gần nhất với thời điểm đánh giá giá trị chứng khoán.
- ▶ Các chứng khoán không có giá tham khảo từ các nguồn trên sẽ được đánh giá giá trị hợp lý dựa trên phương pháp định giá nội bộ của Công ty.

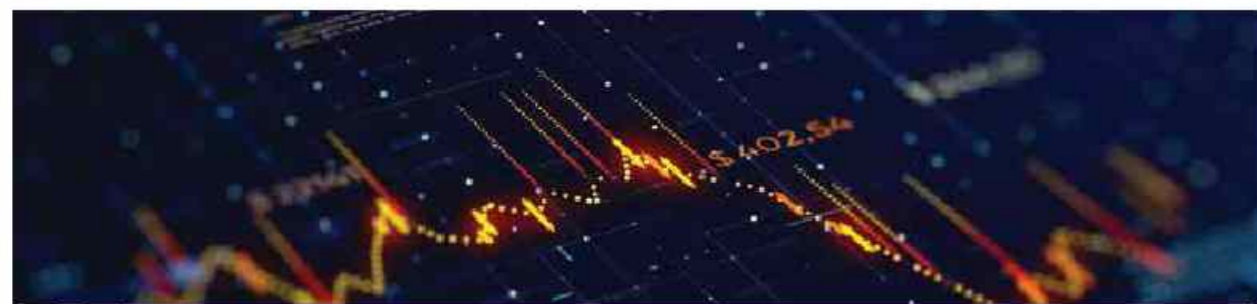
4.8 Ngừng ghi nhận tài sản tài chính

Tài sản tài chính (hoặc một phần của một nhóm tài sản tài chính tương tự) được ngừng ghi nhận khi:

- ▶ Công ty không còn quyền thu tiền phát sinh từ các tài sản tài chính; hoặc
- ▶ Công ty chuyển giao quyền thu tiền phát sinh từ tài sản tài chính hoặc đồng thời phát sinh nghĩa vụ thanh toán gần như lập tức toàn bộ số tiền thu được cho bên thứ ba thông qua hợp đồng chuyển giao; và:
 - Công ty chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn với tài sản; hoặc
 - Công ty không chuyển giao hay giữ lại toàn bộ rủi ro và lợi ích gắn với tài sản đó nhưng đã chuyển giao quyền kiểm soát tài sản.

Khi Công ty chuyển giao quyền thu tiền phát sinh từ tài sản hoặc đã ký hợp đồng chuyển giao với bên thứ ba nhưng vẫn chưa chuyển giao phần lớn mọi rủi ro và lợi ích gắn liền với tài sản hoặc chuyển giao quyền kiểm soát đối với tài sản, tài sản vẫn được ghi nhận là tài sản của Công ty. Trong trường hợp đó, Công ty cũng ghi nhận một khoản nợ phải trả tương ứng. Tài sản được chuyển giao và nợ phải trả tương ứng được ghi nhận trên cơ sở phản ánh quyền và nghĩa vụ mà Công ty giữ lại.

Trường hợp khoản nợ ghi nhận có hình thức bảo lãnh, các tài sản chuyển nhượng sẽ được ghi nhận theo giá trị nhỏ hơn giữa giá trị ghi sổ ban đầu của tài sản và số tiền tối đa mà Công ty được yêu cầu phải thanh toán.



4.9 Phân loại lại tài sản tài chính

Phân loại lại khi bán tài sản tài chính không thuộc nhóm FVTPL

Công ty chứng khoán khi bán các tài sản tài chính không thuộc loại tài sản tài chính FVTPL phải thực hiện phân loại lại các tài sản tài chính từ các loại tài sản khác có liên quan về tài sản tài chính FVTPL. Các chênh lệch đánh giá lại tài sản tài chính AFS đang theo dõi trên khoản mục "Chênh lệch đánh giá tài sản theo giá trị hợp lý" sẽ được ghi nhận vào tài khoản doanh thu hoặc chi phí tương ứng tại ngày phân loại lại các tài sản tài chính AFS khi bán.

Phân loại lại do thay đổi dự định hoặc khả năng nắm giữ

Công ty chứng khoán được phân loại lại các tài sản tài chính vào nhóm tài sản tài chính khác phù hợp do thay đổi dự định hoặc khả năng nắm giữ, theo đó:

- ▶ Tài sản tài chính FVTPL phi phái sinh và không bị yêu cầu phân loại vào nhóm tài sản tài chính FVTPL vào lúc ghi nhận ban đầu có thể được phân loại lại vào nhóm cho vay và phải thu trong một số trường hợp đặc biệt hoặc vào nhóm tiền và tương đương tiền nếu thỏa mãn các điều kiện được phân loại vào nhóm này. Các khoản lãi, lỗ đã ghi nhận do đánh giá lại tài sản tài chính FVTPL trước thời điểm phân loại lại sẽ không được hoàn nhập;
- ▶ Nếu do thay đổi dự định hoặc khả năng nắm giữ, việc phân loại một khoản đầu tư vào nhóm nắm giữ đến khi đáo hạn không còn phù hợp thì khoản đầu tư đó phải được chuyển sang nhóm tài sản tài chính AFS và phải định giá lại theo giá trị hợp lý. Chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và giá trị hợp lý sẽ được ghi nhận vào khoản mục "Chênh lệch đánh giá tài sản theo giá trị hợp lý" thuộc Vốn chủ sở hữu.

4.10 Nguyên tắc kế toán ghi nhận các khoản đầu tư đem đi thế chấp

Trong năm, Công ty có các khoản đầu tư được đem đi thế chấp/cầm cố để thực hiện các nghĩa vụ tài chính của Công ty.

Theo các điều kiện và điều khoản của hợp đồng thế chấp/cầm cố, trong thời gian hiệu lực của hợp đồng, Công ty không được sử dụng các tài sản thế chấp/cầm cố để bán, chuyển nhượng, tham gia vào các hợp đồng bán và cam kết mua lại, hợp đồng hoán đổi với bất kỳ bên thứ ba nào khác.

Trong trường hợp Công ty không thực hiện nghĩa vụ phải trả, bên nhận thế chấp/cầm cố sẽ được sử dụng tài sản thế chấp/cầm cố để thanh toán các nghĩa vụ của Công ty sau khoảng thời gian xác định trong hợp đồng thế chấp/cầm cố kể từ ngày nghĩa vụ thanh toán của Công ty bắt đầu quá hạn.

Các tài sản được đem đi thế chấp/cầm cố được theo dõi trên báo cáo tình hình tài chính theo nguyên tắc phù hợp với loại tài sản mà tài sản đó được phân loại

4.11 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được ghi nhận ban đầu theo giá gốc và luôn được phản ánh theo giá gốc trong thời gian tiếp theo.

Các khoản phải thu được xem xét trích lập dự phòng rủi ro theo tuổi nợ quá hạn của khoản nợ hoặc theo dự kiến tổn thất có thể xảy ra trong trường hợp khoản nợ chưa đến hạn thanh toán nhưng tổ chức kinh tế đã phá sản, đã mở thủ tục phá sản, đã bỏ trốn khỏi địa điểm kinh doanh; đối tượng nợ đang bị các cơ quan pháp luật truy tố, giam giữ, xét xử hoặc đang thi hành án hoặc đang mắc bệnh hiểm nghèo (có xác nhận của bệnh viện) hoặc đã chết hoặc khoản nợ đã được yêu cầu thi hành án nhưng không thể thực hiện được do đối tượng nợ bỏ trốn khỏi nơi cư trú; khoản nợ đã được khởi kiện đòi nợ nhưng bị đình chỉ giải quyết vụ án. Chi phí dự phòng phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động trên khoản mục "Chi phí hoạt động" trong năm.

Mức trích lập dự phòng đối với các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán theo hướng dẫn của Thông tư số 48/2019/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 08 tháng 08 năm 2019 như sau:

Thời gian quá hạn	Mức trích dự phòng
Từ trên sáu (06) tháng đến dưới một (01) năm	30%
Từ một (01) năm đến dưới hai (02) năm	50%
Từ hai (02) năm đến dưới ba (03) năm	70%
Từ ba (03) năm trở lên	100%

Đối với các khoản phải thu chưa quá hạn, Ban Tổng Giám đốc cũng đánh giá thêm về khả năng thu hồi dự kiến của các khoản nợ này để xác định mức dự phòng tương ứng.

4.12 Tài sản cố định

Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao/hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được ghi tăng nguyên giá của tài sản. Các chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động khi phát sinh.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động.

4.13 Khấu hao và hao mòn

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhà cửa, vật kiến trúc	06 – 10 năm
Máy móc thiết bị	03 – 07 năm
Thiết bị văn phòng	03 – 05 năm
Phương tiện vận tải	06 năm
Quyền sử dụng đất (*)	theo thời hạn thuê
Phần mềm máy tính	03 – 05 năm
Các tài sản khác	03 năm

(*) Quyền sử dụng đất có thời hạn được khấu hao theo thời gian thuê hoặc thời gian sử dụng.

4.14 Thuế tài sản

Việc xác định một thỏa thuận có phải là thỏa thuận thuê tài sản hay không dựa trên bản chất của thỏa thuận đó vào thời điểm khởi đầu; liệu việc thực hiện thỏa thuận này có phụ thuộc vào việc sử dụng một tài sản nhất định và thỏa thuận có bao gồm điều khoản về quyền sử dụng tài sản hay không.

Trong trường hợp Công ty là bên đi thuê

Các khoản tiền thuê theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động theo phương pháp đường thẳng dựa theo thời hạn của hợp đồng thuê

Trong trường hợp Công ty là bên cho thuê

Tài sản theo hợp đồng cho thuê hoạt động được ghi nhận là tài sản cố định trên bảng cân đối kế toán. Chi phí trực tiếp ban đầu để thương thảo thỏa thuận cho thuê hoạt động được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động khi phát sinh.

Thu nhập từ tiền cho thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê.

4.15 Các hợp đồng bán và cam kết mua lại

Những tài sản được bán đồng thời cam kết sẽ mua lại vào một thời điểm nhất định trong tương lai (các hợp đồng mua lại) không được ghi giảm trên báo cáo tình hình tài chính. Khoản tiền nhận được theo các hợp đồng mua lại này được ghi nhận là khoản nợ phải trả trên báo cáo tình hình tài chính. Phần chênh lệch giữa giá bán và giá cam kết mua lại trong tương lai được xem như là chi phí lãi và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng vào báo cáo kết quả hoạt động trong suốt thời gian hiệu lực của hợp đồng mua lại.

4.16 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên báo cáo tình hình tài chính và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước của chi phí tương ứng với các lợi ích kinh tế được tạo ra từ các chi phí này.

4.17 Các khoản vay và phát hành trái phiếu

Các khoản vay và trái phiếu được phát hành bởi Công ty được công bố và trình bày theo số dư gốc, bao gồm khoản tiền thu được trừ đi chi phí phát hành, tại thời điểm kết thúc năm tài chính

4.18 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến lãi trái phiếu, hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

4.19 Lợi ích của nhân viên

4.19.1 Trợ cấp nghỉ hưu

Cán bộ công nhân viên Công ty khi nghỉ hưu sẽ được nhận trợ cấp về hưu từ Bảo hiểm Xã hội thuộc Bộ Lao động và Thương binh Xã hội. Theo quy định, Công ty đóng góp vào trợ cấp hưu trí này bằng việc đóng bảo hiểm xã hội cho mỗi nhân viên bằng 17,5% lương cơ bản hàng tháng của nhân viên. Ngoài ra, Công ty còn thực hiện chi trợ cấp cho cán bộ nhân viên đủ điều kiện nghỉ việc hưởng chế độ hưu trí theo quy định của Pháp luật.

4.19.2 Trợ cấp thôi việc

Theo Điều 48 Bộ Luật Lao động số 10/2012/QH13 có hiệu lực ngày 01 tháng 05 năm 2013, Công ty có nghĩa vụ chi trả trợ cấp thôi việc bằng một nửa tháng lương cho mỗi năm làm việc tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 cộng với các trợ cấp khác (nếu có) cho những nhân viên tự nguyện thôi việc. Từ ngày 01 tháng 01 năm 2009, mức lương bình quân tháng được tính để thanh toán trợ cấp thôi việc sẽ căn cứ theo mức lương bình quân của sáu tháng gần nhất tính đến thời điểm người lao động thôi việc.

4.19.3 Bảo hiểm thất nghiệp

Theo Thông tư số 28/2015/TT-BLĐTBXH hướng dẫn thực hiện Điều 52 của Luật Lao động và một số điều của Nghị định số 28/2015/NĐ-CP ngày 12 tháng 03 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lao động về bảo hiểm thất nghiệp, Công ty có nghĩa vụ đóng bảo hiểm thất nghiệp với mức bằng 1% quỹ tiền lương, tiền công đóng bảo hiểm thất nghiệp của những người tham gia bảo hiểm thất nghiệp và trích 1% tiền lương, tiền công tháng đóng bảo hiểm thất nghiệp của từng người lao động để đóng cùng lúc vào Quỹ Bảo hiểm thất nghiệp.

4.20 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán

Khi có thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ được ghi nhận dựa vào mức độ hoàn thành công việc. Trong trường hợp không thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ chỉ được ghi nhận ở mức có thể thu hồi được của các chi phí đã được ghi nhận.

Thu nhập từ kinh doanh chứng khoán

Thu nhập từ kinh doanh chứng khoán được xác định dựa trên mức chênh lệch giá bán và giá vốn bình quân của chứng khoán.

Thu nhập khác

Các khoản thu nhập khác bao gồm các khoản thu từ các hoạt động xảy ra không thường xuyên, ngoài các hoạt động tạo ra doanh thu, gồm: các khoản thu về thanh lý tài sản cố định, nhượng bán tài sản cố định; thu tiền phạt khách hàng do vi phạm hợp đồng; thu tiền bảo hiểm được bồi thường; thu được các khoản nợ phải thu đã xóa sổ tính vào chi phí năm trước; khoản nợ phải trả nay mất chủ được ghi tăng thu nhập;

thu các khoản thuế được giảm, được hoàn lại; và các khoản thu khác được ghi nhận là thu nhập khác theo quy định tại Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 14 – Doanh thu và thu nhập khác.

Thu nhập lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Doanh thu cung cấp dịch vụ khác

Khi có thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ được ghi nhận dựa vào mức độ hoàn thành công việc. Nếu không thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ chỉ được ghi nhận ở mức có thể thu hồi được của các chi phí đã được ghi nhận.

Cổ tức

Doanh thu được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Công ty được xác lập, ngoại trừ cổ tức nhận bằng cổ phiếu chỉ được cập nhật và theo dõi số lượng cổ phiếu nắm giữ mà không được ghi nhận là doanh thu.

4.21 Chi phí tiền lãi

Chi phí tiền lãi bao gồm lãi phải trả tiền vay và lãi phải trả của trái phiếu do Công ty phát hành và các khoản tiền lãi phát sinh từ các dịch vụ khác của Công ty. Chi phí tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích.

4.22 Thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến phải nộp cho/hoặc được thu hồi từ cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc năm tài chính.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc năm tài chính giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của các khoản mục này cho mục đích lập báo cáo tài chính.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải được xem xét lại tại ngày kết thúc năm tài chính và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa ghi nhận trước đây được xem xét lại tại ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài chính mà tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào kết quả hoạt động ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.



Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế hoặc Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hoãn lại phải trả và tài sản thuế thu nhập hoãn lại trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng năm tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

4.23 **Vốn chủ sở hữu**

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp từ phát hành cổ phiếu được ghi vào tài khoản vốn điều lệ theo mệnh giá.

Cổ phiếu quỹ

Các công cụ vốn chủ sở hữu được Công ty mua lại (cổ phiếu quỹ) được ghi nhận theo nguyên giá và trừ vào vốn chủ sở hữu. Công ty không ghi nhận các khoản lãi/(lỗ) khi mua, bán, phát hành hoặc hủy các công cụ vốn chủ sở hữu của mình.

Các quỹ

Công ty sử dụng lợi nhuận sau thuế hàng năm để trích lập các quỹ theo quy định tại Thông tư số 146/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 06 tháng 10 năm 2014 như sau:

	<u>Mức trích lập từ lợi nhuận sau thuế</u>	<u>Mức trích lập tối đa</u>
<u>Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ</u>	5%	10% vốn điều lệ
<u>Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ</u>	5%	10% vốn điều lệ

Các quỹ khác được trích lập theo Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông tại cuộc họp thường niên.

Lợi nhuận chưa phân phối

Lợi nhuận chưa phân phối bao gồm lợi nhuận đã thực hiện và chưa thực hiện.

Lợi nhuận chưa thực hiện của năm tài chính là số chênh lệch giữa tổng giá trị lãi, lỗ đánh giá lại của các tài sản tài chính FVTPL hoặc tài sản tài chính khác tính vào báo cáo lãi/lỗ của báo cáo kết quả hoạt động thuộc danh mục tài sản tài chính của Công ty và chi phí/thu nhập thuế thu nhập hoãn lại phát sinh trong năm.

Lợi nhuận đã thực hiện của năm tài chính là số chênh lệch giữa tổng doanh thu, thu nhập với tổng các khoản chi phí tính vào báo cáo kết quả hoạt động của Công ty ngoài các khoản lãi, lỗ do đánh giá lại tài sản tài chính đã được ghi nhận vào lợi nhuận chưa thực hiện.

Phân chia lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các nhà đầu tư sau khi được phê duyệt theo Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông tại cuộc họp thường niên và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

4.24 **Các khoản mục không có số dư**

Các khoản mục không được trình bày trên báo cáo tài chính này theo Thông tư số 210/2014/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2014, Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27 tháng 12 năm 2016 và Thông tư số 146/2014/TT-BTC ngày 06 tháng 10 năm 2014 do Bộ Tài chính ban hành là các khoản mục không có số dư.



5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	Số cuối năm (VND)	Số đầu năm (VND)
Tiền mặt tại quỹ	178.743.906	178.219.500
Tiền gửi ngân hàng cho hoạt động của Công ty	21.556.835.877	16.882.783.852
Tiền gửi thanh toán bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán	193.986.553	163.971.916
Tổng cộng	21.929.566.336	17.224.975.268

6. GIÁ TRỊ KHỐI LƯỢNG GIAO DỊCH THỰC HIỆN TRONG NĂM

	Năm nay		Năm trước	
	Khối lượng giao dịch thực hiện trong năm đơn vị	Giá trị giao dịch thực hiện trong năm (VND)	Khối lượng giao dịch thực hiện trong năm đơn vị	Giá trị giao dịch thực hiện trong năm (VND)
Của Công ty	140.244.960	14.127.804.449.800	106.034.289	11.083.383.409.100
Cổ phiếu	11.604.960	223.051.069.800	7.174.280	141.409.179.100
Trái phiếu	128.640.000	13.904.753.380.000	98.860.000	10.941.974.230.000
Của Nhà đầu tư	2.259.548.921	30.443.307.261.400	1.114.931.541	29.415.395.198.300
Cổ phiếu	2.237.125.021	30.393.116.306.200	1.108.315.331	29.209.500.537.800
Trái phiếu	135.000	14.119.785.000	1.945.000	200.205.700.000
Chứng chỉ quỹ	48.360	659.033.400	36.240	525.261.200
Chứng quyền đảm bảo	22.240.540	35.412.136.800	4.634.970	5.163.699.300
Tổng cộng	2.399.793.881	44.571.111.711.200	1.220.965.830	40.498.778.607.400

7. CÁC LOẠI TÀI SẢN TÀI CHÍNH

7.1 Tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ ("FVTPL")

		Số cuối năm		Số đầu năm	
		Giá gốc (VND)	Giá trị hợp lý (VND)	Giá gốc (VND)	Giá trị hợp lý (VND)
Cổ phiếu	Niêm yết	313.791.104.868	336.714.960.620	513.632.786.463	425.811.889.057
	Chưa niêm yết	195.740.555.760	342.724.014.552	210.656.882.296	406.909.277.380
Trái phiếu	Chưa niêm yết	807.559.842.547	807.559.842.547	662.343.382.683	662.343.382.683
	Tổng cộng	1.317.091.503.175	1.486.998.817.719	1.386.633.051.442	1.495.064.549.120

7.2 Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ("HTM")

	Số cuối năm (VND)	Số đầu năm (VND)
Tiền gửi cố kỳ hạn	761.000.000.000	-

Đây là các khoản tiền gửi cố kỳ hạn 01 năm và lãi suất từ 4,90% đến 6,00%/năm. Tại thời điểm cuối năm, Công ty đã cầm cố hợp đồng tiền gửi cố kỳ hạn tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam và Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam để đảm bảo cho các khoản tiền vay ngân hàng (Thuyết minh số 14).

7.3 Các khoản cho vay

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc (VND)	Giá trị hợp lý (VND)	Giá gốc (VND)	Giá trị hợp lý (VND)
Cho vay hoạt động ký quỹ	922.989.735.587	918.179.367.449	657.700.873.897	652.890.505.759
Tổng cộng	922.989.735.587	918.179.367.449	657.700.873.897	652.890.505.759

Giá trị hợp lý của các khoản cho vay được xác định bằng giá trị ghi sổ của khoản vay trừ đi dự phòng suy giảm giá trị các khoản cho vay.

7.4 Các tài sản tài chính sẵn sàng để bán ("AFS")

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc (VND)	Giá trị hợp lý (VND)	Giá gốc (VND)	Giá trị hợp lý (VND)
Giấy tờ có giá	280.363.606.514	280.363.606.514	-	-

7.5 Dự phòng suy giảm giá trị các tài sản tài chính và tài sản thế chấp

	Năm nay (VND)	Năm trước (VND)
Số dư đầu năm	4.810.368.138	4.810.368.138
Trích lập trong năm	-	-
Số dư cuối năm	4.810.368.138	4.810.368.138

Chi tiết số dư dự phòng suy giảm giá trị các tài sản tài chính và tài sản thế chấp tại thời điểm cuối năm như sau:

	Giá trị sổ sách năm nay (VND)	Số dư dự phòng năm nay (VND)	Số dư dự phòng năm trước (VND)
Khách hàng Hà Thị Lan	2.070.939.349	2.070.939.349	2.070.939.349
Khách hàng Nguyễn Dương Nghĩa	1.679.344.261	1.679.344.261	1.679.344.261
Khách hàng Nguyễn Như Tinh	1.060.084.528	1.060.084.528	1.060.084.528
Cho vay hoạt động ký quỹ	4.810.368.138	4.810.368.138	4.810.368.138

7.6 Tình hình biến động giá trị hợp lý của các tài sản tài chính

Tình hình biến động giá trị hợp lý của các tài sản tài chính tại thời điểm cuối năm như sau:

Các loại tài sản tài chính	Chênh lệch đánh giá			Giá trị đánh giá lại (VND)
	Giá mua (VND)	Chênh lệch tăng (VND)	Chênh lệch giảm (VND)	
FVTPL				
Cổ phiếu				
Cổ phiếu niêm yết	313.791.1104.868	69.642.136.651	(46.718.280.899)	336.714.960.620
Cổ phiếu chưa niêm yết	195.740.555.760	171.598.300.048	(24.614.841.256)	342.724.014.552
Trái phiếu				
Trái phiếu chưa niêm yết	807.559.842.547	-	-	807.559.842.547
AFS				
Giấy tờ có giá	280.363.606.514	-	-	280.363.606.514
Tổng cộng	1.597.455.109.689	241.240.436.699	(71.333.122.155)	1.767.362.424.233

Tình hình biến động giá trị hợp lý của các tài sản tài chính tại thời điểm đầu năm như sau:

Các loại tài sản tài chính	Chênh lệch đánh giá			Giá trị đánh giá lại (VND)
	Giá mua (VND)	Chênh lệch tăng (VND)	Chênh lệch giảm (VND)	
FVTPL				
Cổ phiếu				
Cổ phiếu niêm yết	513.632.786.463	31.561.604.669	(119.382.502.075)	425.811.889.057
Cổ phiếu chưa niêm yết	210.656.882.296	238.741.370.637	(42.488.975.553)	406.909.277.380
Trái phiếu				
Trái phiếu chưa niêm yết	662.343.382.683	-	-	662.343.382.683
Tổng cộng	1.386.633.051.442	270.302.975.306	(161.871.477.628)	1.495.064.549.120

8. CÁC KHOẢN PHẢI THU

8.1 Phải thu bán các tài sản tài chính

	Số cuối năm (VND)	Số đầu năm (VND)
Phải thu bán cổ phiếu	15.302.909.500	-
Phải thu bán trái phiếu	67.000.000.000	-
Trong đó:		
- Phải thu khó đòi bán trái phiếu	9.000.000.000	-
	82.302.909.500	-

8.2 Phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các khoản đầu tư

	Số cuối năm (VND)	Số đầu năm (VND)
Dự thu tiền lãi hoạt động kỳ quỹ	32.487.306.023	23.044.908.788
Dự thu tiền lãi giấy tờ có giá	1.604.383.562	-
Dự thu tiền lãi tiền gửi có kỳ hạn	14.450.013.693	-
Dự thu cổ tức	-	274.662.000
	48.541.703.278	23.319.570.788

8.3 Phải thu các dịch vụ công ty chứng khoán cung cấp

	Số cuối năm (VND)	Số đầu năm (VND)
Phải thu hoạt động môi giới chứng khoán	355.848.529	93.045.107
Phải thu hoạt động tư vấn	523.225.000	385.967.742
Phải thu hoạt động lưu ký chứng khoán	1.311.691.830	1.450.021.219
Phải thu dịch vụ khác	1.678.662.004	69.587.993
	3.869.427.363	1.998.622.061

8.4 Phải thu khác

	Số cuối năm (VND)	Số đầu năm (VND)
Phải thu phí chuyển quyền sở hữu cổ phiếu	-	2.997.470.902
Phải thu dịch vụ khác	220.456.483	20.930.883
	220.456.483	3.018.401.785

9. DỰ PHÒNG SUY GIẢM GIÁ TRỊ CÁC KHOẢN PHẢI THU

	Số cuối năm (VND)	Số đầu năm (VND)
Dự phòng phải thu bán các tài sản tài chính	2.700.000.000	-
Dự phòng phải thu khác	386.918.258	52.258.932
	3.086.918.258	52.258.932

Biến động dự phòng suy giảm giá trị các khoản phải thu trong năm:

	Số đầu năm		Chênh lệch đánh giá		Số cuối năm	
	Giá trị phải thu khó đòi (VND)	Số dự phòng (VND)	Trích lập (VND)	Hoàn nhập (VND)	Số dự dự phòng (VND)	Tổng cộng (VND)
Phải thu bán các tài sản tài chính	-	-	2.700.000.000	-	2.700.000.000	9.000.000.000
CTCP Phù Đổng Asia	-	-	2.700.000.000	-	2.700.000.000	9.000.000.000
Phải thu khác	72.117.323	52.258.932	335.740.875	(1.081.549)	386.918.258	601.076.846
Phí lưu ký và phí SMS – khách hàng tổ chức	40.991.098	31.268.364	66.170.969	-	97.439.333	116.241.244
Phí lưu ký và phí SMS – khách hàng cá nhân	31.126.225	20.990.568	269.569.906	(1.081.549)	289.478.925	484.835.602
Tổng cộng	72.117.323	52.258.932	3.035.740.875	(1.081.549)	3.086.918.258	9.601.076.846

10. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc (*) (VND)	Máy móc, thiết bị (VND)	Phương tiện vận tải (VND)	Thiết bị văn phòng (VND)	Tài sản cố định hữu hình khác (VND)	Tổng cộng (VND)
Nguyên giá						
Số đầu năm	4.890.829.636	33.107.673.969	13.255.590.857	2.949.012.608	38.740.000	54.241.847.070
Thanh lý, nhượng bán	-	(320.543.091)	-	(35.999.700)	-	(356.542.791)
Số cuối năm	4.890.829.636	32.787.130.878	13.255.590.857	2.913.012.908	38.740.000	53.885.304.279
<i>Trong đó:</i>						
<i>Tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng</i>	-	17.065.386.345	3.559.460.857	1.522.621.712	38.740.000	22.186.208.914
Giá trị khấu hao lũy kế						
Số đầu năm	3.772.042.197	22.542.940.467	7.314.707.446	1.993.943.422	38.740.000	35.662.373.532
Khấu hao trong năm	733.624.440	3.701.806.775	1.616.021.676	356.117.550	-	6.407.570.441
Thanh lý, nhượng bán	-	(320.543.091)	-	(35.999.700)	-	(356.542.791)
Số cuối năm	4.505.666.637	25.924.204.151	8.930.729.122	2.314.061.272	38.740.000	41.713.401.182
Giá trị còn lại						
Số đầu năm	1.118.787.439	10.564.733.502	5.940.883.411	955.069.186	-	18.579.473.538
Số cuối năm	385.162.999	6.862.926.727	4.324.861.735	598.951.636	-	12.171.903.097

(*) Tại thời điểm cuối năm, Công ty đã cầm cố tài sản cố định là trụ sở văn phòng để đảm bảo cho các khoản tiền vay ngân hàng.

11. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Quyền sử dụng đất (*) (VND)	Phần mềm máy tính (VND)	Tổng cộng (VND)
Nguyên giá			
Số dư đầu năm	39.439.384.884	33.287.283.012	72.726.667.896
Tăng khác	-	58.800.000	58.800.000
Số dư cuối năm	39.439.384.884	33.346.083.012	72.785.467.896
Trong đó:			
Tài sản cố định vô hình đã hao mòn hết nhưng vẫn còn sử dụng	-	16.289.380.872	16.289.380.872
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu năm	3.984.253.519	23.276.066.686	27.260.320.205
Hao mòn trong năm	790.396.368	4.051.341.973	4.841.738.341
Số dư cuối năm	4.774.649.887	27.327.408.659	32.102.058.546
Giá trị còn lại			
Số dư đầu năm	35.455.131.365	10.011.216.326	45.466.347.691
Số dư cuối năm	34.664.734.997	6.018.674.353	40.683.409.350

(*) Tại thời điểm cuối năm, Công ty đã cầm cố tài sản cố định là quyền sử dụng đất để đảm bảo cho các khoản tiền vay ngân hàng.

12. TÀI SẢN KHÁC

	Số cuối năm (VND)	Số đầu năm (VND)
Ứng trước cho người bán cung cấp dịch vụ	1.328.540.000	240.890.000
Vật tư văn phòng, công cụ, dụng cụ	22.482.000	58.282.000
Chi phí trả trước	2.863.795.806	2.065.148.859
- Chi phí trả trước ngắn hạn	2.635.920.398	1.671.037.790
- Chi phí trả trước dài hạn	227.875.408	394.111.069
Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược	268.459.522	240.632.575
- Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược ngắn hạn	48.194.522	36.704.575
- Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược dài hạn	220.265.000	203.928.000
	4.483.277.328	2.604.953.434

13. TIỀN NỘP CÁC QUỸ

13.1 Tiền nộp Quỹ Hỗ trợ thanh toán

Tiền nộp quỹ hỗ trợ thanh toán phản ánh khoản tiền ký quỹ tại Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam ("VSD").

Theo Thông tư số 05/2015/TT-BTC ngày 15 tháng 01 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về hoạt động đăng ký, lưu ký, bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán trên thị trường chứng khoán Việt Nam, Quyết định số 45/QĐ-VSD ngày 22 tháng 05 năm 2014 về việc ban hành Quy chế quản lý và sử dụng Quỹ Hỗ trợ thanh toán Tổng Giám đốc VSD, Công ty phải ký quỹ một khoản tiền ban đầu là 120 triệu đồng tại VSD và hàng năm phải đóng bổ sung 0,01% tổng giá trị chứng khoán môi giới của năm trước nhưng không quá 2,5 tỷ đồng/năm. Giới hạn tối đa về mức đóng góp của mỗi thành viên lưu ký vào Quỹ Hỗ trợ thanh toán là 20 tỷ đồng đối với thành viên lưu ký là công ty chứng khoán có nghiệp vụ tự doanh, môi giới.

Chi tiết tiền nộp Quỹ hỗ trợ thanh toán như sau:

	Số cuối năm (VND)	Số đầu năm (VND)
Tiền nộp ban đầu	3.154.440.111	3.154.440.111
Tiền nộp bổ sung	10.285.174.778	10.285.174.778
Tiền lãi phân bổ	6.560.385.111	6.560.385.111
	20.000.000.000	20.000.000.000

13.2 Tài sản dài hạn khác

Tiền nộp Quỹ bù trừ cho giao dịch phái sinh phản ánh các khoản tiền ký quỹ tại VSD. Theo Quyết định số 97/QĐ-VSD ngày 23 tháng 03 năm 2017 của Tổng Giám đốc VSD về việc ban hành Quy chế quản lý và sử dụng Quỹ bù trừ ("Quyết định 97"), Quyết định số 145/QĐ-VSD ngày 04 tháng 08 năm 2017 về việc sửa đổi Quyết định 97, thành viên bù trừ có trách nhiệm đóng góp vào Quỹ bù trừ bằng tiền (VND) hoặc chứng khoán. Tỷ lệ đóng góp vào Quỹ bù trừ bằng tiền tối thiểu do VSD quy định cụ thể.

Chi tiết tiền nộp Quỹ bù trừ cho giao dịch phái sinh như sau:

	Số cuối năm (VND)	Số đầu năm (VND)
Tiền nộp ban đầu	10.000.000.000	10.000.000.000
Tiền lãi phân bổ	39.893.114	18.175.718
	10.039.893.114	10.018.175.718

14. VAY NGẮN HẠN

	Số cuối năm (VND)	Số đầu năm (VND)
Số dư đầu năm	790.000.000.000	620.006.600.000
Tăng trong năm	9.290.692.274.653	5.860.955.720.000
Giảm trong năm	(7.913.969.360.815)	(5.690.962.320.000)
Vay ngắn hạn tổ chức tín dụng	2.166.722.913.838	790.000.000.000

Các khoản vay ngắn hạn tại thời điểm cuối năm bao gồm các khoản vay theo hợp đồng tín dụng có thời hạn từ 01 tháng đến 12 tháng với lãi suất từ 3,00% đến 6,90%/năm và các hợp đồng chuyển nhượng chứng chỉ tiền gửi kèm cam kết mua lại với tổ chức tín dụng cho mục đích bổ sung vốn lưu động cho Công ty.

Tại thời điểm cuối năm, các khoản vay được đảm bảo bằng các tài sản tài chính thuộc sở hữu của Công ty có giá trị hợp lý như sau:

	Số cuối năm (VND)	Số đầu năm (VND)
Cổ phiếu	494.978.624.000	621.472.428.960
Trái phiếu	140.000.000.000	-
Tiền gửi có kỳ hạn	761.000.000.000	-
	1.395.978.624.000	621.472.428.960

15. TRÁI PHIẾU PHÁT HÀNH NGẮN HẠN

	Số cuối năm (VND)	Số đầu năm (VND)
Trái phiếu phát hành ngắn hạn	-	100.000.000.000
	-	100.000.000.000

Trái phiếu do Công ty phát hành ngắn hạn là trái phiếu doanh nghiệp không chuyển đổi và không có tài sản đảm bảo.

Ngày 15 tháng 08 năm 2019, Công ty đã phát hành trái phiếu ngắn hạn với mệnh giá 1 tỷ đồng/trái phiếu, tổng giá trị phát hành là 100 tỷ đồng, kỳ hạn 12 tháng từ ngày 15 tháng 08 năm 2019, lãi suất cố định 9,20%/năm, trả lãi 1 năm/lần, trả gốc cuối kỳ. Mục đích phát hành trái phiếu để bổ sung vốn lưu động cho hoạt động kinh doanh của Công ty.

16. PHẢI TRẢ HOẠT ĐỘNG GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN

	Số cuối năm (VND)	Số đầu năm (VND)
Phải trả Sở Giao dịch Chứng khoán	1.435.516.002	563.548.506
Phải trả Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam ("VSD")	585.807.425	3.102.738.781
Phải trả tổ chức, cá nhân khác	842.237.435	12.481.754.481
- Đặt cọc mua cổ phiếu CTCP Nước sạch Bắc Giang của Nhà đầu tư	-	12.066.025.268
- Phải trả các chi nhánh Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam trong giao dịch chứng khoán	239.770.922	48.657.759
- Phải trả khác	602.466.513	367.071.454
	2.863.560.862	16.148.041.768

17. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	Số cuối năm (VND)	Số đầu năm (VND)
CTCP Đầu Tư Xây Dựng Và Thương Mại KTC	45.932.308	263.678.800
CTCP VNPAY	137.879.575	-
Khác	254.809.566	308.759.566
	438.621.449	572.438.366

18. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

	Số cuối năm (VND)	Số đầu năm (VND)
Tổng Công ty Thương mại Xuất nhập khẩu Thanh Lễ – CTCP	163.500.000	104.500.000
CTCP Đầu tư và Phát triển Đô thị Dana Home Land (Home Land Group)	150.000.000	-
Tổng Công ty Công nghiệp Xi măng Việt Nam	109.911.520	49.500.000
CTCP Đầu tư và Kinh doanh Bất động sản Hải Phát	100.000.000	-
Văn phòng Đài truyền hình Việt Nam	90.000.000	90.000.000
Khác	1.019.500.000	1.305.661.520
	1.632.911.520	1.549.661.520

19. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Thuế giá trị gia tăng ("GTGT")	95.909.840	13.722.964
Thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN")	5.141.592.495	2.384.329.171
Thuế thu nhập cá nhân ("TNCN")	3.639.562.74	855.117.883
	8.877.065.084	3.253.170.018

Biến động thuế và các khoản phải nộp Nhà nước trong năm:

	Phát sinh trong năm			Số cuối năm
	Số đầu năm	Tăng	Giảm	
Thuế GTGT	13.722.964	1.626.114.262	(1.543.927.386)	95.909.840
Thuế TNDN	2.384.329.171	14.390.205.543	(11.632.942.219)	5.141.592.495
Thuế TNCN	855.117.883	20.586.776.877	(17.802.332.011)	3.639.562.749
	3.253.170.018	36.603.096.682	(30.979.201.616)	8.877.065.084

Đơn vị: VND

20. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Dự trả lãi trái phiếu phát hành	-	3.503.561.645
Dự trả lãi vay các tổ chức tín dụng	3.657.063.578	1.303.845.532
Chi phí phải trả khác	644.666.323	607.682.287
	4.301.729.901	5.415.089.464

21. GIAO DỊCH MUA BÁN LẠI TRÁI PHIẾU CHÍNH PHỦ

21.1 Tài sản giao dịch mua bán lại Trái phiếu Chính phủ

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Repo Trái phiếu Chính Phủ	586.008.992.337	418.106.144.446

Tài sản giao dịch mua bán lại Trái phiếu Chính phủ bao gồm các khoản phải thu đối với các Trái phiếu Chính phủ mà Công ty đã mua và cam kết sẽ bán lại trong vòng 01 tháng và hưởng lãi suất từ 2,70%/năm đến 4,60%/năm.

21.2 Phải trả giao dịch mua bán lại Trái phiếu Chính phủ

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Repo Trái phiếu Chính Phủ	586.168.120.514	424.425.180.952

Phải trả giao dịch mua bán lại Trái phiếu Chính phủ bao gồm các khoản phải trả đối với các Trái phiếu Chính phủ mà Công ty đã bán và cam kết sẽ mua lại trong vòng 01 tháng và chịu lãi suất từ 2,70%/năm đến 4,60%/năm.

22. VỐN CHỦ SỞ HỮU

22.1 Tình hình tăng giảm nguồn vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Cổ phiếu quỹ VND	Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ VND	Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Tổng cộng VND
Ngày 01 tháng 01 năm 2019	1.064.365.760.000	6.178.512.734	(255.742.104)	30.717.102.025	30.717.102.025	183.355.881.507	1.315.078.616.187
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	114.805.156.081	114.805.156.081
Trả cổ tức bằng tiền mặt	-	-	-	-	-	(106.399.631.000)	(106.399.631.000)
Trích lợi nhuận sau thuế	-	-	-	5.896.478.731	5.896.478.731	(11.792.957.462)	-
Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi, thù lao Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát	-	-	-	-	-	(10.426.756.252)	(10.426.756.252)
Giảm khác	-	(15.000.000)	-	-	-	-	(15.000.000)
Ngày 31 tháng 12 năm 2019	1.064.365.760.000	6.163.512.734	(255.742.104)	36.613.580.756	36.613.580.756	169.541.692.874	1.313.042.385.016
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	128.187.390.694	128.187.390.694
Mua cổ phiếu quỹ	-	-	(3.006.577)	-	-	-	(3.006.577)
Trích lập nhuận sau thuế	-	-	-	2.314.999.616	2.314.999.616	(4.629.999.232)	-
Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi, thù lao Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát	-	-	-	-	-	(3.786.970.444)	(3.786.970.444)
Biến động khác	-	15.000.000	-	-	-	(15.000.000)	-
Ngày 31 tháng 12 năm 2020	1.064.365.760.000	6.178.512.734	(258.748.681)	38.928.580.372	38.928.580.372	289.297.113.892	1.437.439.798.689

Trong năm, Công ty đã thực hiện trích các lập quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ, quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ và quỹ khen thưởng, phúc lợi, thù lao Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông số 01/2020/NQ-DHĐCĐ-CKCT ngày 27 tháng 04 năm 2020.

22.2 Tình hình phân phối thu nhập cho cổ đông

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Lợi nhuận đã thực hiện	157.231.792.497	86.657.024.972
Lợi nhuận chưa thực hiện	132.065.321.395	82.884.667.902
	289.297.113.892	169.541.692.874

22.3 Cổ phiếu

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Số cổ phiếu	VND	Số cổ phiếu	VND
Số lượng cổ phiếu được phép phát hành	106.436.576	1.064.365.760.000	106.436.576	1.064.365.760.000
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	106.436.576	1.064.365.760.000	106.436.576	1.064.365.760.000
-Cổ phiếu phổ thông	106.436.576	1.064.365.760.000	106.436.576	1.064.365.760.000
Số lượng cổ phiếu quỹ	36.962	369.620.000	36.700	367.000.000
-Cổ phiếu phổ thông	36.962	369.620.000	36.700	367.000.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	106.399.614	1.063.996.140.000	106.399.876	1.063.998.760.000
-Cổ phiếu phổ thông	106.399.614	1.063.996.140.000	106.399.876	1.063.998.760.000

23. THUYẾT MINH VỀ CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

23.1 Tài sản tài chính niêm yết lưu ký tại Trung tâm Lưu ký Chứng khoán ("VSD") của công ty chứng khoán ("CTCK")

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Tài sản tài chính giao dịch tự do chuyển nhượng	433.601.000.000	201.968.260.000
Tài sản tài chính giao dịch hạn chế chuyển nhượng	470.000	470.000
Tài sản tài chính phong tỏa, tạm giữ	83.330.360.000	362.900.000.000
Tài sản tài chính chờ về	6.123.500.000	-
	523.055.330.000	564.868.730.000

23.2 Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch của CTCK

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Tài sản tài chính giao dịch tự do chuyển nhượng	77.915.000.000	77.915.000.000
	77.915.000.000	77.915.000.000

23.3 Tài sản tài chính chưa lưu ký tại VSD của CTCK

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Tài sản tài chính chưa lưu ký tại VSD	1.169.962.640.000	679.462.650.000
	1.169.962.640.000	679.462.650.000

23.4 Tài sản tài chính niêm yết/đăng ký giao dịch tại VSD của Nhà đầu tư

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Tài sản tài chính giao dịch tự do chuyển nhượng	13.018.992.341.000	13.043.528.781.000
Tài sản tài chính giao dịch hạn chế chuyển nhượng	1.051.069.840.000	1.086.453.950.000
Tài sản tài chính giao dịch cầm cố	931.268.200.000	914.821.600.000
Tài sản tài chính phong tỏa, tạm giữ	2.166.765.730.000	2.882.084.980.000
Tài sản tài chính chờ thanh toán	143.917.156.000	37.945.716.000
	17.312.013.267.000	17.964.835.027.000

23.5 Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch của Nhà đầu tư

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch, tự do chuyển nhượng	205.452.150.000	473.546.660.000
	205.452.150.000	473.546.660.000

23.6 Tài sản tài chính chờ về của Nhà đầu tư

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Tài sản tài chính chưa lưu ký tại VSD	159.966.808.000	34.830.450.000
	159.966.808.000	34.830.450.000

23.7 **Tiền gửi của Nhà đầu tư**

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	379.910.903.376	155.405.690.031
- Tiền gửi của Nhà đầu tư trong nước về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	378.878.559.615	153.852.591.748
- Tiền gửi của Nhà đầu tư nước ngoài về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	471.541.234	775.364.749
- Tiền gửi ký quỹ của Nhà đầu tư trong nước tại VSD	560.802.527	777.733.534
Tiền gửi tổng hợp giao dịch chứng khoán cho khách hàng	204.911.353.489	35.856.544.461
Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán	31.225.344.011	1.881.228.539
- Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán của Nhà đầu tư trong nước	31.109.967.574	1.692.238.756
- Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán của Nhà đầu tư nước ngoài	115.376.437	188.989.783
	616.047.600.876	193.143.463.031

23.8 **Tiền gửi của Tổ chức phát hành chứng khoán**

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Tiền gửi thanh toán gốc, tiền lãi và cổ tức của Tổ chức phát hành	4.299.151.700	3.138.031.394
	4.299.151.700	3.138.031.394

23.9 **Phải trả Nhà đầu tư**

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Phải trả Nhà đầu tư – Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	616.047.600.876	193.143.463.031
- Phải trả Nhà đầu tư trong nước về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	614.899.880.678	191.590.364.748
- Phải trả Nhà đầu tư nước ngoài về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	586.917.671	775.364.749
- Phải trả Nhà đầu tư về tiền gửi ký quỹ giao dịch chứng khoán phái sinh	560.802.527	777.733.534
Phải trả cổ tức, gốc và lãi trái phiếu	4.299.151.700	3.138.031.394
	620.346.752.576	196.281.494.425

24. LÃI/(LỖ) TỪ CÁC TÀI SẢN TÀI CHÍNH

24.1 **Lãi/(lỗ) bán các tài sản tài chính FVTPL**

24.1.1 Lãi bán các tài sản tài chính FVTPL

STT	Danh mục các khoản đầu tư	Số lượng bán đơn vị	Tổng giá trị bán VND	Giá vốn bình quân gia quyền vào cuối ngày giao dịch VND	Lãi bán chứng khoán năm nay VND	Lãi bán chứng khoán năm trước VND
1	Cổ phiếu niêm yết	6.522.968	155.323.393.200	140.142.601.301	15.180.791.899	3.437.390.820
2	Cổ phiếu chưa niêm yết	-	-	-	-	239.552.757
3	Trái phiếu niêm yết	16.450.000	1.729.506.950.000	1.728.734.650.000	772.300.000	282.450.000
4	Trái phiếu chưa niêm yết	2.356.594	1.573.613.324.345	1.550.147.106.121	23.466.218.224	5.831.866.982
5	Repo trái phiếu	-	-	-	2.015.347.891	13.683.790.696
	Tổng cộng	25.329.562	3.458.443.667.545	3.419.024.357.422	41.434.658.014	23.475.051.255

24.1.2 Lãi bán các tài sản tài chính FVTPL

STT	Danh mục các khoản đầu tư	Số lượng bán đơn vị	Tổng giá trị bán VND	Giá vốn bình quân gia quyền vào cuối ngày giao dịch VND	Lãi bán chứng khoán năm nay VND	Lãi bán chứng khoán năm trước VND
1	Cổ phiếu niêm yết	4.518.500	56.741.536.100	59.756.626.473	3.015.090.373	12.969.148.254
2	Cổ phiếu chưa niêm yết	6.563.105	678.862.950.000	683.339.202.700	4.476.252.700	2.673.772.436
3	Trái phiếu niêm yết	21.370.000	2.291.042.040.000	2.291.863.240.000	821.200.000	688.500.000
	Tổng cộng	32.451.605	3.026.646.526.100	3.034.959.069.173	8.312.543.073	16.331.420.690

24.2 Chênh lệch về đánh giá lại các tài sản tài chính

Danh mục các loại tài sản tài chính	Giá trị mua theo số kế toán VND	Giá trị hợp lý VND	Số dư chênh lệch đánh giá lại cuối năm VND	Số dư chênh lệch đánh giá lại đầu năm VND	Chênh lệch tăng VND	Chênh lệch giảm VND
FVTPL	1.317.091.503.175	1.486.998.817.719	169.907.314.544	108.431.497.678	301.560.482.965	(240.084.666.099)
Cổ phiếu niêm yết	313.791.104.868	336.714.960.620	22.923.855.752	(87.820.897.406)	271.123.380.185	(160.378.627.027)
CTCP Hoàng Anh Gia Lai	178.759.430.190	137.950.296.750	(40.809.133.440)	(74.179.967.130)	87.762.664.980	(54.391.831.290)
CTCP Phát triển nhà Bà Rịa – Vũng Tàu	25.092.452.097	92.959.364.250	67.866.912.153	29.970.930.670	58.921.709.483	(21.025.728.000)
CTCP Nông nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai	94.709.854.790	88.820.911.500	(5.888.943.290)	(9.856.887.790)	35.711.500.500	(31.743.556.000)
CTCP Kiên Hùng	15.063.892.000	16.770.007.100	1.706.115.100	(274.594.400)	3.697.324.400	(1.716.614.900)
CTCP CMC	-	700.000	125.682	(27.852.379.560)	50.047.079.310	(22.194.699.750)
CTCP Đầu tư C.E.O	574.318	437.000	75.386	(4.304.457.266)	6.952.758.400	(2.648.175.452)
Ngân hàng TMCP Quân đội	361.614	547.400	227.499	(1.159.752.291)	14.016.637.373	(12.856.809.696)
CTCP Hà Đô	319.901	378.250	(43.763)	(1.737.376.086)	6.690.229.050	(8.240.138.100)
CTCP Xây lắp điện 1	422.013	4.932.550	2.156.299	(1.737.376.086)	7.258.607.623	(5.521.275.300)
CTCP Tập đoàn Hòa Phát	2.776.251	207.385.820	46.364.126	32.318	4.781.346	(2.657.365)
Cổ phiếu khác	161.021.694	207.385.820	46.364.126	23.417.580	60.087.720	(37.141.174)
Cổ phiếu chưa niêm yết	195.740.555.760	342.724.014.552	146.983.458.792	196.252.395.084	30.437.102.780	(79.706.039.072)
CTCP Ô tô Trường Hải	71.907.707.642	242.620.943.600	170.713.235.958	237.874.221.318	-	(67.160.985.360)
Tổng Công ty Thép Việt Nam – CTCP	80.138.450.000	66.649.800.000	(13.488.650.000)	(30.151.100.000)	17.455.900.000	(793.450.000)
Tổng Công ty Thương mại Xuất nhập khẩu Thanh Lê	35.065.711.200	25.512.300.000	(9.553.411.200)	(11.872.711.200)	7.421.760.000	(5.102.460.000)
Công ty TNHH MTV Nước giải khát Sanest Khánh Hòa	-	-	-	(450.480.000)	1.238.820.000	(788.340.000)
CTCP Giải pháp Công nghệ Tài tạo	7.630.000.000	6.087.214.000	(1.542.786.000)	401.338.000	-	(1.944.124.000)
CTCP Xuất nhập khẩu Thủy sản tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu	956.136.400	1.833.189.236	877.052.836	469.264.660	538.909.776	(31.121.600)
Cổ phiếu khác	42.550.518	20.567.716	(21.982.802)	(18.137.694)	3.781.713.004	(3.785.558.112)
Trái phiếu chưa niêm yết	807.559.842.547	807.559.842.547	-	-	-	-

24.3 Cổ tức, tiền lãi phát sinh từ tài sản tài chính FVTPL

Cổ tức, tiền lãi phát sinh từ tài sản tài chính FVTPL	56.725.484.756	54.193.830.166
- Cổ phiếu	17.456.615.389	31.014.574.002
- Trái phiếu	39.268.869.367	23.179.256.164
Lãi tiền gửi cố định có kỳ hạn	-	35.616.438
Tổng	56.725.484.756	54.229.446.604

	Năm nay VND	Năm trước VND
Cổ tức, tiền lãi phát sinh từ tài sản tài chính FVTPL	56.725.484.756	54.193.830.166
- Cổ phiếu	17.456.615.389	31.014.574.002
- Trái phiếu	39.268.869.367	23.179.256.164
Lãi tiền gửi cố định có kỳ hạn	-	35.616.438
Tổng	56.725.484.756	54.229.446.604

24.4 Lãi phát sinh từ các khoản cho vay và phải thu

Thu nhập lãi cho vay giao dịch ký quỹ	77.385.943.795	75.366.924.686
Tổng	77.385.943.795	75.366.924.686

	Năm nay VND	Năm trước VND
Thu nhập lãi cho vay giao dịch ký quỹ	77.385.943.795	75.366.924.686
Tổng	77.385.943.795	75.366.924.686

24.5 Lãi từ tài sản tài chính sẵn sàng để bán ("AFS") và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ("HTM")

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	13.304.383.562	15.411.904.213
- Chứng chỉ tiền gửi	13.304.383.562	-
- Trái phiếu chưa niêm yết	-	15.411.904.213
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	14.450.013.693	-
- Tiền gửi có kỳ hạn	14.450.013.693	-
Tổng	27.754.397.255	15.411.904.213

	Năm nay VND	Năm trước VND
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	13.304.383.562	15.411.904.213
- Chứng chỉ tiền gửi	13.304.383.562	-
- Trái phiếu chưa niêm yết	-	15.411.904.213
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	14.450.013.693	-
- Tiền gửi có kỳ hạn	14.450.013.693	-
Tổng	27.754.397.255	15.411.904.213

24.6 Chi phí giao dịch mua các tài sản tài chính FVTPL

Chi phí giao dịch mua Repo trái phiếu	1.575.439.562	13.534.312.189
Tổng	1.575.439.562	13.534.312.189

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí giao dịch mua Repo trái phiếu	1.575.439.562	13.534.312.189
Tổng	1.575.439.562	13.534.312.189

25. DOANH THU NGHIỆP VỤ MÔI GIỚI CHỨNG KHOÁN

Doanh thu phí giao dịch chứng khoán môi giới	48.681.264.724	38.479.981.938
Doanh thu môi giới khác	501.383.375	640.014.105
Tổng	49.182.648.099	39.119.996.043

	Năm nay VND	Năm trước VND
Doanh thu phí giao dịch chứng khoán môi giới	48.681.264.724	38.479.981.938
Doanh thu môi giới khác	501.383.375	640.014.105
Tổng	49.182.648.099	39.119.996.043

26. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TƯ VẤN TÀI CHÍNH

	Năm nay VND	Năm trước VND
Doanh thu hoạt động tư vấn tài chính	3.623.592.656	8.557.636.364
	3.623.592.656	8.557.636.364

27. THU NHẬP HOẠT ĐỘNG KHÁC

	Năm nay VND	Năm trước VND
Phí mua lại trước hạn Trái phiếu CTCP Đầu tư Bất động sản Đông Dương	278.918.556	-
Phí xác nhận	149.839.343	85.516.402
Phí SMS	209.288.508	48.772.757
Phí khác	289.908.316	80.372.727
	927.954.723	214.661.886

28. CHI PHÍ NGHIỆP VỤ MÔI GIỚI CHỨNG KHOÁN

	Năm nay VND	Năm trước VND
Phí giao dịch chứng khoán môi giới	8.190.763.535	8.571.304.067
Phí quản lý thành viên và phí định kỳ hàng năm phân bổ cho hoạt động môi giới	529.988.633	550.405.025
Chi phí quản lý hoạt động môi giới	37.165.101.679	26.551.514.713
- Chi phí nhân viên	12.214.369.194	9.354.709.224
- Chi phí vật tư văn phòng	74.333.877	64.903.978
- Chi phí công cụ, dụng cụ	255.934.998	26.121.833
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	6.843.543.967	6.865.365.192
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	15.262.889.412	8.567.164.720
- Chi phí khác	2.514.030.231	1.673.249.766
	45.885.853.847	35.673.223.805

29. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG KHÁC

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí phân bổ lợi thế kinh doanh	-	907.432.733
Chi phí dự phòng phải thu các dịch vụ công ty chứng khoán cung cấp	334.659.326	52.258.932
	334.659.326	959.691.665

30. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm nay VND	Năm trước VND
Doanh thu lãi tiền gửi không kỳ hạn	1.510.548.019	1.317.565.287
	1.510.548.019	1.317.565.287

31. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí lãi vay	62.618.953.944	46.385.180.468
Chi phí lãi vay trái phiếu phát hành	5.772.054.793	9.522.054.801
Chi phí đại lý phát hành và phân phối trái phiếu	93.548.387	1.076.451.610
Chi phí lãi vay khác	8.498.726.514	-
	76.983.283.638	56.983.686.879

32. CHI PHÍ QUẢN LÝ CÔNG TY CHỨNG KHOÁN

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí nhân viên	34.720.839.213	30.788.104.945
Chi phí văn phòng phẩm	738.402.982	791.472.526
Chi phí công cụ, dụng cụ	1.911.958.757	822.709.072
Chi phí khấu hao tài sản cố định	4.405.764.815	5.109.038.517
Chi phí thuế, phí, lệ phí	1.319.108.030	1.043.009.379
Chi phí dịch vụ mua ngoài	5.365.801.160	5.546.828.655
Chi phí khác	7.600.640.661	3.602.619.166
	56.062.515.618	47.703.782.260

33. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (“TNDN”)

33.1 Thuế TNDN hiện hành

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

Thuế TNDN hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của năm hiện tại. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các năm khác do có sự khác biệt giữa việc ghi nhận theo chính sách kế toán của Công ty và các quy định thuế hiện hành, và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải trả của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc năm tài chính. Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với mức thuế suất 20% (năm 2019: 20%) trên tổng lợi nhuận chịu thuế theo Thông tư số 78/2014/TT-BTC có hiệu lực ngày 02 tháng 08 năm 2014.

Bảng ước tính mức thuế TNDN hiện hành của Công ty được trình bày dưới đây:

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lợi nhuận thuần trước thuế TNDN	150.513.173.803	139.641.836.609
<i>Cộng</i>		
- Chênh lệch đánh giá lại tài sản tài chính FVTPL	240.084.666.099	158.813.890.703
- Chi phí khấu hao xe ô tô dưới 9 chỗ vượt mức trần theo quy định	289.440.012	289.440.012
- Chi phí lãi vay vượt mức trần quy định theo Nghị định 20	-	15.263.701.440
Phạt chậm nộp	-	2.998.582
Kinh phí công đoàn năm 2019	80.846.159	-
<i>Trừ</i>		
- Chênh lệch tăng đánh giá lại tài sản tài chính FVTPL	(301.560.482.965)	(244.709.837.293)
- Thu nhập từ cổ tức	(17.456.615.389)	(31.014.574.002)
Thu nhập chịu thuế TNDN ước tính năm hiện hành	71.951.027.719	38.287.456.051
Thuế suất thuế TNDN	20%	20%
Thuế TNDN phải trả ước tính năm hiện hành	14.390.205.543	7.657.491.210
Điều chỉnh giảm thuế TNDN cho năm 2018, 2019 theo Nghị định 132/2020/NĐ-CP (*)	(4.359.585.807)	-
Tổng cộng	10.030.619.736	7.657.491.210

(*) Theo hướng dẫn của Nghị định số 132/2020/NĐ-CP ngày 05 tháng 11 năm 2020 do Chính phủ ban hành về quy định mức tỷ lệ lãi vay được khấu trừ áp dụng từ năm tính thuế 2020, Công ty đã ghi nhận điều chỉnh giảm chi phí thuế TNDN trong năm hiện hành với tổng giá trị là 4.359.585.807 đồng.

33.2 Thuế TNDN hoãn lại

	Năm nay VND	Năm trước VND
Thuế TNDN hoãn lại ròng đầu năm	(25.546.829.776)	(8.367.640.458)
Các khoản chênh lệch tạm thời tính thuế		
-Chênh lệch đánh giá lại tài sản tài chính FVTPL	(61.475.816.866)	(85.895.946.590)
Thuế suất tính thuế hoãn lại trong năm hiện hành	20%	20%
Chi phí thuế TNDN hoãn lại phát sinh trong năm	(12.295.163.373)	(17.179.189.318)
Thuế TNDN hoãn lại ròng cuối năm	(37.841.993.149)	(25.546.829.776)

34. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm. Lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 được tính bằng lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp còn lại sau khi tạm trích lập các quỹ không thuộc cổ đông theo tỷ lệ trích lập thực tế trong năm. Cho mục đích lập báo cáo tài chính các khoản thu nhập toàn diện khác chưa được cộng vào lợi nhuận sau thuế để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu do chưa có hướng dẫn chi tiết.

	Năm nay	Năm trước (trình bày lại)
Lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (VND)	128.187.390.694	114.805.156.081
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi trong năm (VND) (*)		(3.786.970.444)
Lợi nhuận thuần phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (VND) (*)	128.187.390.694	111.018.185.637
Bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành (cổ phiếu)	106.399.620	106.399.876
Lãi cơ bản trên mỗi cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	1.205	1.043

(*) Lợi nhuận sau thuế cho mục đích tính toán lãi trên cổ phiếu năm 2019 được điều chỉnh lại so với số liệu đã trình bày trong báo cáo tài chính năm 2019 để phản ánh khoản thực trích quỹ khen thưởng phúc lợi từ lợi nhuận để lại của năm 2019 theo Nghị quyết Đại Hội đồng Cổ đông số 01/2020/NQ-ĐHĐCĐ-CKCT ngày 27 tháng 04 năm 2020.

35. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách các bên liên quan và mối quan hệ giữa Công ty với các bên liên quan như sau:

Danh sách bên liên quan	Mối quan hệ
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	Ngân hàng mẹ
Công ty TNHH MTV Quản lý quỹ Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	Công ty có cùng Ngân hàng mẹ
Công ty TNHH MTV Bảo hiểm Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	Công ty có cùng Ngân hàng mẹ
Công ty TNHH MTV Vàng bạc Đá quý Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	Công ty có cùng Ngân hàng mẹ

Số dư trọng yếu với các bên liên quan của Công ty tại thời điểm cuối năm và đầu năm như sau:

Tên các bên liên quan	Nội dung nghiệp vụ	Số cuối năm Phải thu/(Phải trả) VND	Số cuối năm Phải thu/(Phải trả) VND
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	Tiền gửi thanh toán của Công ty	20.670.856.096	16.356.949.932
	Tiền gửi giao dịch của Nhà đầu tư	(576.110.706.627)	(182.825.496.378)
	Các khoản phải thu (lãi tiền gửi, phải thu khác)	15.600.883	15.600.883
	Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	(240.343.542)	(49.230.379)
	Các khoản phải trả	(798.351.216)	(798.015.716)
	Doanh thu chưa thực hiện	(6.238.799.764)	(7.330.125.600)
Công ty TNHH MTV Quản lý quỹ Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	Phải trả về tiền gửi giao dịch chứng khoán	(7.136.074)	(17.144.556)
Công ty TNHH MTV Bảo hiểm Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	Chi phí trả trước	467.220.000	
	Phải trả về tiền gửi giao dịch chứng khoán		(761.975)
	Phải trả phí bảo hiểm	(2.865.000)	

Giá trị các giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong năm 2020 và 2019 như sau:

Tên các bên liên quan	Nội dung nghiệp vụ	Số cuối năm Phải thu/(Phải trả) VND	Số cuối năm Phải thu/(Phải trả) VND
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	Thu lãi tiền gửi	702.778.845	631.934.817
	Doanh thu phí tư vấn phát hành	-	350.000.000
	Doanh thu phí đại lý đăng ký lưu ký, đại lý phát hành	-	1.150.000.000
	Doanh thu khác	199.839.343	85.516.402
	Chi phí thuê văn phòng	(858.112.000)	(832.716.800)
	Chi trả cổ tức bằng tiền mặt	-	(80.486.470.000)
	Chi phí hoa hồng môi giới và hợp tác kinh doanh	(9.548.510.119)	(4.584.902.302)
	Phí chuyển tiền	(6.817.348)	(18.070.653)
Công ty TNHH MTV Quản lý quỹ Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	Doanh thu phí lưu ký	66.950.982	69.243.431
	Chi phí lãi tiền gửi	(934.720)	(491.624)
Công ty TNHH MTV Bảo hiểm Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	Phí bảo hiểm	(548.007.968)	(643.120.555)
	Chi phí lãi tiền gửi	(365)	(1.469)
Công ty TNHH MTV Vàng bạc Đá quý Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	Doanh thu khác	24.545.454	-
	Mua hàng	(410.763.000)	-

Các giao dịch với các bên liên quan khác

Thu nhập của các thành viên của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc

Tên	Chức vụ	Năm nay (VND)	Năm trước (VND)
Hội đồng Quản trị		2.539.348.328	2.846.008.437
Bà Hồ Thị Thu Hiền	Chủ tịch (i)	550.955.850	-
Ông Hạ Quang Vũ	Chủ tịch (ii)	1.038.395.247	1.312.345.988
Bà Hà Thu Phương	Thành viên (i)	108.635.887	-
Ông Nguyễn Minh Giang	Thành viên (ii)	605.541.978	910.198.714
Bà Trần Thị Thu Hương	Thành viên (ii)	108.635.887	-
Ông Nguyễn Trần Mạnh Trung	Thành viên (iii)	42.394.493	207.821.245
Ông Lê Thế Mạnh	Thành viên (iii)	42.394.493	159.801.942
Bà Đặng Thị Việt Hà	Thành viên (iii)	42.394.493	159.801.942
Ông Vũ Anh Đức	Thành viên (iv)	-	48.019.303
Bà Nguyễn Thị Minh Hằng	Thành viên (iv)	-	48.019.303
Ban Kiểm soát		950.216.725	804.865.381
Ban Tổng Giám đốc		4.963.423.319	3.696.825.390
Ông Trần Phúc Vinh	Quyền Tổng Giám đốc (i)	463.043.182	-
Ông Khổng Phan Đức	Tổng Giám đốc (ii)	940.687.789	1.506.786.886
Ông Đặng Anh Hào	Phó Tổng Giám đốc (i)	378.973.014	-
Bà Phan Hải Sâm	Phó Tổng Giám đốc	943.698.920	865.331.519
Ông Thái Hoàng Long	Phó Tổng Giám đốc	997.998.751	569.035.086
Ông Chu Mạnh Hiến	Phó Tổng Giám đốc (ii)	448.333.793	718.887.242
Ông Phạm Ngọc Hiệp	Phó Tổng Giám đốc	563.648.779	36.784.657
Ông Nguyễn Tuấn Anh	Phó Tổng Giám đốc (i)	227.039.091	-
		8.452.988.372	7.347.699.208

(i) Bổ nhiệm năm 2020;

(ii) Miễn nhiệm năm 2020;

(iii) Miễn nhiệm năm 2019;

(iv) Miễn nhiệm năm 2018.

36. BÁO CÁO BỘ PHẬN

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận được chia theo hoạt động kinh doanh) hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một trường hợp kinh tế cụ thể (bộ phận được chia theo khu vực địa lý). Mỗi một bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt so với các bộ phận khác.

Thông tin bộ phận theo hoạt động kinh doanh

Bộ phận theo hoạt động kinh doanh của Công ty chủ yếu được xác định dựa trên các loại hình sản phẩm dịch vụ chính mà bộ phận đó cung cấp.

	Mỗi giới chứng khoán VND	Đầu tư vào công cụ tài chính VND	Hoạt động tư vấn, đại lý phát hành VND	Hoạt động lưu ký VND	Hoạt động đầu tư khác VND	Tổng cộng VND
Ngày 31 tháng 12 năm 2020						
1. Doanh thu thuần hoạt động kinh doanh chứng khoán	126.568.591.894	433.884.485.770	27.191.774.474	22.120.925.586	649.036.167	610.414.813.891
2. Doanh thu không phân bổ	-	-	-	-	1.645.565.068	1.645.565.068
3. Các chi phí trực tiếp	45.885.853.847	258.107.581.530	9.835.708.805	14.672.261.718	-	328.501.405.900
4. Khấu hao và các chi phí phân bổ	11.624.478.139	39.849.386.362	2.497.382.512	2.031.658.977	59.609.628	56.062.515.618
5. Chi phí không phân bổ	-	-	-	-	76.983.283.638	76.983.283.638
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thuế	69.058.259.908	135.927.517.878	14.858.683.157	5.417.004.891	(74.748.292.031)	150.513.173.803
Số dư cuối năm						
1. Tài sản bộ phận trực tiếp	981.078.015.998	3.210.222.709.878	1.311.691.830	341.162.342	1.678.662.004	4.194.632.242.052
2. Tài sản bộ phận	16.358.847.630	56.079.080.012	3.514.506.156	2.859.104.662	83.887.192	78.895.425.652
3. Tài sản không phân bổ	-	-	-	-	178.743.906	178.743.906
Tổng tài sản	997.436.863.628	3.266.301.789.890	4.826.197.986	3.200.267.004	1.941.293.102	4.273.706.411.610
1. Nợ phải trả bộ phận trực tiếp	2.277.753.437	590.469.850.415	12.163.834.572	585.807.425	-	605.497.245.849
2. Nợ phải trả bộ phận	462.285.375.902	1.584.741.124.166	99.316.580.014	80.795.561.101	2.370.571.751	2.229.509.212.934
3. Nợ phải trả không phân bổ	-	-	-	-	1.260.154.138	1.260.154.138
Tổng nợ phải trả	464.563.129.339	2.175.210.974.581	111.480.414.586	81.581.368.526	3.630.725.889	2.836.266.612.921

37. CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

Công ty không có các cam kết thuê hoạt động tại thời điểm cuối năm và đầu năm.

38. MỤC ĐÍCH VÀ CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH

Nợ phải trả tài chính của Công ty chủ yếu bao gồm các khoản vay và nợ, các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác. Mục đích chính của những khoản nợ phải trả tài chính này là nhằm huy động nguồn tài chính phục vụ các hoạt động của Công ty. Công ty có các khoản cho vay, phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác, tiền mặt và tiền gửi ngắn hạn phát sinh trực tiếp từ hoạt động của Công ty. Công ty có rủi ro thị trường, rủi ro về giá chứng khoán, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Nghiệp vụ quản lý rủi ro là nghiệp vụ không thể thiếu cho toàn bộ hoạt động kinh doanh của Công ty. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Tổng Giám đốc liên tục theo dõi quy trình quản lý rủi ro của Công ty để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Ban Tổng Giám đốc xem xét và thống nhất áp dụng các chính sách quản lý cho những rủi ro phát sinh trong hoạt động kinh doanh như sau:

38.1 RỦI RO THỊ TRƯỜNG

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường có bốn loại rủi ro: rủi ro lãi suất, rủi ro tiền tệ, rủi ro giá hàng hóa và rủi ro về giá khác, chẳng hạn như rủi ro về giá cổ phiếu. Công cụ tài chính bị ảnh hưởng bởi rủi ro thị trường bao gồm các khoản vay và nợ, tiền gửi có kỳ hạn, các khoản đầu tư.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến tiền và các khoản tiền gửi ngắn hạn của Công ty, các khoản đầu tư trái phiếu, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn và các khoản cho vay. Nợ phải trả tài chính có lãi suất cố định. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các mức lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình. Công ty không thực hiện phân tích độ nhạy đối với lãi suất vì rủi ro do thay đổi lãi suất của Công ty tại ngày lập báo cáo là không đáng kể.

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính biến động do thay đổi tỷ giá hối đoái. Công ty chịu rủi ro do sự thay đổi của tỷ giá hối đoái liên quan trực tiếp đến các hoạt động kinh doanh của Công ty (khi doanh thu và chi phí được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng tiền hạch toán của Công ty).

Ban Tổng Giám đốc đánh giá rủi ro ngoại tệ của Công ty là rất thấp do trong năm 2019 và năm 2020, Công ty hầu như không tham gia vào các giao dịch ngoại tệ.

38.2 RỦI RO VỀ GIÁ CHỨNG KHOÁN

Các chứng khoán đã niêm yết và chưa niêm yết do Công ty nắm giữ bị ảnh hưởng bởi các rủi ro thị trường phát sinh từ tính không chắc chắn về giá trị tương lai của chứng khoán đầu tư. Công ty quản lý rủi ro về giá chứng khoán bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư. Hội đồng Đầu tư của Công ty cũng xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư vào chứng khoán.

Tại ngày lập báo cáo tài chính, giá trị hợp lý của các khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết và cổ phiếu chưa niêm yết của Công ty là 679.438.975.172 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2019: 832.721.166.437 đồng). Sự tăng (hoặc giảm) 10% của chỉ số chứng khoán có thể làm tăng (hoặc giảm) một tỷ lệ tương ứng trên doanh thu từ hoạt động đầu tư của Công ty, tùy thuộc vào mức độ trọng yếu và kéo dài của sự suy giảm, và tùy thuộc vào trạng thái nắm giữ của danh mục đối với những cổ phiếu có ảnh hưởng đáng kể tới chỉ số của thị trường.

38.3 RỦI RO TÍN DỤNG

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng khách hàng không thực hiện các nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty có rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh của mình (chủ yếu đối với các khoản cho vay và phải thu khách hàng) và từ hoạt động tài chính của mình, bao gồm tiền gửi ngân hàng.

Phải thu khách hàng

Công ty quản lý rủi ro tín dụng khách hàng thông qua các chính sách, thủ tục và quy trình kiểm soát của Công ty có liên quan đến việc quản lý rủi ro tín dụng khách hàng.

Công ty thường xuyên theo dõi các khoản phải thu khách hàng chưa thu được. Đối với các khách hàng lớn, Công ty thực hiện xem xét sự suy giảm chất lượng tín dụng của từng khách hàng thường xuyên. Công ty tìm cách duy trì kiểm soát chặt chẽ đối với các khoản phải thu tồn đọng và vận hành một bộ phận kiểm soát tín dụng để giảm thiểu rủi ro tín dụng. Trên cơ sở này và việc các khoản phải thu khách hàng của Công ty có liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau, rủi ro tín dụng không bị tập trung đáng kể vào một khách hàng nhất định.

Tiền gửi ngân hàng

Công ty chủ yếu duy trì số dư tiền gửi tại các ngân hàng lớn được nhiều người biết đến ở Việt Nam. Rủi ro tín dụng đối với số dư tiền gửi tại các ngân hàng được quản lý bởi bộ phận kế toán theo chính sách của Công ty. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

Các khoản cho vay và ứng trước cho khách hàng

Công ty quản lý rủi ro tín dụng khách hàng thông qua các chính sách, thủ tục và quy trình kiểm soát của Công ty có liên quan đến quy trình cho vay ký quỹ. Công ty chỉ thực hiện cho vay ký quỹ với các chứng khoán được phép giao dịch ký quỹ theo Quy chế cho vay ký quỹ và được chấm điểm chọn lọc theo nguyên tắc đánh giá chất lượng cổ phiếu của Công ty. Hạn mức tín dụng được kiểm soát trên cơ sở giá trị tài sản bảo đảm, tín nhiệm giao dịch của khách hàng, và các chỉ tiêu về hạn mức kiểm soát.

Ban Tổng Giám đốc của Công ty đánh giá rằng tất cả các tài sản tài chính đều trong hạn và không bị suy giảm vì các tài sản tài chính này đều liên quan đến các khách hàng có uy tín và có khả năng thanh toán tốt, ngoại trừ các khoản phải thu bị suy giảm giá trị như được trình bày dưới đây:

	Không quá hạn và không bị suy giảm giá trị VND	Quá hạn nhưng không bị suy giảm giá trị VND	Quá hạn và bị suy giảm giá trị VND	Tổng cộng VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	21.929.566.336	-	-	21.929.566.336
Các khoản cho vay	918.179.367.449	-	4.810.368.138	922.989.735.587
Các khoản phải thu	63.844.612.778	58.000.000.000	9.000.000.000	130.844.612.778
Phải thu các dịch vụ công ty chứng khoán cung cấp	2.812.960.291	455.390.226	601.076.846	3.869.427.363
Các khoản phải thu khác	220.456.483	-	-	220.456.483
Trả trước cho người bán	1.328.540.000	-	-	1.328.540.000
Cấm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược ngắn hạn	48.194.522	-	-	48.194.522
Cấm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược dài hạn	220.265.000	-	-	220.265.000
Chi phí trả trước	2.863.795.806	-	-	2.863.795.806
Tổng cộng	1.011.447.758.665	58.455.390.226	14.411.444.984	1.084.314.593.875

38.4 RỦI RO THANH KHOẢN

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty giám sát rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền mặt và các khoản tương đương tiền và các khoản vay ngân hàng ở mức mà Ban Tổng Giám đốc cho là đủ để đáp ứng cho các hoạt động của Công ty và để giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp và Công ty có đủ khả năng tiếp cận các nguồn vốn.

Bảng dưới đây tổng hợp thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính của Công ty dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng tại thời điểm cuối năm.

	Quá hạn VND	Đến 1 năm VND	Từ 1 - 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Tổng cộng VND
TÀI SẢN TÀI CHÍNH					
Tiền và các khoản tương đương tiền	-	21.929.566.336	-	-	21.929.566.336
Tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ	-	1.486.998.817.719	-	-	1.486.998.817.719
Các khoản cho vay	4.810.368.138	918.179.367.449	-	-	922.989.735.587
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	-	761.000.000.000	-	-	761.000.000.000
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	-	280.363.606.514	-	-	280.363.606.514
Các khoản phải thu	67.000.000.000	63.844.612.778	-	-	130.844.612.778
Phải thu các dịch vụ công ty chứng khoán cung cấp	1.056.467.072	2.812.960.291	-	-	3.869.427.363
Các khoản phải thu khác	-	220.456.483	-	-	220.456.483
Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	-	586.008.992.337	-	-	586.008.992.337
Tài sản ngắn hạn khác	-	70.676.522	-	-	70.676.522
Tài sản cố định	-	-	-	52.855.312.447	52.855.312.447
Tiền nộp Quỹ Hồ trợ thanh toán	-	-	-	20.000.000.000	20.000.000.000
Tài sản dài hạn khác	-	220.265.000	-	10.039.893.114	10.260.158.114
Tổng tài sản	72.866.835.210	4.121.649.321.429	-	82.895.205.561	4.277.411.362.200
NỢ PHẢI TRẢ					
Vay ngắn hạn	-	2.166.722.913.838	-	-	2.166.722.913.838
Phải trả hoạt động kinh doanh chứng khoán	-	2.863.560.862	-	-	2.863.560.862
Phải trả người bán ngắn hạn	-	438.621.449	-	-	438.621.449
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	-	8.877.065.084	37.841.993.149	-	46.719.058.233
Phải trả người lao động	-	13.596.915.264	-	-	13.596.915.264
Chi phí phải trả ngắn hạn	-	4.301.729.901	-	-	4.301.729.901
Phải trả, phải nộp khác	-	2.470.325.599	-	-	2.470.325.599
Quỹ khen thưởng phúc lợi	-	821.532.689	-	-	821.532.689
Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	-	586.168.120.514	-	-	586.168.120.514
Tổng nợ phải trả	-	2.786.260.785.200	37.841.993.149	-	2.824.102.778.349
Mức chênh lệch thanh khoản ròng	72.866.835.210	1.335.388.536.229	(37.841.993.149)	82.895.205.561	1.453.308.583.851

39. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Không có sự kiện quan trọng nào khác phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính của Công ty.

Người lập:

Bà Đào Thị Yến
Kế toán

Người kiểm soát:

Bà Nguyễn Thị Anh Thư
Kế toán Trưởng

Người phê duyệt:

Bà Hồ Thị Thu Hiền
Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Hà Nội, Việt Nam
Ngày 23 tháng 03 năm 2021